

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 874 /QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 03 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định Bộ tiêu chí, trình tự, thủ tục đánh giá và xếp hạng sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bến Tre**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 105/TTr-VPDP ngày 08 tháng 4 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Bộ tiêu chí, trình tự, thủ tục đánh giá và xếp hạng sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bến Tre.

**Điều 2.** Các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả và đúng theo quy định.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện; chủ động tham mưu, đề xuất các biện pháp để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Bộ tiêu chí, trình tự, thủ tục đánh giá và xếp hạng sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bến Tre.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

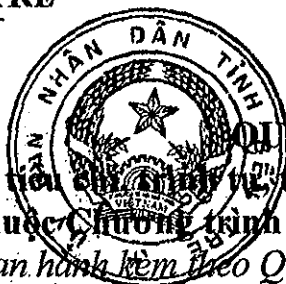
Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- VPĐP NTM TW;
- TT.TU, TT.HĐND;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB.MTTQVN tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ CT MTQG tỉnh;
- Phòng: TH, KT, TCĐT, KGVX;
- Công TTĐT UBND tỉnh;
- Lưu: VT.



**Cao Văn Trọng**



**QUY ĐỊNH**  
**Bộ tiêu chí, trình tự, thủ tục đánh giá, xếp hạng**  
**sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bến Tre**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 814/QĐ-UBND  
ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định Bộ tiêu chí, trình tự, thủ tục đánh giá, xếp hạng sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bến Tre (sau đây viết tắt Chương trình OCOP).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tất cả chủ thể sản xuất sản phẩm của địa phương, tập trung vào chủ thể là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, các hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh, có đăng ký sản phẩm tham gia Chương trình OCOP và tham gia đánh giá, xếp hạng (hoặc thi phân hạng) sản phẩm.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, đơn vị có liên quan đến Chương trình OCOP.

**Điều 3. Nhóm ngành hàng trong đánh giá, xếp hạng sản phẩm**

1. Thực phẩm: Nông, lâm, thủy sản tươi sống (rau, củ, quả, nấm, thịt, cá, tôm, côn trùng ăn được,... tươi sống); Sản phẩm nông lâm thủy sản sơ chế, chế biến (sản phẩm thịt chế biến: chả lụa, xúc xích, Lạp xưởng, chả bông, thịt hun khói,...; sản phẩm thủy sản chế biến: cá khô, tôm khô, chả cá, các loại mắm, nước mắm, thủy sản đông lạnh,...; sản phẩm rau củ, quả chế biến: trái cây sấy hoặc phơi khô, nước ép rau quả, trái cây muối, trà, cà phê, cacao, trà thảo mộc,...).

2. Đồ uống: Gồm đồ uống có cồn (rượu ngâm ủ, rượu chưng cất, rượu vang,...); đồ uống không cồn (nước trái cây, trà, trà thảo dược,...).

3. Thảo dược: Gồm các sản phẩm có thành phần từ thảo dược như thuốc y học cổ truyền, thực phẩm chức năng, thuốc từ dược liệu, mỹ phẩm từ thảo dược (mặt nạ dừa, son dừa,...), chế phẩm xua đuổi hoặc diệt trừ côn trùng,...

4. Lưu niệm - nội thất - trang trí: Gồm các sản phẩm từ gỗ, sợi, mây tre, kim loại, gốm sứ, dệt may,... làm đồ lưu niệm, đồ gia dụng, đồ dùng nhà bếp, đồ nội thất, trang trí các tòa nhà,...

5. Dịch vụ du lịch nông thôn, bán hàng, gồm: các sản phẩm dịch vụ phục vụ hoạt động tham quan, du lịch, giải trí, học tập, nghiên cứu,...

## **Chương II**

### **BỘ TIÊU CHÍ VỀ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM**

#### **Điều 4. Mục đích ban hành Bộ Tiêu chí**

1. Cung cấp thông tin tiêu chuẩn chất lượng cần đạt cho các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất kinh doanh để so sánh với hiện trạng sản phẩm, từ đó triển khai tổ chức sản xuất có hiệu quả hơn, nâng cấp, phát triển các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ đáp ứng yêu cầu của Chương trình OCOP.

2. Làm cơ sở cho cán bộ cấp huyện, cấp tỉnh sử dụng để tư vấn và hỗ trợ các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất trong xây dựng, củng cố bộ máy tổ chức sản xuất, kinh doanh, phát triển sản xuất và sản phẩm theo tiêu chuẩn; định hướng các tổ chức kinh tế trên địa bàn phát triển theo hướng cộng đồng.

3. Làm căn cứ để các đơn vị có thẩm quyền đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP ở cấp huyện, cấp tỉnh.

#### **Điều 5. Nội dung Bộ Tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm Chương trình OCOP**

Bộ Tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm Chương trình OCOP gồm 03 phần:

1. Phần A: Sản phẩm và sức mạnh cộng đồng (35 điểm).
2. Phần B: Khả năng tiếp thị (25 điểm).
3. Phần C: Chất lượng sản phẩm (40 điểm).

*(Chi tiết Bộ Tiêu chí xem tại Phụ lục 01 đính kèm)*

## **Chương III**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM THUỘC CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

#### **Điều 6. Trình tự, thủ tục đánh giá, xếp hạng sản phẩm**

1. Chủ thể sản xuất nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 8 đến Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Cơ quan phụ trách OCOP cấp huyện (Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện hoặc Phòng Kinh tế thành phố). Trong thời gian 03 (ba) ngày từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi về Cơ quan phụ trách OCOP cấp huyện. Trong thời gian 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc chủ thể sản xuất,

Cơ quan phụ trách OCOP cấp huyện tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của thành phần và nội dung hồ sơ để tổ chức đánh giá, xếp hạng cấp huyện.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố thành lập Hội đồng đánh giá, xếp hạng sản phẩm cấp huyện (sau đây viết tắt là Hội đồng cấp huyện). Trong thời gian 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan phụ trách OCOP cấp huyện trình Hội đồng cấp huyện và tổ chức đánh giá sản phẩm đăng ký theo Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm Chương trình OCOP. Sau khi có kết quả đánh giá sao đối với những sản phẩm đăng ký, Cơ quan phụ trách OCOP cấp huyện thông báo kết quả cho các chủ thể sản xuất và tiếp tục thực hiện như sau:

a) Đối với những sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên: Lập danh sách kèm theo hồ sơ quy định tại Điều 8 gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thông qua Chi cục Phát triển nông thôn) để tổ chức đánh giá, xếp hạng cấp tỉnh.

b) Đối với những sản phẩm đạt dưới 3 sao: Cơ quan phụ trách OCOP cấp huyện hướng dẫn chủ thể sản xuất khắc phục các nội dung còn khiếm khuyết để hoàn thiện sản phẩm, tiếp tục tham gia đánh giá, xếp loại sản phẩm các lần sau.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, xếp hạng sản phẩm cấp tỉnh (sau đây viết tắt là Hội đồng cấp tỉnh). Trong thời gian 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ từ Cơ quan phụ trách OCOP cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Hội đồng cấp tỉnh và tổ chức đánh giá sản phẩm cấp tỉnh theo Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm Chương trình OCOP. Sau khi có kết quả đánh giá sao đối với những sản phẩm đăng ký, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện như sau:

a) Đối với những sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên: Lập danh sách kèm hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định cấp Giấy công nhận.

b) Đối với những sản phẩm đạt dưới 3 sao: Thông báo trực tiếp cho chủ thể sản xuất các nội dung sản phẩm còn khiếm khuyết để hướng dẫn các chủ thể sản xuất khắc phục, hoàn thiện sản phẩm, tiếp tục tham gia đánh giá lần sau.

4. Đối với các sản phẩm đã được cấp Giấy công nhận, nhưng có nhu cầu đánh giá, xếp hạng sao cao hơn, các sản phẩm của chủ thể sản xuất thuộc khu công nghiệp và các sản phẩm đã được xuất khẩu có thể nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, hướng dẫn chủ thể sản xuất hoàn thiện sản phẩm, hồ sơ để trình Hội đồng cấp tỉnh tổ chức đánh giá như lần đầu.

5. Đối với sản phẩm đánh giá, xếp hạng lại (Giấy công nhận hết giá trị hiệu lực): Trình tự, thủ tục đánh giá, xếp hạng sản phẩm thực hiện như đối với sản phẩm đánh giá, xếp hạng lần đầu.

#### **Điều 7. Xếp hạng sản phẩm OCOP**

Tổng điểm đánh giá cho mỗi sản phẩm là 100 điểm và được xếp thành 5 hạng sao. Cụ thể như sau:

a) Hạng 5 sao (90 - 100 điểm): Sản phẩm chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế.

b) Hạng 4 sao (70 - 89 điểm): Sản phẩm đạt tiêu chuẩn, có thể nâng cấp để đạt tiêu chuẩn quốc tế.

c) Hạng 3 sao (50 - 69 điểm): Sản phẩm đạt tiêu chuẩn, có thể phát triển lên hạng 4 sao.

d) Hạng 2 sao (30-49 điểm): Sản phẩm chưa đạt tiêu chuẩn, có thể phát triển lên hạng 3 sao.

đ) Hạng 1 sao (Dưới 30 điểm): Sản phẩm yếu, có thể phát triển lên hạng 2 sao.

## **Điều 8. Hồ sơ đăng ký đánh giá, xếp hạng sản phẩm**

### **1. Thành phần hồ sơ**

a) Đối với sản phẩm tiêu dùng (áp dụng cho các sản phẩm quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 3 Quy định này), thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản giới thiệu về tổ chức hoặc hộ cá thể tham gia Chương trình OCOP có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã theo mẫu *Phụ lục 02* (bản chính).

- Mẫu sản phẩm: Thực phẩm, đồ uống và thảo dược (ít nhất 6 mẫu); Lưu niệm - nội thất - trang trí (ít nhất 01 mẫu).

- Bản chính Phiếu đăng ký ý tưởng sản phẩm mới tham gia Chương trình OCOP (*Phụ lục 04*) hoặc phiếu đăng ký sản phẩm đã có (*Phụ lục 05*).

- Bản chính Phương án/Kế hoạch/Dự án sản xuất kinh doanh (có thể sử dụng biểu mẫu tại *Phụ lục 06*).

- Hợp đồng/Phiếu mua hàng/Hóa đơn chứng minh nguồn gốc nguyên liệu (bản sao).

- Bản Kế hoạch bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu).

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu).

- Phiếu kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm (còn thời hạn hiệu lực) theo Luật An toàn thực phẩm năm 2010, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm (bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu). Không áp dụng phiếu này đối với sản phẩm Lưu niệm - nội thất - trang trí.

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc bản cam kết sản xuất thực phẩm an toàn/đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm/đủ điều kiện sản

xuất thuốc,... (bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu).

- Bản công bố chất lượng sản phẩm đối với sản phẩm thực phẩm thông thường theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật An toàn thực phẩm (bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu).

- Chương trình hoặc Kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm và hồ sơ ghi chép đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm (bản sao).

- Các tài liệu khác (nếu có): Giấy chứng nhận sở hữu nhãn hiệu sản phẩm hoặc giấy phép được sử dụng nhãn hiệu chứng nhận; Bản giới thiệu sản phẩm bao gồm Phần cốt lõi (trả lời cho câu hỏi khách hàng mua sản phẩm để làm gì), phần vật lý (đặc điểm, tính chất, bao bì, kiểu dáng, nhãn hiệu); chứng nhận mã số, mã vạch; xác nhận kiến thức An toàn vệ sinh thực phẩm; các tài liệu khác về nguồn gốc nguyên liệu, bảo vệ môi trường, sự tham gia của cộng đồng, kế toán, khu vực phân phối, quảng bá sản phẩm, các giấy tờ hoặc hình ảnh, tờ rơi, video liên quan khác,... (bản sao).

b) Đối với sản phẩm dịch vụ (áp dụng cho các sản phẩm thuộc nhóm ngành thuộc Khoản 5 Điều 3 Quy định này), thành phần hồ sơ gồm:

- Bản giới thiệu về tổ chức hoặc hộ cá thể tham gia Chương trình OCOP có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã theo mẫu Phụ lục 02 đính kèm (bản chính).

- Bản giới thiệu về sản phẩm dịch vụ du lịch: Vị trí (giao thông, cảnh quan, môi trường,...), kiến trúc, khu đón tiếp, trang thiết bị phục vụ, chất lượng dịch vụ, danh mục hàng hóa phục vụ và nguồn gốc, 01 bộ ảnh bao gồm các nội dung nêu trên (bản chính).

- Bản chính Phiếu đăng ký ý tưởng sản phẩm mới tham gia Chương trình OCOP (phụ lục 04) hoặc phiếu đăng ký sản phẩm đã có (phụ lục 05).

- Bản chính Phương án/Kế hoạch/Dự án sản xuất kinh doanh (có thể sử dụng biểu mẫu tại phụ lục 06).

- Bản Kế hoạch bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường trong quá trình tổ chức dịch vụ có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (bản sao có công chứng).

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có công chứng).

- Các tài liệu hoặc hình ảnh khác (nếu có): Văn bằng, chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ về lĩnh vực du lịch của quản lý, nhân viên phục vụ; Quyết định hoặc Thông báo cơ sở đạt chuẩn hoặc đủ điều kiện phục vụ khách du lịch; kết quả đánh giá chất lượng sản phẩm (bình chọn tốt) của các tổ chức có uy tín,... (bản sao có công chứng).

## 2. Số lượng hồ sơ

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc nộp trực tiếp tại Cơ quan phụ trách OCOP cấp huyện: 03 bộ.

b) Hồ sơ do Cơ quan phụ trách OCOP cấp huyện nộp về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thông qua Chi cục Phát triển nông thôn để tổng hợp): 01 bộ.

### **Điều 9. Nguyên tắc chấm điểm sản phẩm**

1. Cuộc họp Hội đồng đánh giá, xếp hạng sản phẩm phải có ít nhất 3/4 số thành viên tham dự, trong đó, phải có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền điều hành. Từng thành viên Hội đồng đánh giá chấm điểm, sau đó lấy điểm cộng trung bình của các thành viên Hội đồng cho từng sản phẩm.

2. Điểm của các thành viên trong Hội đồng không được chênh lệch quá 20 điểm. Trong trường hợp chênh lệch quá quy định, Hội đồng đánh giá sẽ thảo luận để thống nhất cho điểm lại.

3. Căn cứ chấm điểm:

a) Bộ Tiêu chí được quy định tại Điều 5 Quy định này.

b) Hồ sơ đăng ký đánh giá, xếp hạng sản phẩm.

c) Hồ sơ minh chứng.

d) Mẫu sản phẩm của chủ thể sản xuất.

đ) Tùy theo tình hình thực tế và yêu cầu của việc đánh giá, Chủ tịch Hội đồng đánh giá, xếp hạng sản phẩm cấp tỉnh quyết định việc kiểm tra, đánh giá thực tế tại các tổ chức, cá nhân có sản phẩm đăng ký tham gia.

Không chấm các sản phẩm (khi phát hiện) giả mạo hồ sơ, sử dụng mã số, mã vạch của cơ sở khác, không có tên cơ sở sản xuất, không có minh chứng sự tồn tại của cơ sở sản xuất, các trường hợp khác mà Hội đồng đánh giá, xếp hạng sản phẩm cấp huyện, tỉnh phát hiện có sai phạm.

### **Điều 10. Công nhận kết quả đánh giá**

1. Căn cứ kết quả đánh giá của Hội đồng đánh giá, xếp hạng sản phẩm cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định cấp Giấy công nhận.

2. Mẫu Giấy công nhận theo Phụ lục 03 đính kèm.

### **Điều 11. Tổ chức trao Giấy công nhận**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức trao Giấy công nhận cho các chủ thể sản xuất, đảm bảo trang trọng và nghiêm túc.

**Điều 12. Quyền lợi và trách nhiệm của chủ thể sản xuất có sản phẩm được cấp Giấy công nhận**

1. Quyền lợi: Được xem xét hỗ trợ theo quy định tại Thông tư 43/2017/TT-BTC và Thông tư 08/2019/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2019



của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 để chủ thể sản xuất tiếp tục thực hiện việc hoàn thiện, nâng cấp các sản phẩm đã được cấp Giấy công nhận; hỗ trợ xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm theo quy định.

2. Trách nhiệm: Tiếp tục duy trì, hoàn thiện, nâng cấp, phát triển các sản phẩm đã được cấp Giấy công nhận nhằm đăng ký tham gia đánh giá để được xếp hạng sao cao hơn.

### **Điều 13. Xử lý khiếu nại, thu hồi Giấy công nhận**

1. Thời hiệu xử lý khiếu nại đối với sản phẩm tham gia đánh giá, xếp hạng sản phẩm là 15 ngày, kể từ ngày thông báo Quyết định cấp Giấy công nhận.

2. Các chủ thể sản xuất có khiếu nại đối với kết quả đánh giá, xếp hạng sản phẩm cấp tỉnh nộp đơn tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tiếp nhận đơn và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết đơn khiếu nại liên quan đến kết quả đánh giá, xếp hạng sản phẩm trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.

3. Trong trường hợp sau khi sản phẩm đã được cấp Giấy công nhận nhưng phát hiện có sai sót trong quá trình đánh giá, xếp hạng hoặc chủ thể sản xuất sản phẩm có dấu hiệu vi phạm các quy định trong quá trình sản xuất, lưu thông, vi phạm việc sử dụng logo Chương trình OCOP, sử dụng tem Chương trình OCOP, và các vi phạm liên quan khác thì tùy theo mức độ vi phạm mà Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh biện pháp xử lý hoặc thu hồi Giấy công nhận đã cấp.

### **Điều 14. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp hạng cấp tỉnh, cấp huyện; kinh phí cấp Giấy công nhận được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định này; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập và quy chế hoạt động của Hội đồng đánh giá, xếp hạng sản phẩm cấp tỉnh; tiếp nhận hồ sơ của Cơ quan phụ trách OCOP cấp huyện và tham mưu Hội đồng cấp tỉnh tổ chức xét, đánh giá sản phẩm theo quy định.

2. Các Sở, ban, ngành tỉnh liên quan: Theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn nghiệp vụ tham gia thành viên Hội đồng cấp tỉnh để tổ chức xét, đánh giá các sản phẩm theo Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm Chương trình OCOP.

### 3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các đơn vị liên quan ở cấp huyện tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các nội dung tại Quy định này.

- Cơ quan phụ trách OCOP cấp huyện chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ chủ thể sản xuất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã; tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng đánh giá, xếp hạng sản phẩm cấp huyện và tổ chức công tác đánh giá, xếp hạng sản phẩm cấp huyện, đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tổng hợp danh sách và hồ sơ các sản phẩm đạt theo quy định gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xét, đánh giá ở cấp tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã: Chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ từ chủ thể sản xuất và gửi về Cơ quan phụ trách OCOP cấp huyện theo đúng thời gian quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thông qua Chi cục Phát triển nông thôn) để tổng hợp, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
  
\* Cao Văn Trọng

**PHỤ LỤC 1**  
**BỘ TIÊU CHÍ**  
**ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM**  
**CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM**

Phụ lục 01  
(Kèm theo Quyết định số 8.71/QĐ-UBND ngày 05/5/2019 của UBND tỉnh Bến Tre)



## BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP

Loại sản phẩm: Thực phẩm

Nhóm 1: Sản phẩm tươi sống

Phân nhóm 1.1: Rau, củ, quả tươi

Tên sản phẩm:.....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

Bị loại khi: Giả mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)

### Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)

#### 1. TỔ CHỨC SẢN XUẤT

##### 1.1. Nguồn nguyên liệu

- |   |        |
|---|--------|
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50%                               | 5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75%                    | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100%                   | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100%                              | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh $\geq$ 50%, có liên kết chuỗi sản xuất | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh $\geq$ 50%, có liên kết chuỗi sản xuất | 5 Điểm |

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

##### 1.2. Gia tăng giá trị

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Phân loại                               | 5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sơ chế                                  | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến                                | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới    | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới    | 5 Điểm |

##### 1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất  | 5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành                        | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành                                   | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng                         | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng | 5 Điểm |

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

##### 1.4. Năng lực sản xuất để phân phối

- |   |        |
|---|--------|
| <input type="checkbox"/> Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu          | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu          | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền                     | 3 Điểm |

## 2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

### 2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm 3 Điểm

- Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố 1 Điểm
- Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường) 2 Điểm
- Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thể mạnh của địa phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường 3 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hệt sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất*

### 2.2. Tính hoàn thiện của bao bì 3 Điểm

- Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ) 1 Điểm
- Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc 2 Điểm
- Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu 3 Điểm

### 2.3. Phong cách của bao bì 2 Điểm

*(Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)*

- Thông dụng, tương đối ấn tượng 1 Điểm
- Đẹp, ấn tượng, sang trọng 2 Điểm

## 3. SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG

### 3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh 4 Điểm

- Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác 1 Điểm
- Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN) 2 Điểm
- Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51% 3 Điểm
- HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương  $\geq 51\%$  4 Điểm

### 3.2. Sự tham gia của cộng đồng 3 Điểm

*Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:*

#### 1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX

- Có  $< 50\%$  thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh  $< 50\%$  số thành viên tổ hợp tác 2 Điểm
- Có  $\geq 50\%$  thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh  $\geq 50\%$  số thành viên tổ hợp tác 3 Điểm

#### 2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình

- Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh 0 Điểm
- Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh 1 Điểm

### 3.3. Kế toán 2 Điểm

- Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu 0 Điểm
- Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên 1 Điểm
- Có tổ chức hệ thống kế toán 2 Điểm

**Tổng Điểm phần A: ..... Điểm**

### Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)

## 4. TIẾP THỊ

### 4.1. Khu vực phân phối chính 5 Điểm

- Thị trường trong huyện 0 Điểm
- Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh) 1 Điểm

- |  |               |
|--|---------------|
| <input type="checkbox"/> Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh   | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh   | 3 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có > 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh   | 4 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Thị trường quốc tế  | 5 Điểm        |
| <b>4.2. Tổ chức phân phối</b>  | <b>5 Điểm</b> |
| <i>(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)</i>  |               |
| <input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối   | 0 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối   | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có người chuyên trách quản lý phân phối   | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối  | 3 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản   | 4 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành  | 5 Điểm        |
| <b>4.3. Quảng bá sản phẩm</b>  | <b>5 Điểm</b> |
| <input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá   | 0 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá  | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở   | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh   | 3 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh   | 4 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá | 5 Điểm        |
| <b>5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM</b>   |               |
| <b>5.1. Câu chuyện về sản phẩm</b>   | <b>5 Điểm</b> |
| <input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)  | 0 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm  | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)   | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi   | 3 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website  | 4 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...)                                       | 5 Điểm        |
| <b>5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>   | <b>3 Điểm</b> |
| <i>Nội dung câu chuyện về sản phẩm:</i>  |               |
| <input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác  | 0 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố   | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng   | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương  | 3 Điểm        |
| <b>5.3. Cấu trúc câu chuyện</b>  | <b>2 Điểm</b> |
| <i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện</i>   |               |
| <input type="checkbox"/> Đơn giản  | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm  | 2 Điểm        |
| Tổng Điểm phần B: ..... Điểm   |               |

<b>Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)</b>
--

<b>6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN</b>	<b>18 Điểm</b>
<b>6.1. Kích thước, hình dạng bề ngoài</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không đồng đều	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Không đồng đều, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Đồng đều	2 Điểm
<b>6.2. Màu sắc, độ chín</b>	<b>8 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không phù hợp	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối phù hợp	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp	5 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất phù hợp	8 Điểm
<b>6.3. Mùi/vị</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Kém	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Trung bình	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối tốt	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Tốt	3 Điểm
<b>6.4. Tính đầy đủ, sạch sẽ</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Tương đối chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tốt	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất tốt	3 Điểm
<b>6.5. Kết cấu/cách sắp đặt</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Nghèo nàn	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Trung bình	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tốt	2 Điểm
<b>7. DINH DƯỠNG</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>Chỉ ra hàm lượng của các chỉ tiêu dinh dưỡng như: Protit, Lipid, Vitamin,... (theo phiếu kiểm nghiệm)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 1 -2 chỉ tiêu	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có trên 2 chỉ tiêu	2 Điểm
<b>8. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác, tiềm năng thành thương hiệu của địa phương)</i>	
<input type="checkbox"/> Trung bình	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Độc đáo	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất độc đáo	5 Điểm
<b>9. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	<b>5 Điểm</b>
<b>9.1. Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Khuyến khích cơ sở xây dựng, công bố tiêu chuẩn sản phẩm)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có bản công bố tiêu chuẩn sản phẩm/công bố chất lượng	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tiêu chuẩn sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản công bố tiêu chuẩn/công bố chất lượng, tiêu chuẩn sản phẩm	2 Điểm
<i>Ghi chú: Bản tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP</i>	

- 9.2. Kiểm định kỳ các chỉ tiêu ATTP** **3 Điểm**  
*(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)*
- Không có 0 Điểm
  - Có, nhưng không đạt 1 Điểm
  - Có, đạt nhưng không đủ 2 Điểm
  - Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định 3 Điểm
- 10. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM** **5 Điểm**
- Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm 0 Điểm
  - Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm 1 Điểm
  - Có ghi hồ sơ lô sản xuất 2 Điểm
  - Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất 3 Điểm
  - Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (VietGAP/hữu cơ/ISO/...) 5 Điểm
- Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định*
- 11. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU** **5 Điểm**
- Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình) 1 Điểm
  - Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương đối) 2 Điểm
  - Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao) 3 Điểm
  - Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao) 4 Điểm
  - Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế) 5 Điểm

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**  
**Xếp hạng: ..... sao**

**Ghi chú:**

*Giới hạn các chỉ tiêu kiểm nghiệm tại mục 9.2 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng. Trong trường hợp không có thì áp dụng theo:*

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 12 năm 2007, về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”;
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương
- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex).

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....  
 .....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)



**BỘ TIÊU CHÍ  
ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Thực phẩm**

**Nhóm 1: Sản phẩm tươi sống**

**Phân nhóm 1.2: Thịt, trứng, sữa tươi và thủy sản tươi**

Tên sản phẩm: .....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

*Bị loại khi: Giả mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TÓ CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu 5 Điểm**

- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50% 1 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75% 2 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100% 3 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100% 4 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh  $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

**1.2. Gia tăng giá trị 5 Điểm**

- Phân loại 1 Điểm
- Sơ chế 2 Điểm
- Chế biến 3 Điểm
- Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh 4 Điểm
- Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới 5 Điểm

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất 5 Điểm**

- Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất 1 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành 2 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành 3 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng 4 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối 3 Điểm**

- Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu 1 Điểm
- Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu 2 Điểm
- Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền 3 Điểm

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

<b>2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thể mạnh của địa phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hệt sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất</i>	
<b>2.2. Tính hoàn thiện của bao bì</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu	3 Điểm
<b>2.3. Phong cách của bao bì</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)</i>	
<input type="checkbox"/> Thông dụng, tương đối ấn tượng	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Đẹp, ấn tượng, sang trọng	2 Điểm
<b>3. SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG</b>	
<b>3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh</b>	<b>4 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51%	3 Điểm
<input type="checkbox"/> HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương $\geq 51\%$	4 Điểm
<b>3.2. Sự tham gia của cộng đồng</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:</i>	
<b>1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX</b>	
<input type="checkbox"/> Có < 50% thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh < 50% số thành viên tổ hợp tác	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có $\geq 50\%$ thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh $\geq 50\%$ số thành viên tổ hợp tác	3 Điểm
<b>2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình</b>	
<input type="checkbox"/> Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh	1 Điểm
<b>3.3. Kế toán</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tổ chức hệ thống kế toán	2 Điểm

**Tổng Điểm phần A: ..... Điểm**

<b>Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)</b>
--

<b>4. TIẾP THỊ</b>	
<b>4.1. Khu vực phân phối chính</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Thị trường trong huyện	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	2 Điểm

- |  |               |
|--|---------------|
| <input type="checkbox"/> Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh   | 3 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có > 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh   | 4 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Thị trường quốc tế  | 5 Điểm        |
| <b>4.2. Tổ chức phân phối</b>  | <b>5 Điểm</b> |
| <i>(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)</i>  |               |
| <input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối   | 0 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối   | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có người chuyên trách quản lý phân phối   | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối  | 3 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản   | 4 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành  | 5 Điểm        |
| <b>4.3. Quảng bá sản phẩm</b>  | <b>5 Điểm</b> |
| <input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá   | 0 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá  | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở   | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh   | 3 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh   | 4 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá | 5 Điểm        |
| <b>5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM</b>   |               |
| <b>5.1. Câu chuyện về sản phẩm</b>   | <b>5 Điểm</b> |
| <input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)  | 0 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm  | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)   | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi   | 3 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website  | 4 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...)                                       | 5 Điểm        |
| <b>5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>   | <b>3 Điểm</b> |
| <i>Nội dung câu chuyện về sản phẩm:</i>  |               |
| <input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác  | 0 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố   | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng   | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương  | 3 Điểm        |
| <b>5.3. Cấu trúc câu chuyện</b>  | <b>2 Điểm</b> |
| <i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện</i>   |               |
| <input type="checkbox"/> Đơn giản  | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm  | 2 Điểm        |

Tổng Điểm phần B: ..... Điểm

<b>Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)</b>
--

<b>6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN</b>	<b>20 Điểm</b>
<b>6.1. Tạp chất</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có tạp chất, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có rất ít tạp chất, chấp nhận được	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Không phát hiện tạp chất	5 Điểm
<i>Chú ý: Nếu có các tạp chất không chấp nhận được (có nguy cơ gây mất ATTP) như: Lông, côn trùng, máu gỗ, cát, nhựa ... sẽ không đánh giá các bước tiếp theo</i>	
<b>6.2. Kích thước, hình dạng bề ngoài</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không đồng đều	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Không đồng đều, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối đồng đều	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Đồng đều	3 Điểm
<b>6.3. Màu sắc</b>	<b>7 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối phù hợp với đặc tính sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Tốt, phù hợp với đặc tính sản phẩm	5 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất tốt, phù hợp với đặc tính sản phẩm	7 Điểm
<b>6.4. Mùi</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có mùi lạ, chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Mùi không rõ, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có mùi rõ, phù hợp với sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có mùi rõ, rất phù hợp với sản phẩm	3 Điểm
<b>6.5. Kết cấu/cách sắp đặt</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Nghèo nàn	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Trung bình	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tốt	2 Điểm
<b>7. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác, tiềm năng thành thương hiệu của địa phương)</i>	
<input type="checkbox"/> Trung bình	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Độc đáo	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất độc đáo	5 Điểm
<b>8. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	<b>5 Điểm</b>
<b>8.1. Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Khuyến khích cơ sở xây dựng, công bố tiêu chuẩn sản phẩm)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có bản công bố tiêu chuẩn sản phẩm/công bố chất lượng	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tiêu chuẩn sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản công bố tiêu chuẩn/công bố chất lượng, tiêu chuẩn sản phẩm	2 Điểm
<i>Ghi chú: Bản tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP</i>	
<b>8.2. Kiểm định kỳ các chỉ tiêu ATTP</b>	<b>3 Điểm</b>

(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Không có  | 0 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có, nhưng không đạt   | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có, đạt nhưng không đủ  | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định | 3 Điểm |

**9. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM** **5 Điểm**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm                    | 0 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm                           | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có ghi hồ sơ lô sản xuất  | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (VietGAP/hữu cơ/ISO/...) | 5 Điểm |

*Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định*

**10. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU** **5 Điểm**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình)      | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương đối) | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao)        | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao)     | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế)         | 5 Điểm |

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**  
**Xếp hạng: ..... sao**

**Ghi chú:** Giới hạn các chỉ tiêu kiểm nghiệm tại mục 9.2 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng. Trong trường hợp không có thì áp dụng theo:

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 12 năm 2007, về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”;
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương
- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex).

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....  
.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Người đánh giá**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**BỘ TIÊU CHÍ**  
**ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Thực phẩm**

**Nhóm 2: Sản phẩm thô, sơ chế**

**Phân nhóm 2.1: Gạo, ngũ cốc**

Tên sản phẩm:.....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

*Bị loại khi: Giả mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TỔ CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu 5 Điểm**

Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50% 1 Điểm

Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75% 2 Điểm

Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100% 3 Điểm

Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100% 4 Điểm

Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh  $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

**1.2. Gia tăng giá trị 5 Điểm**

Phân loại 1 Điểm

Sơ chế 2 Điểm

Chế biến 3 Điểm

Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh 4 Điểm

Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới 5 Điểm

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất 5 Điểm**

Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất 1 Điểm

Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành 2 Điểm

Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành 3 Điểm

Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng 4 Điểm

Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối 3 Điểm**

Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu 1 Điểm

Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu 2 Điểm

Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền 3 Điểm

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

**2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm 3 Điểm**

<input type="checkbox"/> Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thể mạnh của địa phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hệt sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất</i>	
<b>2.2. Tính hoàn thiện của bao bì</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu	3 Điểm
<b>2.3. Phong cách của bao bì</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)</i>	
<input type="checkbox"/> Thông dụng, tương đối ấn tượng	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Đẹp, ấn tượng, sang trọng	2 Điểm
<b>3. SỨC MẠNH CỘNG ĐỒNG</b>	
<b>3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh</b>	<b>4 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51%	3 Điểm
<input type="checkbox"/> HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương $\geq 51\%$	4 Điểm
<b>3.2. Sự tham gia của cộng đồng</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:</i>	
<b>1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX</b>	
<input type="checkbox"/> Có < 50% thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh < 50% số thành viên tổ hợp tác	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có $\geq 50\%$ thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh $\geq 50\%$ số thành viên tổ hợp tác	3 Điểm
<b>2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình</b>	
<input type="checkbox"/> Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh	1 Điểm
<b>3.3. Kế toán</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tổ chức hệ thống kế toán	2 Điểm
<b>Tổng Điểm phần A: ..... Điểm</b>	

<b>Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)</b>
--

**4. TIẾP THỊ**

<b>4.1. Khu vực phân phối chính</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Thị trường trong huyện	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	3 Điểm

- Có > 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 4 Điểm
- Thị trường quốc tế 5 Điểm
- 4.2. Tổ chức phân phối 5 Điểm**  
(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)
  - Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối 0 Điểm
  - Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối 1 Điểm
  - Có người chuyên trách quản lý phân phối 2 Điểm
  - Có bộ phận/phòng quản lý phân phối 3 Điểm
  - Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản 4 Điểm
  - Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành 5 Điểm
- 4.3. Quảng bá sản phẩm 5 Điểm**
  - Không có hoạt động quảng bá 0 Điểm
  - Có một số hoạt động quảng bá 1 Điểm
  - Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở 2 Điểm
  - Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh 3 Điểm
  - Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh 4 Điểm
  - Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá 5 Điểm
- 5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM**
- 5.1. Câu chuyện về sản phẩm 5 Điểm**
  - Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa) 0 Điểm
  - Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm 1 Điểm
  - Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể) 2 Điểm
  - Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi 3 Điểm
  - Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website 4 Điểm
  - Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...) 5 Điểm
- 5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương 3 Điểm**  
*Nội dung câu chuyện về sản phẩm:*
  - Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác 0 Điểm
  - Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố 1 Điểm
  - Có câu chuyện riêng 2 Điểm
  - Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương 3 Điểm
- 5.3. Cấu trúc câu chuyện 2 Điểm**  
*Chỉ áp dụng khi có câu chuyện*
  - Đơn giản 1 Điểm
  - Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm 2 Điểm

**Tổng Điểm phần B: ..... Điểm**

**Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)**

- 6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN 12 Điểm**
- 6.1. Tạp chất lạ 3 Điểm**



<input type="checkbox"/> Có các tạp chất, chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có ít tạp chất, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có rất ít tạp chất, chấp nhận được	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Sạch, không có tạp chất	3 Điểm
<i>Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu phát hiện tạp chất không chấp nhận được như: Bọ, lông, len, cát sỏi,...</i>	
<b>6.2. Quy cách đóng gói</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không phù hợp	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với đặc tính sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với đặc tính sản phẩm, tiện dùng	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với đặc tính sản phẩm, rất tiện dùng	3 Điểm
<b>6.3. Màu sắc</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối phù hợp với tính chất sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với tính chất sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất phù hợp với tính chất sản phẩm	3 Điểm
<b>6.4. Mùi, vị</b>	<b>4 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có mùi/vị lạ	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có mùi/vị/lạ, nhưng chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có mùi/vị tương đối phù hợp với đặc tính sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có mùi/vị phù hợp với đặc tính sản phẩm	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có mùi/vị rất phù hợp với đặc tính sản phẩm	4 Điểm
<b>6.5. Kết cấu/cách sắp đặt</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Nghèo nàn	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Trung bình	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tốt	2 Điểm
<b>7. DINH DƯỠNG</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chỉ ra hàm lượng của các chỉ tiêu như: Amylose, cacbohydrat, năng lượng, lipid,... theo phiếu kiểm nghiệm)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 1 chỉ tiêu dinh dưỡng	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 2-3 chỉ tiêu dinh dưỡng	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 4-5 chỉ tiêu dinh dưỡng	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có trên 5 chỉ tiêu dinh dưỡng	5 Điểm
<b>8. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác, tiềm năng thành thương hiệu của địa phương)</i>	
<input type="checkbox"/> Trung bình	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Độc đáo	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất độc đáo	5 Điểm
<b>9. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Khuyến khích cơ sở xây dựng, công bố tiêu chuẩn sản phẩm)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có bản công bố tiêu chuẩn sản phẩm/công bố chất lượng	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tiêu chuẩn sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản công bố tiêu chuẩn/công bố chất lượng, bản tiêu chuẩn sản phẩm	2 Điểm

*Ghi chú: Bản tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP*

- 9.2. Kiểm định kỳ các chỉ tiêu ATTP** **3 Điểm**  
(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)
- Không có 0 Điểm
  - Có, nhưng không đạt 1 Điểm
  - Có, đạt nhưng không đủ 2 Điểm
  - Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định 3 Điểm

- 10. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM** **5 Điểm**
- Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm 0 Điểm
  - Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm 1 Điểm
  - Có ghi hồ sơ lô sản xuất 2 Điểm
  - Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất 3 Điểm
  - Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (VietGAP/hữu cơ/ISO/...) 5 Điểm

*Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định*

- 11. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU** **5 Điểm**
- Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình) 1 Điểm
  - Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương đối) 2 Điểm
  - Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao) 3 Điểm
  - Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao) 4 Điểm
  - Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế) 5 Điểm

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**

**Xếp hạng: ..... sao**

Ghi chú:

Giới hạn các chỉ tiêu kiểm nghiệm tại mục 9.2 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng. Trong trường hợp không có thì áp dụng theo:

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 12 năm 2007, về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”;
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương
- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex).

Ý kiến của người đánh giá:

.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Người đánh giá**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**BỘ TIÊU CHÍ**  
**ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Thực phẩm**

**Nhóm 2: Sản phẩm thô, sơ chế**

**Phân nhóm 2.2: Mật ong, các sản phẩm từ mật ong**

Tên sản phẩm:.....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

*Bị loại khi: Giả mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TỔ CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu**

- |   |        |
|---|--------|
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50%                                 | 5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75%                      | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100%                     | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100%                                | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất | 5 Điểm |

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

**1.2. Gia tăng giá trị**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Phân loại                               | 5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sơ chế                                  | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến                                | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới    | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới    | 5 Điểm |

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất  | 5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành                        | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành                                   | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng                         | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng | 5 Điểm |

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối**

- |   |        |
|---|--------|
| <input type="checkbox"/> Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu          | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền                     | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền                     | 3 Điểm |

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

**2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường)    | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thể mạnh của địa         | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thể mạnh của địa         | 3 Điểm |

phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường

*Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hệt sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất*

- 2.2. Tính hoàn thiện của bao bì** **3 Điểm**
- Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ) 1 Điểm
  - Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc 2 Điểm
  - Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu 3 Điểm
- 2.3. Phong cách của bao bì** **2 Điểm**
- (Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)*
- Thông dụng, tương đối ấn tượng 1 Điểm
  - Đẹp, ấn tượng, sang trọng 2 Điểm
- 3. Sức mạnh của cộng đồng**
- 3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh** **4 Điểm**
- Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác 1 Điểm
  - Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN) 2 Điểm
  - Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51% 3 Điểm
  - HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương  $\geq 51\%$  4 Điểm
- 3.2. Sự tham gia của cộng đồng** **3 Điểm**
- Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:*
- 1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX**
- Có < 50% thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh < 50% số thành viên tổ hợp tác 2 Điểm
  - Có  $\geq 50\%$  thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh  $\geq 50\%$  số thành viên tổ hợp tác 3 Điểm
- 2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình**
- Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh 0 Điểm
  - Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh 1 Điểm
- 3.3. Kế toán** **2 Điểm**
- Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu 0 Điểm
  - Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên 1 Điểm
  - Có tổ chức hệ thống kế toán 2 Điểm

**Tổng Điểm phần A: ..... Điểm**

**Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)**

- 4. TIẾP THỊ**
- 4.1. Khu vực phân phối chính** **5 Điểm**
- Thị trường trong huyện 0 Điểm
  - Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh) 1 Điểm
  - Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 2 Điểm
  - Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 3 Điểm
  - Có > 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 4 Điểm
  - Thị trường quốc tế 5 Điểm
- 4.2. Tổ chức phân phối** **5 Điểm**

(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)

- |  |               |
|--|---------------|
| <input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối   | 0 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối   | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có người chuyên trách quản lý phân phối   | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối  | 3 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản   | 4 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành  | 5 Điểm        |
| <b>4.3. Quảng bá sản phẩm</b>  | <b>5 Điểm</b> |
| <input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá   | 0 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá  | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở   | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh   | 3 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh   | 4 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá | 5 Điểm        |

## 5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM

- |  |               |
|--|---------------|
| <b>5.1. Câu chuyện về sản phẩm</b>   | <b>5 Điểm</b> |
| <input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)  | 0 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm  | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)   | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi   | 3 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website  | 4 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...) | 5 Điểm        |
| <b>5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>   | <b>3 Điểm</b> |
| <i>Nội dung câu chuyện về sản phẩm:</i>  |               |
| <input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác  | 0 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố   | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng   | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương  | 3 Điểm        |
| <b>5.3. Cấu trúc câu chuyện</b>  | <b>2 Điểm</b> |
| <i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện</i>   |               |
| <input type="checkbox"/> Đơn giản  | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm  | 2 Điểm        |

Tổng Điểm phần B: ..... Điểm

## Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)

- |   |                |
|---|----------------|
| <b>6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN</b>                                 | <b>17 Điểm</b> |
| <b>6.1. Tạp chất lạ</b>                                     | <b>2 Điểm</b>  |
| <input type="checkbox"/> Có ít tạp chất, chấp nhận được     | 0 Điểm         |
| <input type="checkbox"/> Có rất ít tạp chất, chấp nhận được | 1 Điểm         |
| <input type="checkbox"/> Sạch, không phát hiện tạp chất     | 2 Điểm         |

*Chú ý: Nếu có các tạp chất không chấp nhận được (có nguy cơ gây mất ATTP) sẽ không đánh giá các bước tiếp theo*

<b>6.2. Quy cách đóng gói</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Tương đối phù hợp với đặc tính sản phẩm	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với đặc tính sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp, tiện dùng	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp, rất tiện dùng	3 Điểm
<b>6.3. Màu sắc, thể chất</b>	<b>4 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối phù hợp với sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với tính chất sản phẩm	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất phù hợp với tính chất sản phẩm	4 Điểm
<b>6.4. Mùi</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không phải là mùi của thành phần tạo nên (mùi của hương liệu)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có mùi nhẹ, tự nhiên, phù hợp	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Mùi tự nhiên, rõ, phù hợp	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Mùi tự nhiên, rất rõ, phù hợp	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Mùi tự nhiên, rất rõ, phù hợp, hấp dẫn	5 Điểm
<b>6.5. Vị</b>	<b>4 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Vị chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Vị tương đối phù hợp	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp, hấp dẫn	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp, rất hấp dẫn	4 Điểm
<b>7. DINH DƯỠNG</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Chỉ ra hàm lượng của các chỉ tiêu dinh dưỡng như: Vitamin B2, B3, B5, B6, B9; đường khử tự do;... theo phiếu kiểm nghiệm)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 1 - 2 chỉ tiêu	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có trên 2 chỉ tiêu	2 Điểm
<b>8. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác, tiềm năng thành thương hiệu của địa phương)</i>	
<input type="checkbox"/> Trung bình	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Độc đáo	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất độc đáo	5 Điểm
<b>9. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	<b>6 Điểm</b>
<b>9.1. Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có bản tự công bố (hoặc có nhưng không đúng)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố nhưng thiếu	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tiêu chuẩn sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố (hoặc tương đương), có tiêu chuẩn sản phẩm	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bản tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP</i>	
<b>9.2. Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu ATTP</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có	0 Điểm

- Có, nhưng không đạt 1 Điểm
- Có, đạt nhưng không đủ 2 Điểm
- Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định 3 Điểm

*Tham khảo:*

- Hóa lý: Đường Sacarosa,...

- Hàm lượng hóa chất không mong muốn: Dư lượng kháng sinh, thuốc BVTV, Aflatoxin B1; Aflatoxin B1, B2, G1, G2,...

**10. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM 5 Điểm**

- Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm 0 Điểm
- Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm 1 Điểm
- Có ghi hồ sơ lô sản xuất 2 Điểm
- Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất 3 Điểm
- Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (VietGAP/hữu cơ/ISO/...) 5 Điểm

*Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định*

**11. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU 5 Điểm**

- Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình) 1 Điểm
- Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương đối) 2 Điểm
- Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao) 3 Điểm
- Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao) 4 Điểm
- Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế) 5 Điểm

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**

**Xếp hạng: ..... sao**

**Ghi chú:**

Giới hạn các chỉ tiêu kiểm nghiệm tại mục 9.2 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng. Trong trường hợp không có thì áp dụng theo:

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 12 năm 2007, về việc ban hành "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm";
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương
- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex).

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....  
 .....  
 .....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Người đánh giá**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**BỘ TIÊU CHÍ  
ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Thực phẩm**

**Nhóm: Thực phẩm tiện lợi**

**Phân nhóm 3.1: Đồ ăn nhanh**

Tên sản phẩm:.....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

*Bị loại khi: Giá mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TỒ CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu**

- |   |        |
|---|--------|
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50%                                 | 5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75%                      | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100%                     | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100%                                | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất | 5 Điểm |

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

**1.2. Gia tăng giá trị**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Phân loại                               | 5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sơ chế                                  | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến                                | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới    | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới    | 5 Điểm |

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất  | 5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành                        | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành                                   | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng                         | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng                         | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng | 5 Điểm |

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối**

- |   |        |
|---|--------|
| <input type="checkbox"/> Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu          | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền                     | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền                     | 3 Điểm |

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

**2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường)    | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường)    | 2 Điểm |



<input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thế mạnh của địa phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hệt sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất</i>	
<b>2.2. Tính hoàn thiện của bao bì</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu	3 Điểm
<b>2.3. Phong cách của bao bì</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)</i>	
<input type="checkbox"/> Thông dụng, tương đối ấn tượng	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Đẹp, ấn tượng, sang trọng	2 Điểm
<b>3. SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG</b>	
<b>3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh</b>	<b>4 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51%	3 Điểm
<input type="checkbox"/> HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương $\geq 51\%$	4 Điểm
<b>3.2. Sự tham gia của cộng đồng</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:</i>	
<b>1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX</b>	
<input type="checkbox"/> Có < 50% thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐQT) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh < 50% số thành viên tổ hợp tác	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có $\geq 50\%$ thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐQT) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh $\geq 50\%$ số thành viên tổ hợp tác	3 Điểm
<b>2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình</b>	
<input type="checkbox"/> Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh	1 Điểm
<b>3.3. Kế toán</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tổ chức hệ thống kế toán	2 Điểm
<b>Tổng Điểm phần A: ..... Điểm</b>	

<b>Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)</b>
--

<b>4. TIẾP THỊ</b>	
<b>4.1. Khu vực phân phối chính</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Thị trường trong huyện	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có > 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	4 Điểm

<input type="checkbox"/> Thị trường quốc tế	5 Điểm
<b>4.2. Tổ chức phân phối</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người chuyên trách quản lý phân phối	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành	5 Điểm
<b>4.3. Quảng bá sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá	5 Điểm
<b>5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM</b>	
<b>5.1. Câu chuyện về sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...)	5 Điểm
<b>5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Nội dung câu chuyện về sản phẩm:</i>	
<input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương	3 Điểm
<b>5.3. Cấu trúc câu chuyện</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện</i>	
<input type="checkbox"/> Đơn giản	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm	2 Điểm
<b>Tổng Điểm phần B: ..... Điểm</b>	

<b>Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)</b>
--

<b>6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN</b>	<b>20 Điểm</b>
<b>6.1. Tạp chất lạ</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có các tạp chất, chấp nhận được	1 Điểm

<input type="checkbox"/> Có rất ít tạp chất, chấp nhận được	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Sạch, không có tạp chất	3 Điểm
<i>Ghi chú: Nếu có tạp chất không chấp nhận được (các tạp chất có nguy cơ không đạt ATTP) như: đất, côn trùng, lông, len, mốc nguy hại,... sẽ không đánh giá các bước tiếp theo.</i>	
<b>6.2. Hình dạng</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không phù hợp	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối phù hợp với phong cách của sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với phong cách của sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất phù hợp với phong cách của sản phẩm	3 Điểm
<b>6.3. Màu sắc</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Màu không đều	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Màu không đều, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Màu tương đối đồng đều, phù hợp với tính chất sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Màu đồng đều, phù hợp với tính chất sản phẩm	3 Điểm
<b>6.4. Mùi</b>	<b>4 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có mùi lạ (như khét,...)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có mùi chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Mùi phù hợp đặc trưng của sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Mùi phù hợp đặc trưng của sản phẩm, hấp dẫn	4 Điểm
<b>6.5. Vị</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Vị khác thường	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với sản phẩm	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với sản phẩm, hấp dẫn	5 Điểm
<b>6.6. Kết cấu/cách sắp đặt</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Nghèo nàn	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tốt	2 Điểm
<b>7. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác)</i>	
<input type="checkbox"/> Trung bình	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Độc đáo	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất độc đáo	5 Điểm
<b>8. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	<b>5 Điểm</b>
<b>8.1. Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có bản tự công bố (hoặc có nhưng không đúng)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố nhưng thiếu	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tiêu chuẩn sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố (hoặc tương đương), có tiêu chuẩn sản phẩm	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bản tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP</i>	
<b>8.2. Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu ATTP</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)</i>	
<input type="checkbox"/> Có, nhưng không đạt	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có, đạt nhưng không đủ	1 Điểm

Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định 2 Điểm

**9. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM 5 Điểm**

Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm 0 Điểm

Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm 1 Điểm

Có ghi hồ sơ lô sản xuất 2 Điểm

Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất 3 Điểm

Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (VietGAP/hữu cơ/ISO/...) 5 Điểm

*Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định*

**10. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU 5 Điểm**

Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình) 1 Điểm

Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương đối) 2 Điểm

Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao) 3 Điểm

Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao) 4 Điểm

Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế) 5 Điểm

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**

**Xếp hạng: ..... sao**

**Ghi chú:**

Giới hạn các chỉ tiêu kiểm nghiệm tại mục 8.2 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng. Trong trường hợp không có thì áp dụng theo:

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 12 năm 2007, về việc ban hành "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm";

- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex).

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**BỘ TIÊU CHÍ**  
**ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Thực phẩm**

**Nhóm 3: Thực phẩm tiện lợi**

**Phân nhóm 3.2: Chế biến từ gạo, ngũ cốc**

Tên sản phẩm:.....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

*Bị loại khi: Giả mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TỔ CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu**

**5 Điểm**

- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50% 1 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75% 2 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100% 3 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100% 4 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh  $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

**1.2. Gia tăng giá trị**

**5 Điểm**

- Phân loại 1 Điểm
- Sơ chế 2 Điểm
- Chế biến 3 Điểm
- Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh 4 Điểm
- Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới 5 Điểm

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất**

**5 Điểm**

- Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất 1 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành 2 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành 3 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng 4 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối**

**3 Điểm**

- Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu 1 Điểm
- Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu 2 Điểm
- Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền 3 Điểm

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

**2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm**

**3 Điểm**

- Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố 1 Điểm
- Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường) 2 Điểm

<input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thế mạnh của địa phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hệt sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất</i>	
<b>2.2. Tính hoàn thiện của bao bì</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu	3 Điểm
<b>2.3. Phong cách của bao bì</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)</i>	
<input type="checkbox"/> Thông dụng, tương đối ấn tượng	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Đẹp, ấn tượng, sang trọng	2 Điểm
<b>3. SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG</b>	
<b>3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh</b>	<b>4 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51%	3 Điểm
<input type="checkbox"/> HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương $\geq 51\%$	4 Điểm
<b>3.2. Sự tham gia của cộng đồng</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:</i>	
<b>1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX</b>	
<input type="checkbox"/> Có < 50% thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh < 50% số thành viên tổ hợp tác	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có $\geq 50\%$ thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh $\geq 50\%$ số thành viên tổ hợp tác	3 Điểm
<b>2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình</b>	
<input type="checkbox"/> Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh	1 Điểm
<b>3.3. Kế toán</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tổ chức hệ thống kế toán	2 Điểm
<b>Tổng Điểm phần A: ..... Điểm</b>	

<b>Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)</b>
--

<b>4. TIẾP THỊ</b>	
<b>4.1. Khu vực phân phối chính</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Thị trường trong huyện	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có > 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Thị trường quốc tế	5 Điểm

<b>4.2. Tổ chức phân phối</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người chuyên trách quản lý phân phối	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành	5 Điểm

<b>4.3. Quảng bá sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá	5 Điểm

## 5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM

<b>5.1. Câu chuyện về sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...)	5 Điểm

<b>5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Nội dung câu chuyện về sản phẩm:</i>	
<input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương	3 Điểm

<b>5.3. Cấu trúc câu chuyện</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện</i>	
<input type="checkbox"/> Đơn giản	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm	2 Điểm

**Tổng Điểm phần B: ..... Điểm**

<b>Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)</b>
--

<b>6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN</b>	<b>20 Điểm</b>
<b>6.1. Tạp chất lạ</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có tạp chất, không nhận được	0 Điểm

<input type="checkbox"/> Có rất ít tạp chất, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Không phát hiện tạp chất	3 Điểm
<i>Ghi chú: Không xem xét các chỉ tiêu khác nếu sản phẩm có các tạp chất có nguy cơ cao ảnh hưởng đến vệ sinh ATTP như ruồi bọ, lông, len, cát sỏi ....</i>	
<b>6.2. Ngoại hình</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không đồng đều	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Không đồng đều, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối đồng đều	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Đồng đều	3 Điểm
<b>6.3. Màu sắc</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối phù hợp với đặc tính sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tốt, phù hợp với đặc tính sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất tốt, phù hợp với đặc tính sản phẩm	3 Điểm
<b>6.4. Mùi</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có mùi lạ, chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Mùi không rõ, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có mùi rõ, phù hợp với sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có mùi rõ, rất phù hợp với sản phẩm	3 Điểm
<b>6.5. Vị</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Vị khác thường	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với sản phẩm	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp, hấp dẫn	5 Điểm
<b>6.6. Kết cấu/cách sắp đặt</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Nghèo nàn	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tốt	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất tốt	3 Điểm
<b>7. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác, tiềm năng thành thương hiệu của địa phương)</i>	
<input type="checkbox"/> Trung bình	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Độc đáo	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất độc đáo	5 Điểm
<b>8. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	<b>5 Điểm</b>
<b>8.1. Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có bản tự công bố (hoặc có nhưng không đúng)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố nhưng thiếu	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tiêu chuẩn sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố (hoặc tương đương), có tiêu chuẩn sản phẩm	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bản tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP</i>	
<b>8.2. Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu ATTP</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)</i>	
<input type="checkbox"/> Có, nhưng không đạt	0 Điểm



- Có, đạt nhưng không đủ 1 Điểm
- Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định 2 Điểm

**9. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM 5 Điểm**

- Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm 0 Điểm
- Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm 1 Điểm
- Có ghi hồ sơ lô sản xuất 2 Điểm
- Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất 3 Điểm
- Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (ISO/GMP/HACCP...) 5 Điểm

*Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định*

**10. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU 5 Điểm**

- Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình) 1 Điểm
- Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương đối) 2 Điểm
- Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao) 3 Điểm
- Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao) 4 Điểm
- Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế) 5 Điểm

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**

**Xếp hạng: ..... sao**

**Ghi chú:**

Giới hạn các chỉ tiêu kiểm nghiệm tại mục 8.2 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng. Trong trường hợp không có thì áp dụng theo:

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 12 năm 2007, về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”;
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương
- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex).

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Người đánh giá  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**BỘ TIÊU CHÍ**  
**ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Thực phẩm**

**Nhóm 1: Thực phẩm tiện lợi**

**Phân nhóm 3.3: Chế biến từ rau, củ, quả**

Tên sản phẩm:.....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

*Bị loại khi: Giả mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TỔ CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu**

- |   |               |
|---|---------------|
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50%                                 | <b>5 Điểm</b> |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75%                      | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100%                     | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100%                                | 3 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất | 4 Điểm        |
| <i>Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc</i>                     | 5 Điểm        |

**1.2. Gia tăng giá trị**

- |  |               |
|--|---------------|
| <input type="checkbox"/> Phân loại                               | <b>5 Điểm</b> |
| <input type="checkbox"/> Sơ chế                                  | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Chế biến                                | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh | 3 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới    | 4 Điểm        |
|  | 5 Điểm        |

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất**

- |  |               |
|--|---------------|
| <input type="checkbox"/> Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất  | <b>5 Điểm</b> |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành                        | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành                                   | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng                         | 3 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng                         | 4 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng | 5 Điểm        |
| <i>Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường</i>  |               |

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối**

- |   |               |
|---|---------------|
| <input type="checkbox"/> Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu | <b>3 Điểm</b> |
| <input type="checkbox"/> Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu          | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền                     | 2 Điểm        |
|   | 3 Điểm        |

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

**2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm**

- |  |               |
|--|---------------|
| <input type="checkbox"/> Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố | <b>3 Điểm</b> |
| <input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường)    | 1 Điểm        |
|  | 2 Điểm        |

- Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thế mạnh của địa phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường 3 Điểm
- Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hệt sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất*
- 2.2. Tính hoàn thiện của bao bì 3 Điểm**
- Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ) 1 Điểm
- Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc 2 Điểm
- Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu 3 Điểm
- 2.3. Phong cách của bao bì 2 Điểm**
- (Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)*
- Thông dụng, tương đối ấn tượng 1 Điểm
- Đẹp, ấn tượng, sang trọng 2 Điểm
- 3. SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG**
- 3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh 4 Điểm**
- Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác 1 Điểm
- Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN) 2 Điểm
- Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51% 3 Điểm
- HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương  $\geq 51\%$  4 Điểm
- 3.2. Sự tham gia của cộng đồng 3 Điểm**
- Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:*
- 1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX**
- Có < 50% thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh < 50% số thành viên tổ hợp tác 2 Điểm
- Có  $\geq 50\%$  thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh  $\geq 50\%$  số thành viên tổ hợp tác 3 Điểm
- 2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình**
- Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh 0 Điểm
- Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh 1 Điểm
- 3.3. Kế toán 2 Điểm**
- Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu 0 Điểm
- Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên 1 Điểm
- Có tổ chức hệ thống kế toán 2 Điểm
- Tổng Điểm phần A: ..... Điểm**

**Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)**

- 4. TIẾP THỊ**
- 4.1. Khu vực phân phối chính 5 Điểm**
- Thị trường trong huyện 0 Điểm
- Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh) 1 Điểm
- Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 2 Điểm
- Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 3 Điểm
- Có > 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 4 Điểm
- Thị trường quốc tế 5 Điểm

<b>4.2. Tổ chức phân phối</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Gồm: Tổ chức kinh doanh phân phối)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người chuyên trách quản lý phân phối	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành	5 Điểm

<b>4.3. Quảng bá sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá	5 Điểm

## 5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM

<b>5.1. Câu chuyện về sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...)	5 Điểm

<b>5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Nội dung câu chuyện về sản phẩm:</i>	
<input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương	3 Điểm

<b>5.3. Cấu trúc câu chuyện</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện</i>	
<input type="checkbox"/> Đơn giản	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm	2 Điểm

**Tổng Điểm phần B: ..... Điểm**

## Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)

<b>6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN</b>	<b>20 Điểm</b>
<b>6.1. Tạp chất lạ</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có các tạp chất không chấp nhận được như ruồi bọ, lông, len, cát sỏi,...	0 Điểm

<input type="checkbox"/> Có các tạp chất, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có rất ít tạp chất, chấp nhận được	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Sạch, không phát hiện tạp chất	3 Điểm
<i>Ghi chú: Nếu bị 0 Điểm, sẽ không đánh giá các bước tiếp theo</i>	
<b>6.2. Hình dạng, thể chất</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Kích thước/hình dạng không đồng đều	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Kích thước/hình dạng khá đồng đều (> 60%)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Kích thước/hình dạng đồng đều (> 90%)	2 Điểm
<b>6.3. Màu sắc</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không đều (hoặc đồng đều nhưng không phù hợp với đặc tính sản phẩm)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Không đều, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối đồng đều, phù hợp với tính chất sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Đồng đều, phù hợp với tính chất sản phẩm	3 Điểm
<b>6.4. Mùi</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không mong muốn	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Không phải là mùi của thành phần tạo nên (mùi của hương liệu)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tự nhiên của thành phần	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Tự nhiên của thành phần, phù hợp, hấp dẫn	5 Điểm
<b>6.5. Vị</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Vị khác thường	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Vị chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với sản phẩm	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp, hấp dẫn	5 Điểm
<b>6.6. Kết cấu/cách sắp đặt</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Nghèo nàn	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Trung bình	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tốt	2 Điểm
<b>7. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác, tiềm năng thành thương hiệu của địa phương)</i>	
<input type="checkbox"/> Trung bình	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Độc đáo	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất độc đáo	5 Điểm
<b>8. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	<b>5 Điểm</b>
<b>8.1. Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có bản tự công bố (hoặc có nhưng không đúng)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố nhưng thiếu	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tiêu chuẩn sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố (hoặc tương đương), có tiêu chuẩn sản phẩm	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bản tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP</i>	
<b>8.2. Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu ATTP</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)</i>	
<input type="checkbox"/> Có, nhưng không đạt	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có, đạt nhưng không đủ	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa	2 Điểm

chất không mong muốn,...) theo quy định

<b>9. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có ghi hồ sơ lô sản xuất	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (ISO/GMP/HACCP...)	5 Điểm

*Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định*

<b>10. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương đối)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao)	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao)	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế)	5 Điểm

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**

**Xếp hạng: ..... sao**

**Ghi chú:**

Giới hạn các chỉ tiêu kiểm nghiệm tại mục 8.2 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng. Trong trường hợp không có thì áp dụng theo:

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 12 năm 2007, về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”;
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương
- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex).

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**BỘ TIÊU CHÍ**  
**ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Thực phẩm**

**Nhóm 3: Thực phẩm tiện lợi**

**Phân nhóm 3.4: Chế biến từ thịt, trứng, sữa**

Tên sản phẩm:.....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

*Bị loại khi: Giả mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TỔ CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu**

**5 Điểm**

- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50% 1 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75% 2 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100% 3 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100% 4 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh  $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

**1.2. Gia tăng giá trị**

**5 Điểm**

- Phân loại 1 Điểm
- Sơ chế 2 Điểm
- Chế biến 3 Điểm
- Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh 4 Điểm
- Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới 5 Điểm

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất**

**5 Điểm**

- Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất 1 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành 2 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành 3 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng 4 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối**

**3 Điểm**

- Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu 1 Điểm
- Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu 2 Điểm
- Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền 3 Điểm

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

**2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm**

**3 Điểm**

- Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố 1 Điểm
- Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường) 2 Điểm

- Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thể mạnh của địa phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường 3 Điểm
- Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hệt sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất*
- 2.2. Tính hoàn thiện của bao bì 3 Điểm**
- Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ) 1 Điểm
- Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc 2 Điểm
- Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu 3 Điểm
- 2.3. Phong cách của bao bì 2 Điểm**
- (Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)*
- Thông dụng, tương đối ấn tượng 1 Điểm
- Đẹp, ấn tượng, sang trọng 2 Điểm
- 3. SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG**
- 3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh 4 Điểm**
- Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác 1 Điểm
- Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN) 2 Điểm
- Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51% 3 Điểm
- HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương  $\geq 51\%$  4 Điểm
- 3.2. Sự tham gia của cộng đồng 3 Điểm**
- Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:*
- 1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX**
- Có  $< 50\%$  thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐQT) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh  $< 50\%$  số thành viên tổ hợp tác 2 Điểm
- Có  $\geq 50\%$  thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐQT) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh  $\geq 50\%$  số thành viên tổ hợp tác 3 Điểm
- 2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình**
- Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh 0 Điểm
- Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh 1 Điểm
- 3.3. Kế toán 2 Điểm**
- Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu 0 Điểm
- Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên 1 Điểm
- Có tổ chức hệ thống kế toán 2 Điểm
- Tổng Điểm phần A: ..... Điểm**

**Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)**

- 4. TIẾP THỊ 5 Điểm**
- 4.1. Khu vực phân phối chính 5 Điểm**
- Thị trường trong huyện 0 Điểm
- Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh) 1 Điểm
- Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 2 Điểm
- Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 3 Điểm
- Có  $> 5$  đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 4 Điểm
- Thị trường quốc tế 5 Điểm



<b>4.2. Tổ chức phân phối</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người chuyên trách quản lý phân phối	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành	5 Điểm

<b>4.3. Quảng bá sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá	5 Điểm

**5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM**

<b>5.1. Câu chuyện về sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...)	5 Điểm

<b>5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Nội dung câu chuyện về sản phẩm:</i>	
<input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương	3 Điểm

<b>5.3. Cấu trúc câu chuyện</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>Chi áp dụng khi có câu chuyện</i>	
<input type="checkbox"/> Đơn giản	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm	2 Điểm

**Tổng Điểm phần B: ..... Điểm**

**Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)**

<b>6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN</b>	<b>20 Điểm</b>
<b>6.1. Tạp chất lạ</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có tạp chất, chấp nhận được	1 Điểm

<input type="checkbox"/> Có rất ít tạp chất, chấp nhận được	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Không phát hiện tạp chất	3 Điểm
<i>Chú ý: Nếu có các tạp chất không chấp nhận được (các tạp chất có nguy cơ không đạt ATTP) như: Lông, côn trùng, mẫu gỗ, cát, nhựa ... sẽ không đánh giá các bước tiếp theo</i>	
<b>6.2. Hình dạng, thể chất</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không đồng đều	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Không đồng đều, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối đồng đều, phù hợp	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Đồng đều, phù hợp	3 Điểm
<b>6.3. Màu sắc</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối phù hợp với đặc tính sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tốt, phù hợp với đặc tính sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất tốt, phù hợp với đặc tính sản phẩm	3 Điểm
<b>6.4. Mùi</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có mùi lạ, chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Mùi không rõ, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có mùi rõ, phù hợp với sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có mùi rõ, phù hợp với sản phẩm, hấp dẫn	5 Điểm
<b>6.5. Vị</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Vị khác thường	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp, hấp dẫn	3 Điểm
<b>6.6. Kết cấu/cách sắp đặt</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Nghèo nàn	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tốt	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất tốt	3 Điểm
<b>7. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác, tiềm năng thành thương hiệu của địa phương)</i>	
<input type="checkbox"/> Trung bình	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Độc đáo	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất độc đáo	5 Điểm
<b>8. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	<b>5 Điểm</b>
<b>8.1. Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có bản tự công bố (hoặc có nhưng không đúng)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố nhưng thiếu	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tiêu chuẩn sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố (hoặc tương đương), có tiêu chuẩn sản phẩm	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bản tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP</i>	
<b>8.2. Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu ATTP</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)</i>	

- Có, nhưng không đạt 0 Điểm
- Có, đạt nhưng không đủ 1 Điểm
- Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định 2 Điểm

**9. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM 5 Điểm**

- Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm 0 Điểm
- Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm 1 Điểm
- Có ghi hồ sơ lô sản xuất 2 Điểm
- Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất 3 Điểm
- Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (ISO/GMP/HACCP...) 5 Điểm

*Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định*

**10. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU 5 Điểm**

- Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình) 1 Điểm
- Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương đối) 2 Điểm
- Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao) 3 Điểm
- Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao) 4 Điểm
- Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế) 5 Điểm

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**

**Xếp hạng: ..... sao**

**Ghi chú:**

*Giới hạn các chỉ tiêu kiểm nghiệm tại mục 8.2 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng. Trong trường hợp không có thì áp dụng theo:*

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 12 năm 2007, về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”;
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương
- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex).

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....  
 .....  
 .....  
 .....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Người đánh giá**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**BỘ TIÊU CHÍ**  
**ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Thực phẩm**

**Nhóm 3: Thực phẩm tiện lợi**  
**Phân nhóm 3.5: Chế biến từ thủy sản**

Tên sản phẩm:.....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

Bị loại khi: *Giả mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TỔ CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu**

**5 Điểm**

- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50% 1 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75% 2 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100% 3 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100% 4 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh  $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

**1.2. Gia tăng giá trị**

**5 Điểm**

- Phân loại 1 Điểm
- Sơ chế 2 Điểm
- Chế biến 3 Điểm
- Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh 4 Điểm
- Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới 5 Điểm

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất**

**5 Điểm**

- Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất 1 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành 2 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành 3 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng 4 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối**

**3 Điểm**

- Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu 1 Điểm
- Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu 2 Điểm
- Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền 3 Điểm

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

**2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm**

**3 Điểm**

- Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố 1 Điểm
- Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường) 2 Điểm

<input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thể mạnh của địa phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hệt sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất</i>	
<b>2.2. Tính hoàn thiện của bao bì</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu	3 Điểm
<b>2.3. Phong cách của bao bì</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)</i>	
<input type="checkbox"/> Thông dụng, tương đối ấn tượng	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Đẹp, ấn tượng, sang trọng	2 Điểm
<b>3. SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG</b>	
<b>3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh</b>	<b>4 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51%	3 Điểm
<input type="checkbox"/> HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương $\geq 51\%$	4 Điểm
<b>3.2. Sự tham gia của cộng đồng</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:</i>	
<b>1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX</b>	
<input type="checkbox"/> Có < 50% thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh < 50% số thành viên tổ hợp tác	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có $\geq 50\%$ thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh $\geq 50\%$ số thành viên tổ hợp tác	3 Điểm
<b>2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình</b>	
<input type="checkbox"/> Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh	1 Điểm
<b>3.3. Kế toán</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tổ chức hệ thống kế toán	2 Điểm
<b>Tổng Điểm phần A: ..... Điểm</b>	

<b>Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)</b>
--

<b>4. TIẾP THỊ</b>	
<b>4.1. Khu vực phân phối chính</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Thị trường trong huyện	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có > 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Thị trường quốc tế	5 Điểm

<b>4.2. Tổ chức phân phối</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người chuyên trách quản lý phân phối	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành	5 Điểm
<b>4.3. Quảng bá sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá	5 Điểm
<b>5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM</b>	
<b>5.1. Câu chuyện về sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...)	5 Điểm
<b>5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Nội dung câu chuyện về sản phẩm:</i>	
<input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương	3 Điểm
<b>5.3. Cấu trúc câu chuyện</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện</i>	
<input type="checkbox"/> Đơn giản	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm	2 Điểm
<b>Tổng Điểm phần B: ..... Điểm</b>	
<b>Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)</b>	
<b>6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN</b>	<b>20 Điểm</b>
<b>6.1. Tạp chất lạ</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có tạp chất, không nhận được	0 Điểm

<input type="checkbox"/> Có rất ít tạp chất, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Không phát hiện tạp chất	2 Điểm
<i>Ghi chú: Không xem xét các chỉ tiêu khác nếu sản phẩm có các tạp chất có nguy cơ cao ảnh hưởng đến vệ sinh ATTP như ruồi bọ, lông, len, cát sỏi ....</i>	
<b>6.2. Hình dạng, kích thước</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không đồng đều	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Không đồng đều, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối đồng đều, phù hợp	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Đồng đều, phù hợp	3 Điểm
<b>6.3. Màu sắc</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối phù hợp với đặc tính sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tốt, phù hợp với đặc tính sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất tốt, phù hợp với đặc tính sản phẩm	3 Điểm
<b>6.4. Mùi</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có mùi lạ, chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Mùi thơm nhưng không rõ, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có mùi rõ, phù hợp với sản phẩm	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có mùi rõ, rất phù hợp với sản phẩm	5 Điểm
<b>6.5. Vị</b>	<b>4 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Vị khác thường	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với sản phẩm	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp, hấp dẫn	4 Điểm
<b>6.6. Kết cấu/cách sắp đặt</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Nghèo nàn	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tốt	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất tốt	3 Điểm
<b>7. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác, tiềm năng thành thương hiệu của địa phương)</i>	
<input type="checkbox"/> Trung bình	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Độc đáo	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất độc đáo	5 Điểm
<b>8. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	<b>5 Điểm</b>
<b>8.1. Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có bản tự công bố (hoặc có nhưng không đúng)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố nhưng thiếu	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tiêu chuẩn sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố (hoặc tương đương), có tiêu chuẩn sản phẩm	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bản tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP</i>	
<b>8.2. Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu ATTP</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)</i>	
<input type="checkbox"/> Có, nhưng không đạt	0 Điểm

- Có, đạt nhưng không đủ 1 Điểm
  - Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định 2 Điểm
- 9. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM 5 Điểm**
- Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm 0 Điểm
  - Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm 1 Điểm
  - Có ghi hồ sơ lô sản xuất 2 Điểm
  - Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất 3 Điểm
  - Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (ISO/GMP/HACCP...) 5 Điểm
- Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định*
- 10. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU 5 Điểm**
- Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình) 1 Điểm
  - Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương đối) 2 Điểm
  - Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao) 3 Điểm
  - Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao) 4 Điểm
  - Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế) 5 Điểm

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**  
**Xếp hạng: ..... sao**

**Ghi chú:**

Giới hạn các chỉ tiêu kiểm nghiệm tại mục 8.2 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng. Trong trường hợp không có thì áp dụng theo:

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 12 năm 2007, về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”;
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương
- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex).

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



**BỘ TIÊU CHÍ**  
**ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Thực phẩm**

**Nhóm 4: Gia vị**

**Phân nhóm 4.1: Tương, tương ớt, nước mắm, nước chấm,...**

Tên sản phẩm: .....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

*Bị loại khi: Giả mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TỔ CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu**

- |   |        |
|---|--------|
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50%                               | 5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75%                    | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100%                   | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100%                              | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh $\geq$ 50%, có liên kết chuỗi sản xuất | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh $\geq$ 50%, có liên kết chuỗi sản xuất | 5 Điểm |

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

**1.2. Gia tăng giá trị**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Phân loại                               | 5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sơ chế                                  | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến                                | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới    | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới    | 5 Điểm |

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất  | 5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành                        | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành                                   | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng                         | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng | 5 Điểm |

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối**

- |   |        |
|---|--------|
| <input type="checkbox"/> Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu          | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền                     | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền                     | 3 Điểm |

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

**2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường)    | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường)    | 2 Điểm |

- Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thể mạnh của địa phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường 3 Điểm  
*Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hệt sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất*
- 2.2. Tính hoàn thiện của bao bì 3 Điểm**
- Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ) 1 Điểm
- Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc 2 Điểm
- Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu 3 Điểm
- 2.3. Phong cách của bao bì 2 Điểm**  
*(Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)*
- Thông dụng, tương đối ấn tượng 1 Điểm
- Đẹp, ấn tượng, sang trọng 2 Điểm
- 3. SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG**
- 3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh 4 Điểm**
- Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác 1 Điểm
- Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN) 2 Điểm
- Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51% 3 Điểm
- HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương  $\geq 51\%$  4 Điểm
- 3.2. Sự tham gia của cộng đồng 3 Điểm**  
*Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:*
- 1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX**
- Có < 50% thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh < 50% số thành viên tổ hợp tác 2 Điểm
- Có  $\geq 50\%$  thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh  $\geq 50\%$  số thành viên tổ hợp tác 3 Điểm
- 2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình**
- Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh 0 Điểm
- Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh 1 Điểm
- 3.3. Kế toán 2 Điểm**
- Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu 0 Điểm
- Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên 1 Điểm
- Có tổ chức hệ thống kế toán 2 Điểm

**Tổng Điểm phần A: ..... Điểm**

**Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)**

- 4. TIẾP THỊ**
- 4.1. Khu vực phân phối chính 5 Điểm**
- Thị trường trong huyện 0 Điểm
- Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh) 1 Điểm
- Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 2 Điểm
- Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 3 Điểm
- Có > 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 4 Điểm
- Thị trường quốc tế 5 Điểm

<b>4.2. Tổ chức phân phối</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người chuyên trách quản lý phân phối	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành	5 Điểm

<b>4.3. Quảng bá sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá	5 Điểm

## 5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM

<b>5.1. Câu chuyện về sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...)	5 Điểm

<b>5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Nội dung câu chuyện về sản phẩm:</i>	
<input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương	3 Điểm

<b>5.3. Cấu trúc câu chuyện</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện</i>	
<input type="checkbox"/> Đơn giản	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm	2 Điểm

**Tổng Điểm phần B: ..... Điểm**

## Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)

<b>6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN</b>	<b>20 Điểm</b>
<b>6.1. Tạp chất lạ</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có các tạp chất, chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có rất ít tạp chất, chấp nhận được	1 Điểm

<input type="checkbox"/> <b>Sạch, không có tạp chất</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>Chú ý: Nếu có các tạp chất không chấp nhận được (các tạp chất có nguy cơ không đạt ATTP) như: Lông, côn trùng, máu gỗ, cát, nhựa ... sẽ không đánh giá các bước tiếp theo</i>	
<b>6.2. Thể chất</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không phù hợp	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối phù hợp với tính chất của sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với tính chất của sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất phù hợp với tính chất của sản phẩm	3 Điểm
<b>6.3. Màu sắc</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối phù hợp với đặc tính sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tốt, phù hợp với đặc tính sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất tốt, phù hợp với đặc tính sản phẩm	3 Điểm
<b>6.4. Mùi</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có mùi lạ	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Mùi tự nhiên đặc trưng của sản phẩm	3 Điểm
<b>6.5. Vị</b>	<b>6 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Vị khác thường	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với sản phẩm	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Hấp dẫn, phù hợp với sản phẩm	6 Điểm
<b>6.6. Quy cách đóng gói</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Tương đối phù hợp với đặc tính sản phẩm	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với đặc tính sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp, tiện dùng	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp, rất tiện dùng	3 Điểm
<b>7. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác, tiềm năng thành thương hiệu của địa phương)</i>	
<input type="checkbox"/> Trung bình	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Độc đáo	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất độc đáo	5 Điểm
<b>8. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	<b>5 Điểm</b>
<b>8.1. Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có bản tự công bố (hoặc có nhưng không đúng)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố nhưng thiếu	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tiêu chuẩn sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố (hoặc tương đương), có tiêu chuẩn sản phẩm	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bản tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP</i>	
<b>8.2. Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu ATTP</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)</i>	
<input type="checkbox"/> Có, nhưng không đạt	0 Điểm

- Có, đạt nhưng không đủ 1 Điểm
- Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định 2 Điểm

**9. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM 5 Điểm**

- Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm 0 Điểm
- Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm 1 Điểm
- Có ghi hồ sơ lô sản xuất 2 Điểm
- Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất 3 Điểm
- Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (ISO/GMP/HACCP...) 5 Điểm

*Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định*

**10. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU 5 Điểm**

- Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình) 1 Điểm
- Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương đối) 2 Điểm
- Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao) 3 Điểm
- Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao) 4 Điểm
- Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế) 5 Điểm

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**  
**Xếp hạng: ..... sao**

**Ghi chú:**

Giới hạn các chỉ tiêu kiểm nghiệm tại mục 8.2 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng. Trong trường hợp không có thì áp dụng theo:

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 12 năm 2007, về việc ban hành "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm";
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương
- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex).

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....  
 .....  
 .....  
 .....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**BỘ TIÊU CHÍ**  
**ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Thực phẩm**

**Nhóm 4: Gia vị**

**Phân nhóm 4.2: Gia vị (hành, tỏi, tiêu,...)**

Tên sản phẩm:.....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

Bị loại khi: *Giả mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TỔ CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu**

**5 Điểm**

- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50% 1 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75% 2 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100% 3 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100% 4 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh  $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

**1.2. Gia tăng giá trị**

**5 Điểm**

- Phân loại 1 Điểm
- Sơ chế 2 Điểm
- Chế biến 3 Điểm
- Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh 4 Điểm
- Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới 5 Điểm

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất**

**5 Điểm**

- Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất 1 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành 2 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành 3 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng 4 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối**

**3 Điểm**

- Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu 1 Điểm
- Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu 2 Điểm
- Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền 3 Điểm

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

**2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm**

**3 Điểm**

- Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố 1 Điểm
- Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường) 2 Điểm

- Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thể mạnh của địa phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường 3 Điểm
- Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hệt sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất*
- 2.2. Tính hoàn thiện của bao bì 3 Điểm**
- Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ) 1 Điểm
- Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc 2 Điểm
- Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu 3 Điểm
- 2.3. Phong cách của bao bì 2 Điểm**
- (Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)*
- Thông dụng, tương đối ấn tượng 1 Điểm
- Đẹp, ấn tượng, sang trọng 2 Điểm
- 3. SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG**
- 3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh 4 Điểm**
- Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác 1 Điểm
- Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN) 2 Điểm
- Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51% 3 Điểm
- HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương  $\geq 51\%$  4 Điểm
- 3.2. Sự tham gia của cộng đồng 3 Điểm**
- Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:*
- 1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX**
- Có < 50% thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh < 50% số thành viên tổ hợp tác 2 Điểm
- Có  $\geq 50\%$  thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh  $\geq 50\%$  số thành viên tổ hợp tác 3 Điểm
- 2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình**
- Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh 0 Điểm
- Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh 1 Điểm
- 3.3. Kế toán 2 Điểm**
- Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu 0 Điểm
- Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên 1 Điểm
- Có tổ chức hệ thống kế toán 2 Điểm

**Tổng Điểm phần A: ..... Điểm**

**Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)**

**4. TIẾP THỊ**

- 4.1. Khu vực phân phối chính 5 Điểm**
- Thị trường trong huyện 0 Điểm
- Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh) 1 Điểm
- Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 2 Điểm
- Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 3 Điểm
- Có > 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 4 Điểm
- Thị trường quốc tế 5 Điểm

<b>4.2. Tổ chức phân phối</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người chuyên trách quản lý phân phối	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành	5 Điểm
<b>4.3. Quảng bá sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá	5 Điểm
<b>5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM</b>	
<b>5.1. Câu chuyện về sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...)	5 Điểm
<b>5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Nội dung câu chuyện về sản phẩm:</i>	
<input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương	3 Điểm
<b>5.3. Cấu trúc câu chuyện</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện</i>	
<input type="checkbox"/> Đơn giản	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm	2 Điểm
<b>Tổng Điểm phần B: ..... Điểm</b>	

**Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)**

<b>6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN</b>	<b>20 Điểm</b>
<b>6.1. Tạp chất lạ</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có các tạp chất, chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có rất ít tạp chất, chấp nhận được	1 Điểm



<input type="checkbox"/> <b>Sạch, không có tạp chất</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>Chú ý: Nếu có các tạp chất không chấp nhận được (các tạp chất có nguy cơ không đạt ATTP) như: Lông, côn trùng, máu gỗ, cát, nhựa ... sẽ không đánh giá các bước tiếp theo</i>	
<b>6.2. Hình dạng, kích thước</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không đồng đều/không phù hợp	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối đồng đều	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Đồng đều	2 Điểm
<b>6.3. Màu sắc</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không đồng đều, chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối đồng đều, phù hợp với tính chất sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Đồng đều, phù hợp với tính chất sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Đồng đều, tốt, phù hợp với tính chất sản phẩm	3 Điểm
<b>6.4. Mùi</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có mùi lạ	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Mùi tự nhiên đặc trưng của sản phẩm, mùi nổi bật	3 Điểm
<b>6.5. Vị</b>	<b>6 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Vị khác thường	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với sản phẩm	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với đặc trưng sản phẩm, vị nổi bật	6 Điểm
<b>6.6. Quy cách đóng gói/dạng sử dụng</b>	<b>4 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Tương đối phù hợp với đặc tính sản phẩm	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với đặc tính sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp, tiện dùng	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp, rất tiện dùng	4 Điểm
<b>7. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác, tiềm năng thành thương hiệu của địa phương)</i>	
<input type="checkbox"/> Trung bình	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Độc đáo	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất độc đáo	5 Điểm
<b>8. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	<b>5 Điểm</b>
<b>8.1. Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có bản tự công bố (hoặc có nhưng không đúng)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố nhưng thiếu	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tiêu chuẩn sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố (hoặc tương đương), có tiêu chuẩn sản phẩm	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bản tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP</i>	
<b>8.2. Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu ATTP</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)</i>	
<input type="checkbox"/> Có, nhưng không đạt	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có, đạt nhưng không đủ	1 Điểm

Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định 2 Điểm

**9. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM 5 Điểm**

Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm 0 Điểm

Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm 1 Điểm

Có ghi hồ sơ lô sản xuất 2 Điểm

Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất 3 Điểm

Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (ISO/GMP/HACCP...) 5 Điểm

*Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định*

**10. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU 5 Điểm**

Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình) 1 Điểm

Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương đối) 2 Điểm

Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao) 3 Điểm

Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao) 4 Điểm

Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế) 5 Điểm

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**

**Xếp hạng: ..... sao**

**Ghi chú:**

Giới hạn các chỉ tiêu kiểm nghiệm tại mục 8.2 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng. Trong trường hợp không có thì áp dụng theo:

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 12 năm 2007, về việc ban hành "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm";

- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương

- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex).

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**BỘ TIÊU CHÍ  
ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Thực phẩm**

**Nhóm 5: Trà**

**Phân nhóm 5.1: Trà**

Tên sản phẩm:.....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

*Bị loại khi: Giả mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TỔ CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu**

**5 Điểm**

- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50% 1 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75% 2 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100% 3 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100% 4 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh  $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

**1.2. Gia tăng giá trị**

**5 Điểm**

- Phân loại 1 Điểm
- Sơ chế 2 Điểm
- Chế biến 3 Điểm
- Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh 4 Điểm
- Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới 5 Điểm

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất**

**5 Điểm**

- Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất 1 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành 2 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành 3 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng 4 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối**

**3 Điểm**

- Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu 1 Điểm
- Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu 2 Điểm
- Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền 3 Điểm

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

**2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm**

**3 Điểm**

- Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố 1 Điểm
- Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường) 2 Điểm

- Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thể mạnh của địa phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường 3 Điểm
- Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hệt sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất*
- 2.2. Tính hoàn thiện của bao bì 3 Điểm**
- Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ) 1 Điểm
- Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc 2 Điểm
- Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu 3 Điểm
- 2.3. Phong cách của bao bì 2 Điểm**
- (Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)*
- Thông dụng, tương đối ấn tượng 1 Điểm
- Đẹp, ấn tượng, sang trọng 2 Điểm
- 3. SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG**
- 3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh 4 Điểm**
- Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác 1 Điểm
- Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN) 2 Điểm
- Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51% 3 Điểm
- HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương  $\geq 51\%$  4 Điểm
- 3.2. Sự tham gia của cộng đồng 3 Điểm**
- Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:*
- 1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX**
- Có < 50% thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐQT) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh < 50% số thành viên tổ hợp tác 2 Điểm
- Có  $\geq 50\%$  thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐQT) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh  $\geq 50\%$  số thành viên tổ hợp tác 3 Điểm
- 2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình**
- Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh 0 Điểm
- Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh 1 Điểm
- 3.3. Kế toán 2 Điểm**
- Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu 0 Điểm
- Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên 1 Điểm
- Có tổ chức hệ thống kế toán 2 Điểm

**Tổng Điểm phần A: ..... Điểm**

**Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)**

- 4. TIẾP THỊ**
- 4.1. Khu vực phân phối chính 5 Điểm**
- Thị trường trong huyện 0 Điểm
- Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh) 1 Điểm
- Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 2 Điểm
- Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 3 Điểm
- Có > 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 4 Điểm
- Thị trường quốc tế 5 Điểm

<b>4.2. Tổ chức phân phối</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người chuyên trách quản lý phân phối	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành	5 Điểm
<b>4.3. Quảng bá sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá	5 Điểm
<b>5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM</b>	
<b>5.1. Câu chuyện về sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...)	5 Điểm
<b>5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Nội dung câu chuyện về sản phẩm:</i>	
<input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương	3 Điểm
<b>5.3. Cấu trúc câu chuyện</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện</i>	
<input type="checkbox"/> Đơn giản	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm	2 Điểm
<b>Tổng Điểm phần B: ..... Điểm</b>	

<b>Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)</b>
--

<b>6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN</b>	<b>20 Điểm</b>
<b>6.1. Ngoại hình</b>	<b>6 Điểm</b>
<b>6.1. 1. Tạp chất lạ</b>	<b>2 Điểm</b>

<input type="checkbox"/> Có các tạp chất, chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có rất ít tạp chất, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Sạch, không có tạp chất	2 Điểm
<i>Ghi chú: Nếu có tạp chất lạ có nguy cơ gây mất ATTP như đất, côn trùng, lông, len ... sẽ không đánh giá các bước tiếp theo.</i>	
<b>6.1.2. Hình dạng cánh trà</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không đồng đều, chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối đồng đều, phù hợp (cánh trà dài, xoan đều,.../có tuyết)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Đồng đều, phù hợp (cánh trà dài, xoan đều,.../có tuyết)	2 Điểm
<b>6.1.3. Màu sắc cánh trà</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Màu không phù hợp	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Màu tự nhiên, tương đối phù hợp với tính chất sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Màu tự nhiên, phù hợp với tính chất sản phẩm	2 Điểm
<b>6.2. Nước pha</b>	<b>14 Điểm</b>
<b>6.2.1 Màu nước</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Hơi đục, màu nhạt, chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Trong sáng, phù hợp (với tính chất sản phẩm)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Trong sáng, rất phù hợp	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Trong sáng, rất phù hợp, bền màu	3 Điểm
<b>6.2.2. Mùi nước</b>	<b>6 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có mùi lạ (chấp nhận được) hoặc không rõ mùi	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Thơm tự nhiên, nhẹ	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Thơm tự nhiên, mạnh	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Thơm tự nhiên, mạnh, khá bền mùi	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Thơm tự nhiên, mạnh, bền mùi	6 Điểm
<b>6.2.3. Vị nước</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Vị khác thường (chấp nhận được) hoặc không rõ vị	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối đậm phù hợp (với tính chất sản phẩm)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Vị đậm, dịu, phù hợp	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Vị đậm, dịu, phù hợp, có hậu vị ngọt	5 Điểm
<b>7. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác)</i>	
<input type="checkbox"/> Trung bình	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Độc đáo	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất độc đáo	5 Điểm
<b>8. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	<b>5 Điểm</b>
<b>8.1. Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có bản tự công bố (hoặc có nhưng không đúng)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố nhưng thiếu	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tiêu chuẩn sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố (hoặc tương đương), có tiêu chuẩn sản phẩm	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bản tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP</i>	
<b>8.2. Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu ATTP</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)</i>	
<input type="checkbox"/> Có, nhưng không đạt	0 Điểm

- Có, đạt nhưng không đủ 1 Điểm
- Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định 2 Điểm

**9. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM 5 Điểm**

- Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm 0 Điểm
- Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm 1 Điểm
- Có ghi hồ sơ lô sản xuất 2 Điểm
- Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất 3 Điểm
- Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (ISO/GMP/HACCP...) 5 Điểm

*Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định*

**10. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU 5 Điểm**

- Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình) 1 Điểm
- Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương đối) 2 Điểm
- Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao) 3 Điểm
- Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao) 4 Điểm
- Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế) 5 Điểm

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**  
**Xếp hạng: ..... sao**

**Ghi chú:**

Giới hạn các chỉ tiêu kiểm nghiệm tại mục 8.2 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng. Trong trường hợp không có thì áp dụng theo:

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 12 năm 2007, về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”;
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương
- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex).

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....  
 .....  
 .....  
 .....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**BỘ TIÊU CHÍ  
ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Thực phẩm**

**Nhóm 5: Trà**

**Phân nhóm 5.2: Trà thảo mộc (trà linh chi, trà gừng, trà cúc,...)**

Tên sản phẩm:.....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

Bị loại khi: *Giả mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TỔ CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu**

**5 Điểm**

- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50% 1 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75% 2 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100% 3 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100% 4 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh  $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

**1.2. Gia tăng giá trị**

**5 Điểm**

- Phân loại 1 Điểm
- Sơ chế 2 Điểm
- Chế biến 3 Điểm
- Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh 4 Điểm
- Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới 5 Điểm

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất**

**5 Điểm**

- Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất 1 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành 2 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành 3 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng 4 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối**

**3 Điểm**

- Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu 1 Điểm
- Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu 2 Điểm
- Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền 3 Điểm

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

**2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm**

**3 Điểm**

- Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố 1 Điểm
- Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường) 2 Điểm



- Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thể mạnh của địa phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường 3 Điểm
- Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hệ sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất*
- 2.2. Tính hoàn thiện của bao bì 3 Điểm**
- Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ) 1 Điểm
- Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc 2 Điểm
- Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu 3 Điểm
- 2.3. Phong cách của bao bì 2 Điểm**
- (Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)*
- Thông dụng, tương đối ấn tượng 1 Điểm
- Đẹp, ấn tượng, sang trọng 2 Điểm
- 3. SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG**
- 3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh 4 Điểm**
- Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác 1 Điểm
- Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN) 2 Điểm
- Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51% 3 Điểm
- HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương  $\geq 51\%$  4 Điểm
- 3.2. Sự tham gia của cộng đồng 3 Điểm**
- Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:*
- 1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX**
- Có  $< 50\%$  thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh  $< 50\%$  số thành viên tổ hợp tác 2 Điểm
- Có  $\geq 50\%$  thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh  $\geq 50\%$  số thành viên tổ hợp tác 3 Điểm
- 2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình**
- Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh 0 Điểm
- Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh 1 Điểm
- 3.3. Kế toán 2 Điểm**
- Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu 0 Điểm
- Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên 1 Điểm
- Có tổ chức hệ thống kế toán 2 Điểm

**Tổng Điểm phần A: ..... Điểm**

**Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)**

- 4. TIẾP THỊ**
- 4.1. Khu vực phân phối chính 5 Điểm**
- Thị trường trong huyện 0 Điểm
- Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh) 1 Điểm
- Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 2 Điểm
- Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 3 Điểm
- Có  $> 5$  đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 4 Điểm
- Thị trường quốc tế 5 Điểm

<b>4.2. Tổ chức phân phối</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người chuyên trách quản lý phân phối	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành	5 Điểm
<b>4.3. Quảng bá sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá	5 Điểm
<b>5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM</b>	
<b>5.1. Câu chuyện về sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...)	5 Điểm
<b>5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Nội dung câu chuyện về sản phẩm:</i>	
<input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương	3 Điểm
<b>5.3. Cấu trúc câu chuyện</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện</i>	
<input type="checkbox"/> Đơn giản	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm	2 Điểm
<b>Tổng Điểm phần B: ..... Điểm</b>	

<b>Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)</b>
--

<b>6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN</b>	<b>20 Điểm</b>
<b>6.1. Tạp chất lạ</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có các tạp chất, chấp nhận được	0 Điểm

<input type="checkbox"/> Có rất ít tạp chất, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Sạch, không có tạp chất	2 Điểm
<i>Ghi chú: Nếu có tạp chất lạ có nguy cơ gây mất ATTP như đất, côn trùng, lông, len ... sẽ không xem xét thêm các tiêu chuẩn khác.</i>	
<b>6.2. Hình dạng</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Của ngoại hình trà, trà thảo mộc,...)</i>	
<input type="checkbox"/> Không đồng đều, chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối đồng đều, phù hợp	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Đồng đều, phù hợp	2 Điểm
<b>6.3. Màu nước</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Hơi đục, màu nhạt, chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Trong sáng, phù hợp (với tính chất sản phẩm)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Trong sáng, rất phù hợp	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Trong sáng, rất phù hợp, bền màu	3 Điểm
<b>6.4. Mùi nước</b>	<b>6 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có mùi lạ (chấp nhận được) hoặc không rõ mùi	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Thơm tự nhiên, nhẹ	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Thơm tự nhiên, mạnh	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Thơm tự nhiên, mạnh, khá bền mùi	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Thơm tự nhiên, mạnh, bền mùi	6 Điểm
<b>6.5. Vị nước</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Vị khác thường (chấp nhận được) hoặc không rõ vị	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Vị tương đối đậm phù hợp (với tính chất sản phẩm)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Vị đậm, dịu phù hợp	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Vị đậm, dịu phù hợp, hấp dẫn	5 Điểm
<b>6.6. Quy cách đóng gói, dạng sử dụng</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không tiện dùng	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tiện dùng	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất tiện dùng	2 Điểm
<b>7. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác)</i>	
<input type="checkbox"/> Trung bình	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Độc đáo	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất độc đáo	5 Điểm
<b>8. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	<b>5 Điểm</b>
<b>8.1. Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có bản tự công bố (hoặc có nhưng không đúng)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố nhưng thiếu	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tiêu chuẩn sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố (hoặc tương đương), có tiêu chuẩn sản phẩm	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bản tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP</i>	
<b>8.2. Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu ATTP</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)</i>	
<input type="checkbox"/> Có, nhưng không đạt	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có, đạt nhưng không đủ	1 Điểm

Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định 2 Điểm

**9. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM 5 Điểm**

Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm 0 Điểm

Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm 1 Điểm

Có ghi hồ sơ lô sản xuất 2 Điểm

Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất 3 Điểm

Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (ISO/GMP/HACCP...) 5 Điểm

*Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định*

**10. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU 5 Điểm**

Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình) 1 Điểm

Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương đối) 2 Điểm

Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao) 3 Điểm

Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao) 4 Điểm

Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế) 5 Điểm

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**

**Xếp hạng: ..... sao**

**Ghi chú:**

*Giới hạn các chỉ tiêu kiểm nghiệm tại mục 8.2 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng. Trong trường hợp không có thì áp dụng theo:*

*- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm*

*- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;*

*- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;*

*- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 12 năm 2007, về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”;*

*- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương*

*- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex).*

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày ... tháng ... năm 20..

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**BỘ TIÊU CHÍ**  
**ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Thực phẩm**

**Nhóm 6: Cà phê (Sản phẩm chế biến)**

Tên sản phẩm:.....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

*Bị loại khi: Giả mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TÒ CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu**

- |   |        |
|---|--------|
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50%                               | 5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75%                    | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100%                   | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100%                              | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh $\geq$ 50%, có liên kết chuỗi sản xuất | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh $\geq$ 50%, có liên kết chuỗi sản xuất | 5 Điểm |

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

**1.2. Gia tăng giá trị**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Phân loại                               | 5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sơ chế                                  | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến                                | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới    | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới    | 5 Điểm |

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất  | 5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành                        | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành                                   | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng                         | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng | 5 Điểm |

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối**

- |   |        |
|---|--------|
| <input type="checkbox"/> Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu          | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu          | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền                     | 3 Điểm |

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

**2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường)    | 2 Điểm |

- Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thế mạnh của địa phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường 3 Điểm
- Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hệt sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất*
- 2.2. Tính hoàn thiện của bao bì 3 Điểm**
- Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ) 1 Điểm
- Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc 2 Điểm
- Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu 3 Điểm
- 2.3. Phong cách của bao bì 2 Điểm**
- (Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)*
- Thông dụng, tương đối ấn tượng 1 Điểm
- Đẹp, ấn tượng, sang trọng 2 Điểm
- 3. SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG**
- 3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh 4 Điểm**
- Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác 1 Điểm
- Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN) 2 Điểm
- Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51% 3 Điểm
- HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương  $\geq 51\%$  4 Điểm
- 3.2. Sự tham gia của cộng đồng 3 Điểm**
- Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:*
- 1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX**
- Có < 50% thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh < 50% số thành viên tổ hợp tác 2 Điểm
- Có  $\geq 50\%$  thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh  $\geq 50\%$  số thành viên tổ hợp tác 3 Điểm
- 2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình**
- Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh 0 Điểm
- Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh 1 Điểm
- 3.3. Kế toán 2 Điểm**
- Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu 0 Điểm
- Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên 1 Điểm
- Có tổ chức hệ thống kế toán 2 Điểm
- Tổng Điểm phần A: ..... Điểm**

**Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)**

- 4. TIẾP THỊ**
- 4.1. Khu vực phân phối chính 5 Điểm**
- Thị trường trong huyện 0 Điểm
- Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh) 1 Điểm
- Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 2 Điểm
- Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 3 Điểm
- Có > 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 4 Điểm
- Thị trường quốc tế 5 Điểm

<b>4.2. Tổ chức phân phối</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người chuyên trách quản lý phân phối	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành	5 Điểm
<b>4.3. Quảng bá sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá	5 Điểm
<b>5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM</b>	
<b>5.1. Câu chuyện về sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...)	5 Điểm
<b>5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Nội dung câu chuyện về sản phẩm:</i>	
<input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương	3 Điểm
<b>5.3. Cấu trúc câu chuyện</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện</i>	
<input type="checkbox"/> Đơn giản	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm	2 Điểm
<b>Tổng Điểm phần B: ..... Điểm</b>	

<b>Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)</b>
--

<b>6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN</b>	<b>20 Điểm</b>
<b>6.1. Ngoại hình</b>	<b>11 Điểm</b>
<b>6.1.1. Tạp chất lạ</b>	<b>2 Điểm</b>

<input type="checkbox"/> Có các tạp chất, chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có rất ít tạp chất, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Sạch, không có tạp chất	2 Điểm
<i>Ghi chú: Nếu có tạp chất lạ có nguy cơ gây mất ATTP như đất, côn trùng, lông, len ... sẽ không đánh giá các bước tiếp theo.</i>	
<b>6.1.2. Trạng thái/hình dạng</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không đồng đều, chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối đồng đều, phù hợp	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Đồng đều, phù hợp	2 Điểm
<b>6.1.3. Màu sắc</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không đồng đều hoặc bị cháy	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Đồng đều, tự nhiên, tương đối phù hợp (với tính chất sản phẩm)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Đồng đều, tự nhiên, phù hợp	2 Điểm
<b>6.1.4. Mùi</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có mùi lạ (chấp nhận được) hoặc không rõ mùi	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Thơm tự nhiên đặc trưng, nhẹ	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Thơm tự nhiên đặc trưng, mạnh	2 Điểm
<b>6.1.5. Vị</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Vị khác thường (chấp nhận được) hoặc không rõ vị	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Vị tương đối đậm đà phù hợp (với tính chất sản phẩm)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Vị đậm đà	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Vị đậm đà, hấp dẫn	3 Điểm
<b>6.2. Nước pha</b>	<b>7 Điểm</b>
<b>6.2.1 Màu nước</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Hơi đục, màu nhạt, chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Đậm, sánh, phù hợp (với tính chất sản phẩm)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Đậm, sánh, rất phù hợp	2 Điểm
<b>6.2.2. Mùi, vị</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Khác thường (chấp nhận được) hoặc không rõ vị	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối hấp dẫn	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Hấp dẫn	5 Điểm
<b>6.3. Quy cách đóng gói, dạng sử dụng</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không tiện dùng	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối tiện dùng	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tiện dùng	2 Điểm
<b>7. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác)</i>	
<input type="checkbox"/> Trung bình	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Độc đáo	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất độc đáo	5 Điểm
<b>8. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	<b>5 Điểm</b>
<b>8.1. Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có bản tự công bố (hoặc có nhưng không đúng)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố nhưng thiếu	1 Điểm



- Có bản tiêu chuẩn sản phẩm 2 Điểm
- Có bản tự công bố (hoặc tương đương), có tiêu chuẩn sản phẩm 3 Điểm

*Ghi chú: Bản tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP*

**8.2. Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu ATTP 2 Điểm**

*(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)*

- Có, nhưng không đạt 0 Điểm
- Có, đạt nhưng không đủ 1 Điểm
- Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định 2 Điểm

**9. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM 5 Điểm**

- Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm 0 Điểm
- Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm 1 Điểm
- Có ghi hồ sơ lô sản xuất 2 Điểm
- Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất 3 Điểm
- Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (ISO/GMP/HACCP...) 5 Điểm

*Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định*

**10. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU 5 Điểm**

- Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình) 1 Điểm
- Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương đối) 2 Điểm
- Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao) 3 Điểm
- Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao) 4 Điểm
- Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế) 5 Điểm

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**  
**Xếp hạng: ..... sao**

**Ghi chú:**

*Giới hạn các chỉ tiêu kiểm nghiệm tại mục 8.2 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng. Trong trường hợp không có thì áp dụng theo:*

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 12 năm 2007, về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”;
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương
- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex).

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....  
 .....  
 .....  
 .....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**BỘ TIÊU CHÍ  
ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Đồ uống**

**Nhóm 1: Đồ uống có cồn**

**Phân nhóm: 1.1. Rượu trắng**

Tên sản phẩm:.....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

Bị loại khi: *Già mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TỔ CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu**

- |   |        |
|---|--------|
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50%                                 | 5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75%                      | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100%                     | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100%                                | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất | 5 Điểm |

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

**1.2. Gia tăng giá trị**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Phân loại                               | 5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Phân loại                               | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Sơ chế                                  | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến                                | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới    | 5 Điểm |

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất  | 5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành                        | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành                                   | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng                         | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng | 5 Điểm |

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối**

- |   |        |
|---|--------|
| <input type="checkbox"/> Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu          | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu          | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền                     | 3 Điểm |

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

**2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố | 1 Điểm |

<input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thể mạnh của địa phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hệt sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất</i>	
<b>2.2. Tính hoàn thiện của bao bì</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu	3 Điểm
<b>2.3. Phong cách của bao bì</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)</i>	
<input type="checkbox"/> Thông dụng, tương đối ấn tượng	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Đẹp, ấn tượng, sang trọng	2 Điểm
<b>3. SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG</b>	
<b>3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh</b>	<b>4 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51%	3 Điểm
<input type="checkbox"/> HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương $\geq 51\%$	4 Điểm
<b>3.2. Sự tham gia của cộng đồng</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:</i>	
<b>1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX</b>	
<input type="checkbox"/> Có < 50% thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh < 50% số thành viên tổ hợp tác	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có $\geq 50\%$ thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh $\geq 50\%$ số thành viên tổ hợp tác	3 Điểm
<b>2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình</b>	
<input type="checkbox"/> Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh	1 Điểm
<b>3.3. Kế toán</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tổ chức hệ thống kế toán	2 Điểm
<b>Tổng Điểm phần A: ..... Điểm</b>	

<b>Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)</b>
--

<b>4. TIẾP THỊ</b>	
<b>4.1. Khu vực phân phối chính</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Thị trường trong huyện	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có > 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	4 Điểm

<input type="checkbox"/> Thị trường quốc tế	5 Điểm
<b>4.2. Tổ chức phân phối</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người chuyên trách quản lý phân phối	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành	5 Điểm
<b>4.3. Quảng bá sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá	5 Điểm
<b>5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM</b>	
<b>5.1. Câu chuyện về sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...)	5 Điểm
<b>5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Nội dung câu chuyện về sản phẩm:</i>	
<input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương	3 Điểm
<b>5.3. Cấu trúc câu chuyện</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện</i>	
<input type="checkbox"/> Đơn giản	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm	2 Điểm
<b>Tổng Điểm phần B: ..... Điểm</b>	

<b>Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)</b>
--

<b>6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN</b>	<b>20 Điểm</b>
<b>6.1. Tạp chất lạ</b>	<b>3 Điểm</b>

<input type="checkbox"/> Có tạp chất	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có rất ít tạp chất/có cặn, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Sạch, không phát hiện tạp chất/cặn	3 Điểm
<i>Ghi chú: Nếu có tạp chất lạ có nguy cơ gây mất an toàn thực phẩm như đất, côn trùng, lông, len ... sẽ không đánh giá các bước tiếp theo.</i>	
<b>6.2. Màu sắc</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không trong suốt, chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối trong suốt	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Trong suốt, không màu	3 Điểm
<b>6.3. Mùi</b>	<b>6 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Khác thường hoặc không rõ mùi	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Mùi nhẹ, phù hợp (với đặc trưng nguyên liệu sử dụng, loại sản phẩm)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Mùi mạnh, phù hợp	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Mùi mạnh, phù hợp, hấp dẫn	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Mùi mạnh, phù hợp, rất hấp dẫn	6 Điểm
<b>6.4. Vị</b>	<b>8 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Vị khác thường hoặc không rõ vị	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối rõ, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Vị đậm, phù hợp (với đặc trưng nguyên liệu sử dụng, loại sản phẩm)	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Vị đậm, dịu, phù hợp	5 Điểm
<input type="checkbox"/> Vị đậm, dịu, phù hợp, hấp dẫn	8 Điểm
<b>7. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác)</i>	
<input type="checkbox"/> Trung bình	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Độc đáo	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất độc đáo	5 Điểm
<b>8. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	<b>5 Điểm</b>
<b>8.1. Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có bản tự công bố (hoặc có nhưng không đúng)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố nhưng thiếu	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tiêu chuẩn sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố (hoặc tương đương), có tiêu chuẩn sản phẩm	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bản tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP</i>	
<b>8.2. Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu ATTP</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)</i>	
<input type="checkbox"/> Có, nhưng không đạt	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có, đạt nhưng không đủ	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định	2 Điểm
<b>9. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có ghi hồ sơ lô sản xuất	2 Điểm

- Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất 3 Điểm
  - Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (ISO/GMP/HACCP...) 5 Điểm
- Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định*

**10. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU 5 Điểm**

- Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình) 1 Điểm
- Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương đối) 2 Điểm
- Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao) 3 Điểm
- Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao) 4 Điểm
- Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế) 5 Điểm

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**  
**Xếp hạng: ..... sao**

**Ghi chú:**

*Giới hạn các chỉ tiêu kiểm nghiệm tại mục 8.2 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng. Trong trường hợp không có thì áp dụng theo:*

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 12 năm 2007, về việc ban hành "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm";
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương
- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex).

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**BỘ TIÊU CHÍ**  
**ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Đồ uống**

**Nhóm 1.2: Đồ uống có cồn khác**

Tên sản phẩm:.....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

*Bị loại khi: Giả mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TỒN CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu**

**5 Điểm**

- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50% 1 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75% 2 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100% 3 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100% 4 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh  $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

**1.2. Gia tăng giá trị**

**5 Điểm**

- Phân loại 1 Điểm
- Sơ chế 2 Điểm
- Chế biến 3 Điểm
- Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh 4 Điểm
- Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới 5 Điểm

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất**

**5 Điểm**

- Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất 1 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành 2 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành 3 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng 4 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối**

**3 Điểm**

- Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu 1 Điểm
- Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu 2 Điểm
- Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền 3 Điểm

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

**2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm**

**3 Điểm**

- Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố 1 Điểm
- Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường) 2 Điểm
- Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thế mạnh của địa 3 Điểm

phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường

*Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hết sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất*

- 2.2. Tính hoàn thiện của bao bì** **3 Điểm**
- Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ) 1 Điểm
  - Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc 2 Điểm
  - Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu 3 Điểm
- 2.3. Phong cách của bao bì** **2 Điểm**
- (Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)*
- Thông dụng, tương đối ấn tượng 1 Điểm
  - Đẹp, ấn tượng, sang trọng 2 Điểm
- 3. SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG**
- 3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh** **4 Điểm**
- Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác 1 Điểm
  - Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN) 2 Điểm
  - Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51% 3 Điểm
  - HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương  $\geq 51\%$  4 Điểm
- 3.2. Sự tham gia của cộng đồng** **3 Điểm**
- Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:*
- 1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX**
- Có < 50% thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐQT) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh < 50% số thành viên tổ hợp tác 2 Điểm
  - Có  $\geq 50\%$  thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐQT) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh  $\geq 50\%$  số thành viên tổ hợp tác 3 Điểm
- 2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình**
- Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh 0 Điểm
  - Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh 1 Điểm
- 3.3. Kế toán** **2 Điểm**
- Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu 0 Điểm
  - Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên 1 Điểm
  - Có tổ chức hệ thống kế toán 2 Điểm

**Tổng Điểm phần A: ..... Điểm**

**Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)**

- 4. TIẾP THỊ**
- 4.1. Khu vực phân phối chính** **5 Điểm**
- Thị trường trong huyện 0 Điểm
  - Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh) 1 Điểm
  - Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 2 Điểm
  - Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 3 Điểm
  - Có > 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 4 Điểm
  - Thị trường quốc tế 5 Điểm
- 4.2. Tổ chức phân phối** **5 Điểm**



(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)

- |  |               |
|--|---------------|
| <input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối   | 0 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối   | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có người chuyên trách quản lý phân phối   | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối  | 3 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản   | 4 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành  | 5 Điểm        |
| <b>4.3. Quảng bá sản phẩm</b>  | <b>5 Điểm</b> |
| <input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá   | 0 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá  | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở   | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh   | 3 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh   | 4 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá | 5 Điểm        |
| <b>5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM</b>   |               |
| <b>5.1. Câu chuyện về sản phẩm</b>   | <b>5 Điểm</b> |
| <input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)  | 0 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm  | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)   | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi   | 3 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website  | 4 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...)                                       | 5 Điểm        |
| <b>5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>   | <b>3 Điểm</b> |
| <i>Nội dung câu chuyện về sản phẩm:</i>  |               |
| <input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác  | 0 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố   | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng   | 2 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương  | 3 Điểm        |
| <b>5.3. Cấu trúc câu chuyện</b>  | <b>2 Điểm</b> |
| <i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện</i>   |               |
| <input type="checkbox"/> Đơn giản  | 1 Điểm        |
| <input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm  | 2 Điểm        |

Tổng Điểm phần B: ..... Điểm

### Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)

- |  |                |
|--|----------------|
| <b>6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN</b>  | <b>20 Điểm</b> |
| <b>6.1. Tạp chất lạ</b>  | <b>3 Điểm</b>  |
| <input type="checkbox"/> Có tạp chất, không nhận được              | 0 Điểm         |
| <input type="checkbox"/> Có rất ít tạp chất/có cặn, chấp nhận được | 1 Điểm         |

<input type="checkbox"/> <b>Sạch, không phát hiện tạp chất/cặn</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Ghi chú: Nếu có tạp chất lạ có nguy cơ gây mất an toàn thực phẩm như đất, côn trùng, lông, len ... sẽ không đánh giá các bước tiếp theo.</i>	
<b>6.2. Màu sắc</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Màu tổng hợp</b>	<b>0 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Tương đối phù hợp với đặc tính sản phẩm</b>	<b>1 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Phù hợp với đặc tính sản phẩm</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Rất phù hợp với đặc tính sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<b>6.3. Mùi</b>	<b>6 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Khác thường hoặc không rõ mùi</b>	<b>0 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Mùi nhẹ, phù hợp (với đặc trưng nguyên liệu sử dụng, loại sản phẩm)</b>	<b>1 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Mùi mạnh, phù hợp</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Mùi mạnh, phù hợp, hấp dẫn</b>	<b>4 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Mùi mạnh, phù hợp, rất hấp dẫn</b>	<b>6 Điểm</b>
<b>6.4. Vị</b>	<b>8 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Vị khác thường hoặc không rõ vị</b>	<b>0 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Tương đối rõ, chấp nhận được</b>	<b>1 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Vị đậm, phù hợp (với đặc trưng nguyên liệu sử dụng, loại sản phẩm)</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Vị đậm, dịu, phù hợp</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Vị đậm, dịu, phù hợp, hấp dẫn</b>	<b>8 Điểm</b>
<b>7. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác)</i>	
<input type="checkbox"/> <b>Trung bình</b>	<b>0 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Tương đối độc đáo</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Độc đáo</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Rất độc đáo</b>	<b>5 Điểm</b>
<b>8. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	<b>5 Điểm</b>
<b>8.1. Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Không có bản tự công bố (hoặc có nhưng không đúng)</b>	<b>0 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Có bản tự công bố nhưng thiếu</b>	<b>1 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Có bản tiêu chuẩn sản phẩm</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Có bản tự công bố (hoặc tương đương), có tiêu chuẩn sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Ghi chú: Bản tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP</i>	
<b>8.2. Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu ATTP</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)</i>	
<input type="checkbox"/> <b>Có, nhưng không đạt</b>	<b>0 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Có, đạt nhưng không đủ</b>	<b>1 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định</b>	<b>2 Điểm</b>
<b>9. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm</b>	<b>0 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm</b>	<b>1 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Có ghi hồ sơ lô sản xuất</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> <b>Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất</b>	<b>3 Điểm</b>

- Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (ISO/GMP/HACCP...) 5 Điểm  
*Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định*

**10. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU** 5 Điểm

- Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình) 1 Điểm  
 Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương đối) 2 Điểm  
 Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao) 3 Điểm  
 Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao) 4 Điểm  
 Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế) 5 Điểm

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**  
**Xếp hạng: ..... sao**

**Ghi chú:**

*Giới hạn các chỉ tiêu kiểm nghiệm tại mục 8.2 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng. Trong trường hợp không có thì áp dụng theo:*

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 12 năm 2007, về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”;
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương
- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex).

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Người đánh giá**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**BỘ TIÊU CHÍ**  
**ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Đồ uống**

**Nhóm 2: Đồ uống không cồn**

**Phân nhóm 2.1: Nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết,...**

Tên sản phẩm: .....Mã sản phẩm: .....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

*Bị loại khi: Giả mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TỔ CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu**

**5 Điểm**

- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50% 1 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75% 2 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100% 3 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100% 4 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh  $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

**1.2. Gia tăng giá trị**

**5 Điểm**

- Phân loại 1 Điểm
- Sơ chế 2 Điểm
- Chế biến 3 Điểm
- Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh 4 Điểm
- Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới 5 Điểm

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất**

**5 Điểm**

- Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất 1 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành 2 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành 3 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng 4 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối**

**3 Điểm**

- Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu 1 Điểm
- Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu 2 Điểm
- Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền 3 Điểm

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

**2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm**

**3 Điểm**

- Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố 1 Điểm

<input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thế mạnh của địa phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hết sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất</i>	
<b>2.2. Tính hoàn thiện của bao bì</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu	3 Điểm
<b>2.3. Phong cách của bao bì</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)</i>	
<input type="checkbox"/> Thông dụng, tương đối ấn tượng	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Đẹp, ấn tượng, sang trọng	2 Điểm
<b>3. SỨC MẠNH CỘNG ĐỒNG</b>	
<b>3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh</b>	<b>4 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51%	3 Điểm
<input type="checkbox"/> HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương $\geq 51\%$	4 Điểm
<b>3.2. Sự tham gia của cộng đồng</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:</i>	
<b>1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX</b>	
<input type="checkbox"/> Có < 50% thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh < 50% số thành viên tổ hợp tác	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có $\geq 50\%$ thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh $\geq 50\%$ số thành viên tổ hợp tác	3 Điểm
<b>2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình</b>	
<input type="checkbox"/> Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh	1 Điểm
<b>3.3. Kế toán</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tổ chức hệ thống kế toán	2 Điểm

**Tổng Điểm phần A: ..... Điểm**

<b>Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)</b>
--

<b>4. TIẾP THỊ</b>	
<b>4.1. Khu vực phân phối chính</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Thị trường trong huyện	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có > 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	4 Điểm

<input type="checkbox"/> Thị trường quốc tế	5 Điểm
<b>4.2. Tổ chức phân phối</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người chuyên trách quản lý phân phối	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành	5 Điểm
<b>4.3. Quảng bá sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá	5 Điểm
<b>5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM</b>	
<b>5.1. Câu chuyện về sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...)	5 Điểm
<b>5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Nội dung câu chuyện về sản phẩm:</i>	
<input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương	3 Điểm
<b>5.3. Cấu trúc câu chuyện</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện</i>	
<input type="checkbox"/> Đơn giản	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm	2 Điểm
<b>Tổng Điểm phần B: ..... Điểm</b>	

<b>Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)</b>
--

<b>6. CHỈ TIÊU CẢM QUANG</b>	<b>15 Điểm</b>
<b>6.1. Tạp chất lạ</b>	<b>5 Điểm</b>

<input type="checkbox"/> Có tạp chất	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Sạch, không có tạp chất	3 Điểm
<b>6.2. Màu sắc</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có màu	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Trong suốt, không màu	3 Điểm
<b>6.3. Mùi</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có mùi	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có mùi nhẹ, tự nhiên, chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Không có mùi	3 Điểm
<b>6.4. Vị</b>	<b>6 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có vị lạ	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối phù hợp với sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với sản phẩm	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với sản phẩm, “ấn tượng”, sáng khoái sau uống	6 Điểm
<i>Ghi chú: Nếu được 0 điểm tại một trong các chỉ tiêu trên, sẽ không đánh giá các bước tiếp theo.</i>	
<b>7. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>10 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác)</i>	
<input type="checkbox"/> Trung bình	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Độc đáo	5 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất độc đáo	10 Điểm
<b>8. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	<b>5 Điểm</b>
<b>8.1. Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có bản tự công bố (hoặc có nhưng không đúng)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố nhưng thiếu	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tiêu chuẩn sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố (hoặc tương đương), có tiêu chuẩn sản phẩm	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bản tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP</i>	
<b>8.2. Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu ATTP</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)</i>	
<input type="checkbox"/> Có, nhưng không đạt	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có, đạt nhưng không đủ	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định	2 Điểm
<b>9. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có ghi hồ sơ lô sản xuất	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (ISO/GMP/HACCP...)	5 Điểm
<i>Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định</i>	
<b>10. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương	2 Điểm

đôi)

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao)    | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao) | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế)     | 5 Điểm |

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**  
**Xếp hạng: ..... sao**

**Ghi chú:**

Giới hạn các chỉ tiêu kiểm nghiệm tại mục 8.2 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng. Trong trường hợp không có thì áp dụng theo:

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 12 năm 2007, về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”;
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương
- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex).

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Người đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



**BỘ TIÊU CHÍ**  
**ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Đồ uống**

**Nhóm 2: Đồ uống không cồn**

**Phân nhóm 2.2: Đồ uống không cồn khác**

**Tên sản phẩm:**.....**Mã sản phẩm:**.....

**Tên chủ thể sản xuất:** .....

**Địa chỉ:** .....

*Bị loại khi: Giả mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CÔNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TỔ CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu**

**5 Điểm**

- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50% 1 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75% 2 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100% 3 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100% 4 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh  $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

**1.2. Gia tăng giá trị**

**5 Điểm**

- Phân loại 1 Điểm
- Sơ chế 2 Điểm
- Chế biến 3 Điểm
- Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh 4 Điểm
- Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới 5 Điểm

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất**

**5 Điểm**

- Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất 1 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành 2 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành 3 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng 4 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối**

**3 Điểm**

- Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu 1 Điểm
- Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu 2 Điểm
- Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền 3 Điểm

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

**2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm**

**3 Điểm**

- Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố 1 Điểm
- Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường) 2 Điểm

<input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thể mạnh của địa phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hệt sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất</i>	
<b>2.2. Tính hoàn thiện của bao bì</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu	3 Điểm
<b>2.3. Phong cách của bao bì</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)</i>	
<input type="checkbox"/> Thông dụng, tương đối ấn tượng	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Đẹp, ấn tượng, sang trọng	2 Điểm
<b>3. SỨC MẠNH CỘNG ĐỒNG</b>	
<b>3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh</b>	<b>4 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51%	3 Điểm
<input type="checkbox"/> HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương $\geq 51\%$	4 Điểm
<b>3.2. Sự tham gia của cộng đồng</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:</i>	
<b>1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX</b>	
<input type="checkbox"/> Có < 50% thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh < 50% số thành viên tổ hợp tác	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có $\geq 50\%$ thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh $\geq 50\%$ số thành viên tổ hợp tác	3 Điểm
<b>2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình</b>	
<input type="checkbox"/> Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh	1 Điểm
<b>3.3. Kế toán</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tổ chức hệ thống kế toán	2 Điểm
<b>Tổng Điểm phần A: ..... Điểm</b>	

<b>Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)</b>
--

<b>4. TIẾP THỊ</b>	
<b>4.1. Khu vực phân phối chính</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Thị trường trong huyện	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có > 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Thị trường quốc tế	5 Điểm

<b>4.2. Tổ chức phân phối</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người chuyên trách quản lý phân phối	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành	5 Điểm
<b>4.3. Quảng bá sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá	5 Điểm
<b>5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM</b>	
<b>5.1. Câu chuyện về sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...)	5 Điểm
<b>5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Nội dung câu chuyện về sản phẩm:</i>	
<input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương	3 Điểm
<b>5.3. Cấu trúc câu chuyện</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện</i>	
<input type="checkbox"/> Đơn giản	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm	2 Điểm
<b>Tổng Điểm phần B: ..... Điểm</b>	

<b>Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)</b>
--

<b>6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN</b>	<b>20 Điểm</b>
<b>6.1. Tạp chất lạ</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có các tạp chất, chấp nhận được	0 Điểm

<input type="checkbox"/> Có rất ít tạp chất, chấp nhận được	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Sạch, không có tạp chất	5 Điểm
<i>Ghi chú: Nếu có tạp chất lạ có nguy cơ không đạt quy định ATTP như đất, côn trùng, lông, len ... sẽ không đánh giá các bước tiếp theo.</i>	
<b>6.2. Màu sắc</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Màu không phù hợp	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Màu chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Màu phù hợp với tính chất sản phẩm	3 Điểm
<b>6.3. Mùi</b>	<b>6 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có mùi lạ hoặc không có mùi	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Mùi nhẹ, phù hợp (với đặc trưng của sản phẩm)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Mùi mạnh, phù hợp	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Mùi mạnh, phù hợp, hấp dẫn	6 Điểm
<b>6.4. Vị</b>	<b>6 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Vị khác thường	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với sản phẩm	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp, hấp dẫn	6 Điểm
<b>7. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác)</i>	
<input type="checkbox"/> Trung bình	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Độc đáo	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất độc đáo	5 Điểm
<b>8. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	<b>5 Điểm</b>
<b>8.1. Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có bản tự công bố (hoặc có nhưng không đúng)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố nhưng thiếu	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tiêu chuẩn sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tự công bố (hoặc tương đương), có tiêu chuẩn sản phẩm	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bản tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP</i>	
<b>8.2. Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu ATTP</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)</i>	
<input type="checkbox"/> Có, nhưng không đạt	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có, đạt nhưng không đủ	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định	2 Điểm
<b>9. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có ghi hồ sơ lô sản xuất	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (ISO/GMP/HACCP...)	5 Điểm

*Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định*

<b>10. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương đối)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao)	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao)	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế)	5 Điểm

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**  
**Xếp hạng: ..... sao**

**Ghi chú:**

*Giới hạn các chỉ tiêu kiểm nghiệm tại mục 8.2 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) tương ứng. Trong trường hợp không có thì áp dụng theo:*

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 12 năm 2007, về việc ban hành "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm";
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương
- Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex).

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Người đánh giá**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**BỘ TIÊU CHÍ  
ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Thảo dược**

**Nhóm 1: Thuốc dược liệu, thuốc YDCT, TPCN, TTBYT,...**

Tên sản phẩm:.....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

*Bị loại khi: Giả mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TỒ CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu 5 Điểm**

- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50% 1 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75% 2 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100% 3 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100% 4 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh  $\geq$  50%, có liên kết chuỗi sản xuất 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

**1.2. Gia tăng giá trị 5 Điểm**

- Phân loại 1 Điểm
- Sơ chế 2 Điểm
- Chế biến 3 Điểm
- Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh 4 Điểm
- Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới 5 Điểm

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất 5 Điểm**

- Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất 1 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành 2 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành 3 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng 4 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối 3 Điểm**

- Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu 1 Điểm
- Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu 2 Điểm
- Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền 3 Điểm

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

**2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm 3 Điểm**

- Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố 1 Điểm
- Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường) 2 Điểm
- Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thể mạnh của địa 3 Điểm

phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường

*Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hệt sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất*

- 2.2. Tính hoàn thiện của bao bì** **3 Điểm**
- Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ) 1 Điểm
  - Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc 2 Điểm
  - Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu 3 Điểm
- 2.3. Phong cách của bao bì** **2 Điểm**
- (Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)*
- Thông dụng, tương đối ấn tượng 1 Điểm
  - Đẹp, ấn tượng, sang trọng 2 Điểm
- 3. SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG**
- 3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh** **4 Điểm**
- Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác 1 Điểm
  - Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN) 2 Điểm
  - Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51% 3 Điểm
  - HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương  $\geq 51\%$  4 Điểm
- 3.2. Sự tham gia của cộng đồng** **3 Điểm**
- Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:*
- 1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX**
- Có  $< 50\%$  thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh  $< 50\%$  số thành viên tổ hợp tác 2 Điểm
  - Có  $\geq 50\%$  thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh  $\geq 50\%$  số thành viên tổ hợp tác 3 Điểm
- 2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình**
- Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh 0 Điểm
  - Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh 1 Điểm
- 3.3. Kế toán** **2 Điểm**
- Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu 0 Điểm
  - Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên 1 Điểm
  - Có tổ chức hệ thống kế toán 2 Điểm

**Tổng Điểm phần A: ..... Điểm**

**Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)**

- 4. TIẾP THỊ**
- 4.1. Khu vực phân phối chính** **5 Điểm**
- Thị trường trong huyện 0 Điểm
  - Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh) 1 Điểm
  - Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 2 Điểm
  - Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 3 Điểm
  - Có  $> 5$  đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 4 Điểm
  - Thị trường quốc tế 5 Điểm
- 4.2. Tổ chức phân phối** **5 Điểm**

(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)

- |   |        |
|---|--------|
| <input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối  | 0 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối  | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có người chuyên trách quản lý phân phối  | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối   | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản                  | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành | 5 Điểm |

**4.3. Quảng bá sản phẩm** **5 Điểm**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá   | 0 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá  | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở   | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh   | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh   | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá | 5 Điểm |

**5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM**

**5.1. Câu chuyện về sản phẩm** **5 Điểm**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)  | 0 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm  | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)   | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi   | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website  | 4 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...) | 5 Điểm |

**5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương** **3 Điểm**

*Nội dung câu chuyện về sản phẩm:*

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác                                  | 0 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng   | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương                  | 3 Điểm |

**5.3. Cấu trúc câu chuyện** **2 Điểm**

*Chỉ áp dụng khi có câu chuyện*

- |   |        |
|---|--------|
| <input type="checkbox"/> Đơn giản                                     | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm | 2 Điểm |

**Tổng Điểm phần B: ..... Điểm**

<b>Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)</b>
--

**6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN** **20 Điểm**

**6.1. Tạp chất lạ** **2 Điểm**

- |   |        |
|---|--------|
| <input type="checkbox"/> Có tạp chất, chấp nhận được        | 0 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Có rất ít tạp chất, chấp nhận được | 1 Điểm |



<input type="checkbox"/> Không phát hiện tạp chất	2 Điểm
<b>6.2. Hình dạng, thể chất</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không phù hợp	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với phong cách của sản phẩm	2 Điểm
<b>6.3. Mùi vị</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có mùi lạ, chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Không mùi/có mùi phù hợp với tính chất sản phẩm	2 Điểm
<b>6.4. Sự tiện lợi cho sử dụng</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không tiện lợi	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối tiện lợi	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tiện lợi	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất tiện lợi	5 Điểm
<b>6.5. Minh chứng hiệu lực tác dụng</b>	<b>9 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có minh chứng từ các tài liệu chính thống/tài liệu khoa học	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có minh chứng từ các tài liệu chính thống/minh chứng khoa học	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Minh từ các tài liệu chính thống/ khoa học thể hiện rõ ràng, đầy đủ, thuyết phục về hiệu lực tác dụng	6 Điểm
<input type="checkbox"/> Có minh chứng từ các tài liệu chính thống/ khoa học và minh chứng khoa học trên người sử dụng	9 Điểm
<b>7. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác, tiềm năng thành thương hiệu của địa phương)</i>	
<input type="checkbox"/> Trung bình	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Độc đáo	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất độc đáo	5 Điểm
<b>8. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	
<b>8.1. Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có công bố chất lượng sản phẩm (hoặc hoặc tương đương)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản công bố chất lượng nhưng chưa đủ	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tiêu chuẩn sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản công bố chất lượng (hoặc tương đương), có tiêu chuẩn sản phẩm	3 Điểm
<b>8.2. Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu an toàn</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu an toàn)</i>	
<input type="checkbox"/> Có, nhưng không đạt	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có, đạt nhưng không đủ	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định	2 Điểm
<b>9. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có ghi hồ sơ lô sản xuất	2 Điểm

- Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất 3 Điểm
- Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (ISO/GMP/...) 5 Điểm

*Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định*

**10. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU 5 Điểm**

- Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình) 1 Điểm
- Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương đối) 2 Điểm
- Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao) 3 Điểm
- Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao) 4 Điểm
- Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế) 5 Điểm

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**  
**Xếp hạng: ..... sao**

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Người đánh giá**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**BỘ TIÊU CHÍ**  
**ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Thảo dược**

**Nhóm 2: Mỹ phẩm**

Tên sản phẩm:.....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

Bị loại khi: *Giả mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TỒN CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu 5 Điểm**

- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50% 1 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75% 2 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100% 3 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100% 4 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh  $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

**1.2. Gia tăng giá trị 5 Điểm**

- Phân loại 1 Điểm
- Sơ chế 2 Điểm
- Chế biến 3 Điểm
- Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh 4 Điểm
- Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới 5 Điểm

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất 5 Điểm**

- Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất 1 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành 2 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành 3 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng 4 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối 3 Điểm**

- Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu 1 Điểm
- Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu 2 Điểm
- Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền 3 Điểm

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

**2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm 3 Điểm**

- Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố 1 Điểm
- Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường) 2 Điểm
- Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thế mạnh của địa 3 Điểm

phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường

*Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hệt sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất*

- 2.2. Tính hoàn thiện của bao bì** **3 Điểm**
- Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ) 1 Điểm
  - Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc 2 Điểm
  - Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu 3 Điểm
- 2.3. Phong cách của bao bì** **2 Điểm**
- (Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)*
- Thông dụng, tương đối ấn tượng 1 Điểm
  - Đẹp, ấn tượng, sang trọng 2 Điểm
- 3. SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG**
- 3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh** **4 Điểm**
- Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác 1 Điểm
  - Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN) 2 Điểm
  - Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51% 3 Điểm
  - HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương  $\geq 51\%$  4 Điểm
- 3.2. Sự tham gia của cộng đồng** **3 Điểm**
- Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:*
- 1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX**
- Có < 50% thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh < 50% số thành viên tổ hợp tác 2 Điểm
  - Có  $\geq 50\%$  thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh  $\geq 50\%$  số thành viên tổ hợp tác 3 Điểm
- 2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình**
- Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh 0 Điểm
  - Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh 1 Điểm
- 3.3. Kế toán** **2 Điểm**
- Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu 0 Điểm
  - Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên 1 Điểm
  - Có tổ chức hệ thống kế toán 2 Điểm

**Tổng Điểm phần A: ..... Điểm**

**Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)**

- 4. TIẾP THỊ**
- 4.1. Khu vực phân phối chính** **5 Điểm**
- Thị trường trong huyện 0 Điểm
  - Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh) 1 Điểm
  - Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 2 Điểm
  - Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 3 Điểm
  - Có > 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh 4 Điểm
  - Thị trường quốc tế 5 Điểm
- 4.2. Tổ chức phân phối** **5 Điểm**

(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)

- Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối 0 Điểm
- Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối 1 Điểm
- Có người chuyên trách quản lý phân phối 2 Điểm
- Có bộ phận/phòng quản lý phân phối 3 Điểm
- Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản 4 Điểm
- Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành 5 Điểm

**4.3. Quảng bá sản phẩm 5 Điểm**

- Không có hoạt động quảng bá 0 Điểm
- Có một số hoạt động quảng bá 1 Điểm
- Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở 2 Điểm
- Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh 3 Điểm
- Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh 4 Điểm
- Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá 5 Điểm

**5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM**

**5.1. Câu chuyện về sản phẩm 5 Điểm**

- Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa) 0 Điểm
- Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm 1 Điểm
- Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể) 2 Điểm
- Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi 3 Điểm
- Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website 4 Điểm
- Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...) 5 Điểm

**5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương 3 Điểm**

*Nội dung câu chuyện về sản phẩm:*

- Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác 0 Điểm
- Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố 1 Điểm
- Có câu chuyện riêng 2 Điểm
- Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương 3 Điểm

**5.3. Cấu trúc câu chuyện 2 Điểm**

*Chỉ áp dụng khi có câu chuyện*

- Đơn giản 1 Điểm
- Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm 2 Điểm

**Tổng Điểm phần B: ..... Điểm**

**Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)**

**6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN 20 Điểm**

**6.1. Tạp chất lạ 2 Điểm**

- Có tạp chất, chấp nhận được 0 Điểm
- Có rất ít tạp chất, chấp nhận được 1 Điểm

<input type="checkbox"/> Không phát hiện tạp chất	2 Điểm
<b>6.2. Hình dạng, thể chất</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không phù hợp	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Chấp nhận được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Phù hợp với phong cách của sản phẩm	2 Điểm
<b>6.3. Mùi</b>	<b>1 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có mùi lạ, chấp nhận được	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Không mùi/có mùi phù hợp với tính chất sản phẩm	1 Điểm
<b>6.4. Sự tiện lợi cho sử dụng</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không tiện lợi	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối tiện lợi	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tiện lợi	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất tiện lợi	5 Điểm
<b>6.5. Hiệu quả sử dụng</b>	<b>10 Điểm</b>
<b>6.5.1. Hiệu quả sử dụng chính</b>	<b>8 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Thấp, không đặc trưng tính chất sản phẩm	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hiệu quả tương đối rõ	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Hiệu quả tốt	5 Điểm
<input type="checkbox"/> Hiệu quả rất tốt	8 Điểm
<b>6.5.2. Tác dụng không mong muốn</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có một số	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất ít	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Hầu như không có	2 Điểm
<i>Ghi chú: Sử dụng trực tiếp sản phẩm hoặc thông qua tài liệu chính thống/kết quả nghiên cứu, ...)</i>	
<b>7. TÍNH ĐỘC ĐÁO</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác, tiềm năng thành thương hiệu của địa phương)</i>	
<input type="checkbox"/> Trung bình	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối độc đáo	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Độc đáo	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Rất độc đáo	5 Điểm
<b>8. CÔNG BỐ SẢN PHẨM VÀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT</b>	<b>5 Điểm</b>
<b>8.1. Hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có công bố chất lượng sản phẩm (hoặc tương đương)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản công bố chất lượng nhưng chưa đủ	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản tiêu chuẩn sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bản công bố chất lượng (hoặc tương đương), có tiêu chuẩn sản phẩm	3 Điểm
<b>8.2. Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu an toàn</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu an toàn)</i>	
<input type="checkbox"/> Có, nhưng không đạt	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có, đạt nhưng không đủ	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định	2 Điểm
<b>9. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm	0 Điểm

- Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm 1 Điểm
- Có ghi hồ sơ lô sản xuất 2 Điểm
- Có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, có ghi hồ sơ lô sản xuất 3 Điểm
- Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến (ISO/GMP/...) 5 Điểm

*Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định*

**10. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU 5 Điểm**

- Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh trung bình) 1 Điểm
- Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lân cận (khả năng cạnh tranh tương đối) 2 Điểm
- Có thể bán tại thị trường một số tỉnh lớn (có khả năng cạnh tranh cao) 3 Điểm
- Có thể bán tại thị trường trên toàn quốc (có khả năng cạnh tranh rất cao) 4 Điểm
- Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế) 5 Điểm

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**  
**Xếp hạng: ..... sao**

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....

.....

.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Người đánh giá**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**BỘ TIÊU CHÍ**  
**ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Thủ công mỹ nghệ - Trang trí**

**Nhóm 1: Thủ công mỹ nghệ - Trang trí**

Tên sản phẩm:.....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất:

Địa chỉ: .....

*Bị loại khi: Giả mạo hồ sơ hoặc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) hoặc không đáp ứng quy định hồ sơ dự thi (theo quy định cụ thể tại mỗi cuộc thi)*

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TỒN CHỨC SẢN XUẤT**

**1.1. Nguồn nguyên liệu**

**5 Điểm**

- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh dưới 50% 1 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 50% đến dưới 75% 2 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh từ 75% đến dưới 100% 3 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh bằng 100% 4 Điểm
- Sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh  $\geq 50\%$ , có liên kết chuỗi sản xuất 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu sử dụng toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu hoặc không rõ nguồn gốc*

**1.2. Gia tăng giá trị**

**5 Điểm**

- Phân loại 1 Điểm
- Sơ chế 2 Điểm
- Chế biến 3 Điểm
- Chế biến sâu, tạo ra sản phẩm phái sinh 4 Điểm
- Chế biến sâu, ứng dụng công nghệ mới 5 Điểm

**1.3. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất**

**5 Điểm**

- Có quan tâm đến các tác động môi trường trong quá trình sản xuất 1 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) nhưng chưa theo quy định hiện hành 2 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành 3 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); có minh chứng triển khai/áp dụng 4 Điểm
- Có đánh giá tác động môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) theo quy định hiện hành; có minh chứng triển khai/áp dụng 5 Điểm

*Ghi chú: Bị loại nếu không quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường*

**1.4. Năng lực sản xuất để phân phối**

**3 Điểm**

- Có khả năng sản xuất lại gần đúng với số lượng và chất lượng ban đầu 1 Điểm
- Có khả năng sản xuất lại với số lượng và chất lượng ban đầu 2 Điểm
- Có năng lực sản xuất quy mô lớn, theo dây chuyền 3 Điểm

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

**2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm**

**3 Điểm**

- Phát triển dựa trên sản phẩm của nhà sản xuất khác, có thay đổi một số yếu tố 1 Điểm
- Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình (sản phẩm chưa có trên thị trường) 2 Điểm



<input type="checkbox"/> Tự phát triển dựa trên sản phẩm truyền thống/đặc sản/thế mạnh của địa phương hoặc ý tưởng của mình gắn với nhu cầu thị trường	3 Điểm
<i>Ghi chú: Bị loại nếu phát hiện giống hệt sản phẩm của nhà sản xuất khác, chỉ thay đổi tên sản phẩm, nhà sản xuất</i>	
<b>2.2. Tính hoàn thiện của bao bì</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Bao bì hoàn chỉnh (bao bì/nhãn, thông tin ghi nhãn đầy đủ)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Bao bì phù hợp, hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Bao bì hoàn chỉnh, có truy xuất nguồn gốc, có chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu	3 Điểm
<b>2.3. Phong cách của bao bì</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>(Gồm: Nội dung, hình ảnh, kiểu dáng, màu sắc...)</i>	
<input type="checkbox"/> Thông dụng, tương đối ấn tượng	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Đẹp, ấn tượng, sang trọng	2 Điểm
<b>3. SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG</b>	
<b>3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh</b>	<b>4 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân (DNTN)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51%	3 Điểm
<input type="checkbox"/> HTX tổ chức, hoạt động theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương $\geq 51\%$	4 Điểm
<b>3.2. Sự tham gia của cộng đồng</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Lựa chọn 1 trong hai trường hợp sau:</i>	
<b>1) Trường hợp 1: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX</b>	
<input type="checkbox"/> Có < 50% thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh < 50% số thành viên tổ hợp tác	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có $\geq 50\%$ thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong tỉnh hoặc tổ hợp tác có số thành viên là người trong tỉnh $\geq 50\%$ số thành viên tổ hợp tác	3 Điểm
<b>2) Trường hợp 2: Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình</b>	
<input type="checkbox"/> Giám đốc/Chủ hộ không phải là người trong tỉnh	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Giám đốc/Chủ hộ là người trong tỉnh	1 Điểm
<b>3.3. Kế toán</b>	<b>2 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tổ chức hệ thống kế toán	2 Điểm
<b>Tổng Điểm phần A: ..... Điểm</b>	

<b>Phần B: KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)</b>
--

<b>4. TIẾP THỊ</b>	
<b>4.1. Khu vực phân phối chính</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Thị trường trong huyện	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có ít nhất 1 đại diện/đại lý phân phối ngoài huyện (trong tỉnh)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 1 - 2 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có 3 - 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có > 5 đại diện/đại lý phân phối ngoài tỉnh	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Thị trường quốc tế	5 Điểm

<b>4.2. Tổ chức phân phối</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối, tiếp thị)</i>	
<input type="checkbox"/> Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người phụ trách nhưng kiêm nhiệm quản lý phân phối	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có người chuyên trách quản lý phân phối	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có bộ phận/phòng quản lý phân phối	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống quản lý phân phối (bao gồm phòng ban, bộ phận,...), có ứng dụng phần mềm quản lý cơ bản	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống phân phối hoàn chỉnh (bao gồm bộ phận, phòng ban,...), có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, vận hành	5 Điểm

<b>4.3. Quảng bá sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có nhiều hoạt động quảng bá, có quảng bá trên website của cơ sở, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh, có ứng dụng công nghệ 4.0 trong quảng bá	5 Điểm

## 5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM

<b>5.1. Câu chuyện về sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng trên nhãn/tờ rơi và website	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa, được sử dụng cả trên nhãn/tờ rơi và sinh động trên website (dưới dạng hình ảnh, clip,...)	5 Điểm

<b>5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>	<b>3 Điểm</b>
<i>Nội dung câu chuyện về sản phẩm:</i>	
<input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện riêng, thể hiện trí tuệ/bản sắc địa phương	3 Điểm

<b>5.3. Cấu trúc câu chuyện</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện</i>	
<input type="checkbox"/> Đơn giản	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm	2 Điểm

**Tổng Điểm phần B: ..... Điểm**

<b>Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)</b>
--

<b>6. CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM</b>	<b>35 Điểm</b>
<b>6.1. Mức độ tinh xảo/sắc nét của sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không khéo léo/nhã nhặn, không thể bán được	0 Điểm

<input type="checkbox"/> Khá khéo léo/nhã nhặn, có thể bán được	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Khéo léo/nhã nhặn, có thể bán được, có giá trị mỹ thuật, kỹ thuật	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Tinh xảo, có giá trị mỹ thuật, kỹ thuật, có thể bán được trong các cửa hàng lớn và xuất khẩu	5 Điểm
<b>6.2. Thiết kế độc đáo</b>	<b>6 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Phong cách thiết kế phổ biến	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Phong cách độc đáo riêng, nhưng là dạng thông thường	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Phong cách độc đáo riêng, thể hiện trí tuệ Việt	6 Điểm
<i>Ghi chú: Nếu sản phẩm vi phạm sở hữu trí tuệ, sẽ bị loại bỏ</i>	
<b>6.3. Cái nhìn tổng thể/thiết kế/khả năng tương thích của các yếu tố</b>	<b>10 Điểm</b>
<i>(Kiểu dáng, hoa văn hài hòa, cân đối; màu sắc đều, đẹp mắt; kết cấu cân đối, chắc chắn, bền vững; kích thước, tỷ lệ phù hợp;...)</i>	
<input type="checkbox"/> Các thuộc tính và các yếu tố có vẻ không phù hợp	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Các thuộc tính và các yếu tố đã tương thích ở mức trung bình	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Các thuộc tính và các yếu tố đã tương thích ở mức tốt	5 Điểm
<input type="checkbox"/> Các thuộc tính và các yếu tố đã tương thích ở mức tốt, thể hiện tính truyền thống, có “hồn”	10 Điểm
<b>6.4. Các tính năng của sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>(Giá trị sử dụng của sản phẩm: Tranh ảnh trang trí; túi đựng mỹ phẩm; lắc tay;...)</i>	
<input type="checkbox"/> Sản phẩm không có các tính năng cơ bản	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Sản phẩm có đủ các tính năng cơ bản để bán ở thị trường địa phương	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Sản phẩm có đủ các tính năng cơ bản để bán ở thị trường trong nước	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Sản phẩm có đủ các tính năng cơ bản để xuất khẩu	5 Điểm
<b>6.5. Chất lượng của nguyên liệu/thành phần</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Nguyên liệu/thành phần kém chất lượng, làm cho sản phẩm độc hại hoặc hủy hoại nguồn tài nguyên, bán có giới hạn hoặc không thể bán được trên thị trường	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Vật liệu/thành phần có chất lượng trung bình, có thể bán được trên thị trường	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Vật liệu chất lượng cao/thành phần, làm cho sản phẩm đẹp mắt, bán được trên thị trường và xuất khẩu	5 Điểm
<b>6.6. Tính thực tiễn</b>	<b>4 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Người tiêu dùng không biết làm thế nào để sử dụng nó / khó sử dụng	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Sản phẩm có thể sử dụng, nhưng cần sử dụng thông tin / khó duy trì	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Sản phẩm có thể sử dụng, dễ duy trì/bảo trì	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Sản phẩm rất hữu ích, dễ duy trì/bảo trì	4 Điểm
<b>7. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường trong huyện (có khả năng cạnh tranh thấp)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường trong tỉnh (có khả năng cạnh tranh tương đối)	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường trong nước (có khả năng cạnh tranh cao)	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có thể bán tại thị trường quốc tế (có thể đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế)	5 Điểm

**Tổng Điểm phần C: ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**

**Xếp hạng: ..... Sao**

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....

.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Người đánh giá**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**BỘ TIÊU CHÍ**  
**ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**Loại sản phẩm: Dịch vụ du lịch**

Tên sản phẩm:.....Mã sản phẩm:.....

Tên chủ thể sản xuất: .....

Địa chỉ: .....

**Phần A: SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (35 Điểm)**

**1. TỔ CHỨC DỊCH VỤ**

- Bảo vệ môi trường trong quá trình tổ chức dịch vụ** **6 Điểm**
- Có kế hoạch bảo vệ môi trường 1 Điểm
  - Có cán bộ kiêm nhiệm quản lý môi trường, thực hiện các biện pháp phân loại và quản lý chất thải 3 Điểm
  - Có cán bộ chuyên trách quản lý môi trường, thực hiện các biện pháp phân loại và quản lý chất thải 6 Điểm

**2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM**

- Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm** **8 Điểm**
- Phát triển dựa trên sản phẩm dịch vụ từ nơi khác 1 Điểm
  - Tự phát triển dựa trên ý tưởng của mình 4 Điểm
  - Tự phát triển dựa trên truyền thống/ lịch sử/cảnh quan địa phương và nhu cầu thị trường 8 Điểm

**3. SỨC MẠNH CỘNG ĐỒNG**

- 3.1. Loại hình tổ chức sản xuất – kinh doanh** **9 Điểm**
- Hộ gia đình, Tổ hợp tác 1 Điểm
  - Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân 3 Điểm
  - Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương dưới 51% 6 Điểm
  - Hợp tác xã theo luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương từ 51% trở lên 9 Điểm
- 3.2. Sự tham gia của cộng đồng** **6 Điểm**
- Trường hợp: Tổ hợp tác, TNHH 2TV trở lên, công ty CP, HTX:**
- Có < 50% thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong cộng đồng (trong huyện) 3 Điểm
  - Có ≥ 50% thành viên quản trị cao cấp (Ban giám đốc hoặc HĐQT, HĐTV) tham gia quản lý là người trong cộng đồng (trong huyện) 6 Điểm
- Trường hợp Công ty TNHH MTV, doanh nghiệp tư nhân, hộ gia đình:**
- Giám đốc/Chủ hộ không phải là người địa phương 1 Điểm
  - Giám đốc/Chủ hộ là người địa phương 3 Điểm

*Ghi chú: Lựa chọn 1 trong các trường hợp trên*

<b>3.3. Kế toán</b>	<b>6 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có kế toán hoặc chỉ làm khi có yêu cầu	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có kế toán, công tác kế toán được thực hiện thường xuyên	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có tổ chức hệ thống kế toán	6 Điểm

**Tổng Điểm phần A: ..... Điểm**

<b>Phần B: KHẢ NĂNG CẠNH TRANH (25 Điểm)</b>
--

<b>4. TIẾP THỊ</b>	
<b>4.1. Khu vực phân phối chính</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Khách hàng trong huyện	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Khách hàng trong tỉnh	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Khách hàng trong nước	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Khách hàng quốc tế	5 Điểm
<b>4.2. Tổ chức phân phối</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Chỉ đón tiếp tại chỗ	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có đại diện ở ngoài địa phương	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có liên kết với các tour du lịch	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hệ thống đại diện hoàn chỉnh, có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành	5 Điểm
<b>4.3. Quảng bá sản phẩm</b>	<b>5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động quảng bá	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có một số hoạt động quảng bá	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hoạt động quảng bá thường xuyên, có website	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hoạt động quảng bá thường xuyên, tham gia tích cực các hoạt động xúc tiến thương mại của Chương trình OCOP	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hoạt động quảng bá thường xuyên, có website, tham gia tích cực các hoạt động xúc tiến thương mại của Chương trình OCOP	4 Điểm
<input type="checkbox"/> Có hoạt động quảng bá thường xuyên (bao gồm trên trang mạng trực tuyến), có ứng dụng công nghệ thông tin trong quảng bá	5 Điểm
<b>5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM</b>	
<b>5.1. Câu chuyện về sản phẩm</b>	<b>3 Điểm</b>
<input type="checkbox"/> Không có câu chuyện (hoặc có nhưng không được tư liệu hóa)	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện được tư liệu hóa (nội dung cụ thể, tư liệu trên giấy,...) nhưng chưa hoàn chỉnh	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Có câu chuyện hoàn chỉnh được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể, xúc tích, văn phong mạch lạc; tư liệu trên giấy,...)	3 Điểm
<b>5.2. Trí tuệ/bản sắc địa phương</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>Nội dung câu chuyện:</i>	
<input type="checkbox"/> Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác	0 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố	1 Điểm
<input type="checkbox"/> Tương đối hay, phù hợp với sản phẩm	2 Điểm
<input type="checkbox"/> Thể hiện được trí tuệ/bản sắc địa phương	3 Điểm
<input type="checkbox"/> Thể hiện được trí tuệ/bản sắc địa phương phù hợp với khách hàng	5 Điểm
<b>5.3. Trình bày và sử dụng</b>	<b>2 Điểm</b>

- |   |        |
|---|--------|
| <input type="checkbox"/> Câu chuyện không được trình bày (kết hợp nội dung, hình ảnh,... hài hòa) | 0 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Câu chuyện được trình bày  | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Câu chuyện được trình bày và sử dụng (nhấn, tờ rơi,...)                  | 2 Điểm |

**Tổng Điểm phần B: ..... Điểm**

### Phần C: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (40 Điểm)

#### 6. VỊ TRÍ, KIẾN TRÚC

##### 6.1. Vị trí

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Thuận lợi, dễ tiếp cận                                | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Vị trí tốt, gần nguồn tài nguyên du lịch              | 0 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Vị trí rất tốt, liền kề khu vực có tài nguyên du lịch | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Vị trí đặc biệt, trong khu vực có tài nguyên du lịch  | 2 Điểm |
|  | 3 Điểm |

##### 6.2. Kiến trúc

*Chỉ đánh giá chỉ tiêu này khi đạt đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Phù hợp với môi trường cảnh quan thiên nhiên; (2) có ranh giới bằng hàng rào tự nhiên hoặc nhân tạo; (3) khu vực lưu trú được xây dựng thành cụm, các cơ sở lưu trú cách nhau 10 m, cách nơi thu gom rác 100 m; (4) hệ thống giao thông nội bộ đảm bảo tiếp cận tới các khu dịch vụ; (5) các công trình xây dựng vững chắc, đảm bảo an ninh, an toàn; (6) khu vực dịch vụ bố trí hợp lý, thuận tiện và có đường cho xe lăn của người tàn tật; (7) có biển chỉ dẫn hướng đường và các khu vực dịch vụ đặt ở nơi dễ thấy, có đèn chiếu sáng vào ban đêm; (8) có sân vườn và có cây xanh đặt ở các khu vực dịch vụ và công cộng.*

- |   |        |
|---|--------|
| <input type="checkbox"/> Không hài hòa/kiểu dáng không phù hợp/kém thân thiện với môi trường                                      | 3 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Hài hòa, kiểu dáng đẹp, thân thiện với môi trường  | 0 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Hài hòa, kiểu dáng đẹp, thân thiện với môi trường; có tính dân tộc, có khả năng phục vụ người khuyết tật | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Độc đáo, hấp dẫn, thẩm mỹ cao; có khu vực phục vụ đặc biệt   | 2 Điểm |
|   | 3 Điểm |

##### 6.3. Môi trường, cảnh quan

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Môi trường, cảnh quan thiên nhiên trung bình    | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Môi trường, cảnh quan thiên nhiên tương đối đẹp | 0 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Môi trường, cảnh quan thiên nhiên đẹp           | 1 Điểm |
|  | 2 Điểm |

##### 6.4. Quy mô buồng ngủ

###### Số lượng:

- |  |          |
|--|----------|
| <input type="checkbox"/> Dưới 50 buồng ngủ           | 6 Điểm   |
| <input type="checkbox"/> Từ 50-80 buồng ngủ          | 0,5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Từ 81-99 buồng ngủ          | 1,0 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Từ 100-149 buồng ngủ        | 1,5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Từ 150-199 buồng ngủ        | 2,0 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Từ từ 200 buồng ngủ trở lên | 2,5 Điểm |
|  | 3,0 Điểm |

###### Diện tích:

- |  |          |
|--|----------|
| <input type="checkbox"/> Buồng đơn < 9m <sup>2</sup> , buồng đôi < 12m <sup>2</sup> , phòng vệ sinh < 3m <sup>2</sup>  | 0,5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Buồng đơn ≥ 9m <sup>2</sup> đến < 12m <sup>2</sup> , buồng đôi ≥ 12m <sup>2</sup> đến < 14m <sup>2</sup> , phòng vệ sinh ≥ 3m <sup>2</sup>  | 1,0 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Buồng đơn ≥ 12m <sup>2</sup> đến < 14m <sup>2</sup> , buồng đôi ≥ 14m <sup>2</sup> đến < 18m <sup>2</sup> , phòng vệ sinh ≥ 4m <sup>2</sup> | 1,5 Điểm |

<input type="checkbox"/> Buồng đơn $\geq 14\text{m}^2$ đến $< 16\text{m}^2$ , buồng đôi $\geq 18\text{m}^2$ đến $< 20\text{m}^2$ , phòng vệ sinh $\geq 4\text{m}^2$	2,0 Điểm
<input type="checkbox"/> Buồng đơn $\geq 16\text{m}^2$ đến $< 18\text{m}^2$ , buồng đôi $\geq 20\text{m}^2$ đến $< 26\text{m}^2$ , phòng vệ sinh $\geq 5\text{m}^2$	2,5 Điểm
<input type="checkbox"/> Buồng đơn $\geq 16\text{m}^2$ đến $< 18\text{m}^2$ , buồng đôi $\geq 20\text{m}^2$ đến $< 26\text{m}^2$ , phòng vệ sinh $\geq 5\text{m}^2$	3,0 Điểm
<b>6.5. Sảnh đón tiếp</b>	<b>5 Điểm</b>
<i>Chỉ đánh giá chỉ tiêu này khi đạt đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Sảnh đón tiếp gần cổng chính; (2) Phòng vệ sinh nam, nữ riêng</i>	
<b>Diện tích:</b>	
<input type="checkbox"/> Diện tích $< 35\text{m}^2$	0,0 Điểm
<input type="checkbox"/> Diện tích $\geq 35\text{m}^2$ đến $< 60\text{m}^2$	1,0 Điểm
<input type="checkbox"/> Diện tích $\geq 60\text{m}^2$ đến $< 100\text{m}^2$	1,5 Điểm
<input type="checkbox"/> Diện tích $\geq 100\text{m}^2$ đến $< 120\text{m}^2$	2,0 Điểm
<input type="checkbox"/> Diện tích $\geq 120\text{m}^2$ đến $< 150\text{m}^2$	2,5 Điểm
<input type="checkbox"/> Diện tích $\geq 150\text{m}^2$	3,0 Điểm
<b>Khu vực phụ trợ liên quan khác</b>	
<input type="checkbox"/> Có phòng vệ sinh cho người khuyết tật hoặc có khu vực hút thuốc riêng	1,5 Điểm
<input type="checkbox"/> Có phòng vệ sinh cho người khuyết tật và khu vực hút thuốc riêng	2,0 Điểm
<b>6.6. Diện tích buồng ngủ, phòng vệ sinh trong các cơ sở lưu trú trong làng du lịch</b>	<b>4,5 Điểm</b>
<b>Buồng ngủ:</b>	
<input type="checkbox"/> Buồng 1 giường đơn $9\text{m}^2$ ; Buồng 1 giường đôi hoặc 2 giường đơn $12\text{m}^2$	0,5 Điểm
<input type="checkbox"/> Buồng 1 giường đơn $12\text{m}^2$ ; Buồng 1 giường đôi hoặc 2 giường đơn $14\text{m}^2$	1,0 Điểm
<input type="checkbox"/> Buồng 1 giường đơn $14\text{m}^2$ ; Buồng 1 giường đôi hoặc 2 giường đơn $18\text{m}^2$	1,5 Điểm
<input type="checkbox"/> Buồng 1 giường đơn $16\text{m}^2$ ; Buồng 1 giường đôi hoặc 2 giường đơn $20\text{m}^2$ ; Buồng đặc biệt $36\text{m}^2$ (không bao gồm phòng vệ sinh và ban công)	2,0 Điểm
<input type="checkbox"/> Buồng 1 giường đơn $18\text{m}^2$ ; Buồng 1 giường đôi hoặc 2 giường đơn $26\text{m}^2$ ; Buồng đặc biệt $50\text{m}^2$ (không bao gồm phòng vệ sinh và ban công)	2,5 Điểm
<b>Phòng vệ sinh:</b>	
<input type="checkbox"/> Phòng vệ sinh $< 3\text{m}^2$	0,5 Điểm
<input type="checkbox"/> Phòng vệ sinh từ $\geq 3\text{m}^2$ đến $< 4\text{m}^2$	1,0 Điểm
<input type="checkbox"/> Phòng vệ sinh từ $\geq 4\text{m}^2$ đến $< 5\text{m}^2$	1,5 Điểm
<input type="checkbox"/> Phòng vệ sinh $\geq 6\text{m}^2$	2,0 Điểm
<b>6.7. Nhà hàng, bar</b>	<b>2 Điểm</b>
<i>Chỉ đánh giá chỉ tiêu này khi đạt đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Một nhà hàng có quầy bar; (2) Phòng vệ sinh nam và nữ riêng.</i>	
<input type="checkbox"/> Một nhà hàng có quầy bar	0,5 Điểm
<input type="checkbox"/> Một nhà hàng có quầy bar. Một nhà hàng phục vụ món ăn Âu, Á chung. Một nhà hàng ăn nhanh.	1,0 Điểm
<input type="checkbox"/> Một nhà hàng có quầy bar. Hai nhà hàng phục vụ món ăn Âu, Á riêng. Một nhà hàng ăn nhanh. Một quán cà phê. Phòng ăn cho nhân viên phục vụ.	1,5 Điểm
<input type="checkbox"/> Một nhà hàng có quầy bar. Hai nhà hàng phục vụ món ăn Âu, Á riêng. Một nhà hàng ăn nhanh. Một quán cà phê. Một nhà hàng đặc sản.	2,0 Điểm
<b>6.8. Bếp, kho</b>	<b>3,5 Điểm</b>
<i>Chỉ đánh giá chỉ tiêu này khi “Bếp” đạt đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Diện tích bếp phù hợp với quy mô nhà hàng; (2) Dây chuyền trong bếp và giữa</i>	



*bếp với nhà hàng hợp lý; (3) Có khu vực chế biến món ăn; (4) Có khu vực soạn chia thức ăn (phòng đệm giữa bếp và nhà hàng); (5) Có phòng vệ sinh cho nhân viên bếp.*

**Bếp:**

- Bố trí bếp gần nhà hàng. Thông gió tốt. Có vật dụng để ngăn chặn động vật, côn trùng gây hại** 0,5 Điểm
- Bố trí bếp gần nhà hàng. Thông gió tốt. Có vật dụng để ngăn chặn động vật, côn trùng gây hại. Khu vực sơ chế và chế biến nhiệt được tách riêng** 1,0 Điểm
- Bố trí bếp gần nhà hàng. Thông gió tốt. Có vật dụng để ngăn chặn động vật, côn trùng gây hại. Có phòng đệm, đảm bảo cách âm, cách nhiệt, cách mùi giữa bếp và phòng ăn. Hệ thống hút mùi hoạt động tốt. Có lối chuyển rác tách biệt. Lối thoát hiểm và thông gió tốt.** 2,0 Điểm
- Bố trí bếp gần nhà hàng. Thông gió tốt. Có vật dụng để ngăn chặn động vật, côn trùng gây hại. Có phòng đệm, đảm bảo cách âm, cách nhiệt, cách mùi giữa bếp và phòng ăn. Hệ thống hút mùi hoạt động tốt. Có lối chuyển rác tách biệt. Lối thoát hiểm và thông gió tốt. Có tách biệt khu vực bếp Âu, bếp Á, bếp bánh, bếp nguội, bếp nhân viên.** 2,5 Điểm

**Kho:**

- Có kho bảo quản nguyên vật liệu, thực phẩm, thiết bị dự phòng** 0,5 Điểm
- Các kho lạnh (theo loại thực phẩm).** 1,0 Điểm

**6.9. Phòng họp, phòng hội thảo, phòng hội nghị** 2,5 Điểm

- Khuyến khích có phòng họp** 0,5 Điểm
- Có một phòng họp** 1,0 Điểm
- Có một phòng họp. Có một phòng hội thảo** 1,5 Điểm
- Một phòng hội nghị có phòng phiên dịch (cabin). Hai phòng họp** 2,0 Điểm
- Một phòng hội nghị có phòng phiên dịch (cabin). Hai phòng họp. Một phòng hội thảo** 2,5 Điểm

**6.10. Khu vực mua sắm hàng hoá, lưu niệm** 2,0 Điểm

- Có cửa hàng tại khu vực trung tâm dịch vụ** 0,5 Điểm
- Có cửa hàng tại khu vực trung tâm dịch vụ. Có siêu thị** 1,0 Điểm
- Có cửa hàng tại khu vực trung tâm dịch vụ. Có siêu thị; Có một phòng họp. Có một phòng hội thảo** 1,5 Điểm
- Có cửa hàng tại khu vực trung tâm dịch vụ. Có siêu thị. Các cửa hàng bán hàng hóa độc đáo, chất lượng cao** 2,0 Điểm

**6.11. Bãi cắm trại** 2,0 Điểm

- Bố trí thành các khu riêng biệt** 0,5 Điểm
- Bao gồm ý trên; Số đơn vị trại không quá 20% số buồng của làng du lịch (mỗi đơn vị trại có ổ cắm điện riêng); Một phòng vệ sinh nam và một phòng vệ sinh nữ cho 10 đơn vị trại; Một phòng tắm có vòi hoa sen cho 5 đơn vị trại; Một chậu rửa mặt có gương soi cho 5 đơn vị trại; Một vòi nước ngoài trời cho 20 đơn vị trại; Một nhà hàng ăn nhanh; Có khu vực dành cho các hoạt động thể thao, giải trí.** 1,5 Điểm
- Bao gồm 2 ý trên; Có khu vực đón tiếp riêng; Một phòng điện thoại; Một nhà hàng ăn uống; Khu vui chơi cho trẻ em.** 2,0 Điểm

**6.12. Nơi để xe** 1,5 Điểm

*Chỉ đánh giá chỉ tiêu này khi đạt đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Vị trí thuận tiện; (2) Diện tích tính bình quân 10m<sup>2</sup>/buồng ngủ; (3) Đảm bảo ánh sáng và*

*phương tiện phòng chống cháy nổ.*

- Diện tích nơi để xe tính bình quân từ 10m<sup>2</sup> đến <15m<sup>2</sup>/buồng ngủ 0,5 Điểm
- Diện tích nơi để xe tính bình quân  $\geq 15$  m<sup>2</sup> đến < 20 m<sup>2</sup> /buồng ngủ 1,0 Điểm
- Diện tích nơi để xe tính bình quân  $\geq 20$ m<sup>2</sup>/buồng ngủ 1,5 Điểm

**6.13. Khu vực dành cho cán bộ, nhân viên 2,0 Điểm**

- Có phòng làm việc của người quản lý và các bộ phận chức năng 0,5 Điểm
- Bao gồm ý trên; Có phòng thay quần áo, có phòng vệ sinh nam và nữ riêng 1,0 Điểm
- Bao gồm 2 ý trên; Có phòng họp nội bộ, có phòng tắm, có nhà ăn nhân viên. 1,5 Điểm
- Bao gồm 3 ý trên; Có phòng thư giãn. 2,0 Điểm

**6.14. Phòng y tế 1,0 Điểm**

- Tủ thuốc và một số loại thuốc sơ cứu còn hạn sử dụng 0,5 Điểm
- Bao gồm ý trên; Phòng y tế có bác sỹ trực 1,0 Điểm

**6.15. Phòng giữ trẻ 1,5 Điểm**

- Có phòng giữ trẻ 0,5 Điểm
- Có phòng giữ trẻ. Có phòng chơi cho trẻ 1,0 Điểm
- Có phòng chơi cho trẻ. Có khu vui chơi ngoài chơi cho trẻ 1,5 Điểm

**7. TRANG THIẾT BỊ TIỆN NGHI**

*Chỉ đánh giá chỉ tiêu này khi đạt đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Trang thiết bị, tiện nghi các khu vực dịch vụ đảm bảo đầy đủ, hoạt động tốt, chất lượng phù hợp với từng hạng, bài trí hợp lý, trang trí hài hòa, khuyến khích có tính dân tộc; (2) Hệ thống điện chiếu sáng đảm bảo yêu cầu từng khu vực, cung cấp điện 24/24 h, có hệ thống điện dự phòng; (3) Hệ thống nước cung cấp đủ nước sạch và nước cho chữa cháy, có hệ thống dự trữ nước, hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; (4) Hệ thống thông gió hoạt động tốt; (5) Hệ thống phương tiện thông tin liên lạc đầy đủ và hoạt động tốt; (6) Có phương tiện giao thông nội bộ; (7) Trang thiết bị phòng chống cháy nổ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.*

**7.1. Chất lượng 2,5 Điểm**

- Chất lượng tốt. Bài trí hợp lý. Trang trí hài hòa. Hoạt động tốt. 1,0 Điểm
- Chất lượng tốt. Bài trí hợp lý. Trang trí hài hòa. Hoạt động tốt. Đồng bộ 1,5 Điểm
- Chất lượng cao. Trang trí đẹp. Khuyến khích mang tính dân tộc 2,0 Điểm
- Hiện đại, sang trọng. Bài trí nghệ thuật 2,5 Điểm

**7.2. Khu vực sảnh đón tiếp 2,0 Điểm**

*Chỉ đánh giá chỉ tiêu này khi đạt đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Quầy lễ tân (thực hiện các chức năng đặt buồng, đón tiếp, thanh toán, tổng đài điện thoại); (2) Điện thoại, fax, máy vi tính, sổ sách, sơ đồ buồng; (3) Bàn ghế tiếp khách; (4) Két an toàn; (5) Bảng niêm yết giá và tỷ giá ngoại tệ; (6) Cửa ra vào bố trí thuận tiện.*

- Có phòng giữ hành lý cho khách 0,5 Điểm
- Bao gồm ý trên; Mái đón tại cửa ra vào. Đường cho xe vận chuyển hành lý. Xe đẩy cho người khuyết tật. Quầy bar sảnh. Thiết bị phục vụ thanh toán thẻ tín dụng. Phòng vệ sinh có máy sấy tay. 1,0 Điểm
- Bao gồm 2 ý trên; Quầy lễ tân được tổ chức thành các quầy, phân theo chức năng. Phòng vệ sinh có máy sấy tay và khăn lau tay. 1,5 Điểm
- Bao gồm 3 ý trên; Quầy làm thủ tục cho khách đặc biệt. Internet không dây 2,0 Điểm

- 7.3. Buồng ngủ** **2,0 Điểm**
- Đệm dày 20 cm. Đèn đầu giường chính được độ sáng. Giấy hoặc mút lau giấy. Bàn chải quần áo. Túi kim chỉ. Bàn ghế làm việc có gương soi và đèn bàn 0,5 Điểm
  - Bao gồm ý trên; Giường đơn 1,2mx2m, giường đôi 1,6mx2m. Rèm cửa sổ ba lớp (có lớp chắn sáng). Gương soi cả người. Tranh ảnh nghệ thuật treo tường. Bộ đồ ăn trái cây, dụng cụ mở bia, rượu. Âm siêu tốc. Tách cà phê. Két an toàn cho 50% số phòng. Bảng điều khiển thiết bị điện. Cập dụng tài liệu. 1,0 Điểm
  - Bao gồm 2 ý trên; Kèm theo tivi, két an toàn cho 100% số phòng, hộp giấy ăn, máy fax, internet tốc độ cao. 1,5 Điểm
  - Bao gồm 3 ý trên; Kèm theo ổ khóa điện tử dùng thẻ 2,0 Điểm
- 7.4. Phòng vệ sinh trong buồng ngủ** **2,0 Điểm**
- Chỉ đánh giá chỉ tiêu này khi đạt đầy đủ các yêu cầu sau:: Tường ốp gạch men cao 1,5 m; sàn lát bằng vật liệu chống trơn; Ổ cắm điện an toàn; Chậu rửa mặt và gương soi, vòi nước, nước nóng, vòi tắm hoa sen; Móc treo quần áo, giá để khăn tắm; Bàn cầu, giấy vệ sinh; Thùng rác có nắp; Thiết bị thông gió; Đèn trên gương soi; Vật dụng cho một khách: cốc thủy tinh, xà phòng, dầu gội đầu, khăn mặt, khăn tắm, kem đánh răng, bàn chải đánh răng.*
- Có thêm máy sấy tóc 0,5 Điểm
  - Bao gồm ý trên; Bộ đặt chậu rửa mặt, vòi nước di động, phòng tắm đứng hoặc bồn tắm có rèm che, đèn trần, khăn chùi chân, áo choàng, sửa tắm, bông tắm. 1,0 Điểm
  - Bao gồm 2 ý trên; Kem dưỡng da, khăn lau tay, dây phơi quần áo. 1,5 Điểm
  - Bao gồm 3 ý trên; Máy sấy tóc, bộ đặt chậu rửa mặt, nước hoa, phòng tắm đứng cho 30% số buồng và bồn tắm có rèm che cho 100% số buồng. 2,0 Điểm
- 7.5. Nhà hàng, bar, bếp, kho** **1,5 Điểm**
- Chỉ đánh giá chỉ tiêu này khi đảm bảo có đầy đủ: Bàn ghế, dụng cụ và tủ đựng dụng cụ phục vụ ăn uống; Tủ lạnh, trang thiết bị chế biến thực phẩm và đồ uống; Chậu rửa dụng cụ ăn uống; Hệ thống thoát nước chìm; Dụng cụ và chất tẩy rửa vệ sinh; Thùng đựng rác có nắp; Ánh sáng hoặc chiếu sáng tốt; Thông gió tốt. Thiết bị hút mùi; Thiết bị thông gió; Phòng đệm giữa bếp và nhà hàng nếu liền kề; Sàn lát bằng vật liệu chống trơn; Trang thiết bị chế biến món ăn; Chậu rửa dụng cụ chế biến và phục vụ ăn uống; Xà phòng; Hệ thống thoát nước chìm; Dụng cụ và chất tẩy rửa vệ sinh; Mặt bàn soạn chia, sơ chế, chế biến món ăn làm bằng vật liệu không thấm nước; Giá để dụng cụ chế biến và phục vụ ăn uống; Thùng rác có nắp.*
- Mặt bàn soạn chia, sơ chế, chế biến món ăn làm bằng vật liệu không thấm nước; Chậu rửa cho sơ chế, chế biến riêng; Có thiết bị chắn lọc rác, mỡ; Hệ thống hút mùi hoạt động tốt; Điều hoà không khí cho nhà hàng, bar; Trang thiết bị phục vụ ăn sáng tự chọn; Trang thiết bị phục vụ ăn tại buồng ngủ. 0,5 Điểm
  - Bao gồm ý trên; Trang thiết bị phục vụ tiệc cao cấp; Trang thiết bị phục vụ ăn uống cho nhân viên; Trang thiết bị, dụng cụ chế biến bánh, đồ nguội. 1,0 Điểm
  - Bao gồm 2 ý trên; Trang thiết bị chế biến, phục vụ món ăn, và các loại rượu đặc sản; 1,5 Điểm
- 7.6. Phương tiện vận chuyển thực phẩm** **1,0 Điểm**
- Có phương tiện vận chuyển thực phẩm 0,5 Điểm

<input type="checkbox"/>	Có phương tiện vận chuyển thực phẩm chuyên dùng	1,0 Điểm
<b>7.7. Phòng họp, phòng hội thảo, phòng hội nghị</b>		<b>2,0 Điểm</b>
<input type="checkbox"/>	Trang thiết bị phục vụ hội thảo	0,5 Điểm
<input type="checkbox"/>	Bàn ghế, micro, máy chiếu, màn hình. Trang thiết bị văn phòng	1,0 Điểm
<input type="checkbox"/>	Trang thiết bị phục vụ hội nghị, hội thảo. Điều hòa không khí. Hệ thống thông gió tốt. Sơ đồ, biển chỉ dẫn và đèn báo thoát hiểm.	1,5 Điểm
<input type="checkbox"/>	Trang thiết bị phục vụ dịch thuật ít nhất bốn ngôn ngữ. Hệ thống chiếu sáng điều chỉnh được độ sáng. Khuyến khích có hệ thống thiết bị họp trực tuyến	2,0 Điểm
<b>7.8. Hệ thống lọc nước và thu gom xử lý chất thải</b>		<b>1,5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/>	Khoảng cách giữa khu thu gom rác và khu lưu trữ 100 m. Có hệ thống xử lý nước thải.	0,5 Điểm
<input type="checkbox"/>	Có thêm các loại thùng rác phục vụ phân loại rác thải.	1,0 Điểm
<input type="checkbox"/>	Có thêm các loại thùng rác phục vụ phân loại rác thải. Có thêm hệ thống xử lý rác thải.	1,5 Điểm
<b>7.9. Hệ thống điện</b>		<b>1,0 Điểm</b>
	<i>Chỉ đánh giá chỉ tiêu này khi: Hệ thống điện chiếu sáng đảm bảo yêu cầu từng khu vực, cung cấp điện 24/24h, có hệ thống điện dự phòng;</i>	
<input type="checkbox"/>	Máy phát điện đủ cho điều hòa không khí khu lưu trú, ăn uống	0,5 Điểm
<input type="checkbox"/>	Máy phát điện đủ cho tất cả các khu vực dịch vụ và các thiết bị điện	1,0 Điểm
<b>8. DỊCH VỤ VÀ MỨC ĐỘ PHỤC VỤ</b>		
<b>8.1. Dịch vụ</b>		<b>3,0 Điểm</b>
	<i>Phải có khu chơi thể thao (Karaoke, bi-a, bóng bàn, cầu lông, bóng chuyền,...); giữ tiền và đồ quý; bu chính, viễn thông; đánh thức khách; chuyển hành lý cho khách; giặt là; cho thuê văn hóa phẩm, dụng cụ thể thao.</i>	
<input type="checkbox"/>	Phòng tập thể hình, dịch vụ vận chuyển, Internet, dịch vụ ăn uống	0,5 Điểm
<input type="checkbox"/>	Bao gồm ý trên; chăm sóc sức khỏe, chăm sóc sắc đẹp, bể bơi, phòng chơi bài	1,5 Điểm
<input type="checkbox"/>	Bao gồm 2 ý trên; bar đêm, biểu diễn ca nhạc, phục vụ người tàn tật; có chuyên gia huấn luyện một số môn thể thao, giải trí; sân tennis	2,0 Điểm
<input type="checkbox"/>	Bao gồm 3 ý trên; trung tâm mua sắm; dịch vụ thẩm mỹ; điều dưỡng; có chuyên gia hướng dẫn một hoặc một số hoạt động giải trí (nấu ăn, trồng cây cảnh, tập thể hình, học vẽ, điêu khắc,...); thư viện; một hoặc một số môn thể thao trong nhà và ngoài trời (bóng ném, sân tập gôn,...)	3,0 Điểm
<b>8.2. Chất lượng dịch vụ</b>		<b>2,0 Điểm</b>
<input type="checkbox"/>	Đúng quy trình kỹ thuật, nghiệp vụ; thái độ thân thiện	0,5 Điểm
<input type="checkbox"/>	Bao gồm ý trên; tay nghề kỹ thuật cao	1,0 Điểm
<input type="checkbox"/>	Bao gồm 2 ý trên; phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận trong phục vụ khách; có tinh chuyên nghiệp trong phục vụ	1,5 Điểm
<input type="checkbox"/>	Bao gồm 3 ý trên; chất lượng phục vụ hoàn hảo; nhanh nhẹn, nhiệt tình, chu đáo	2,0 Điểm
<b>8.3. Mức độ phục vụ của các dịch vụ</b>		<b>2,5 Điểm</b>
<input type="checkbox"/>	Lễ tân, bảo vệ trực 24/24 h; vận chuyển hành lý; vệ sinh buồng ngủ một ngày một lần; thay ga bọc chăn, bọc đệm và vỏ gối hai ngày một lần hoặc khi có khách mới; thay khăn mặt, khăn tắm một ngày một lần; có bảng hướng dẫn khách bảo vệ môi trường đặt trong buồng ngủ; phục vụ món ăn, đồ uống đơn giản, dễ chế biến từ 6 h đến 22 h	0,5 Điểm
<input type="checkbox"/>	Bao gồm ý trên; phục vụ ăn một ngày ba bữa	1,0 Điểm

- Bao gồm 2 ý trên; nhân viên trực buồng 24/24 h; thay ga bọc chăn, bọc đệm và vỏ gối một ngày một lần; phục vụ ăn uống từ 6h đến 24 h; phục vụ món ăn, đồ uống phong phú, chất lượng tốt; ăn sáng tự chọn; phục vụ ăn uống tại buồng ngủ. 1,5 Điểm
- Bao gồm 3 ý trên; vệ sinh buồng ngủ một ngày 2 lần; thay khăn mặt, khăn tắm, khăn lau tay, khăn chùi chân 2 lần/ngày; trong buồng ngủ: đặt hoa quả tươi khi có khách, đặt một loại tạp chí, đặt trà, cà phê, đường, sữa túi nhỏ miễn phí, phục vụ ăn uống giải trí 24/24h, phục vụ món ăn, đồ uống cao cấp, phục vụ tiệc cao cấp 2,0 Điểm
- Bao gồm 4 ý trên; hai loại tạp chí; phục vụ các loại rượu, món căn và đồ uống đặc biệt; có đầu bếp chuyên nghiệp, phục vụ ăn uống đặc sản 2,5 Điểm

## 9. NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN PHỤC VỤ

### 9.1. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, vi tính 12,5 Điểm

#### 1) Người quản lý

*Phải có kiến thức về quản lý lưu trú du lịch, an ninh an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm hoặc có chứng chỉ VTCB (Hội đồng cấp chứng chỉ ngành du lịch Việt Nam)*

##### Trình độ:

- Tốt nghiệp trình độ Trung cấp 0,5 Điểm
- Tốt nghiệp trình độ Đại học 1,0 Điểm

##### Kinh nghiệm:

- 1 năm kinh nghiệm 0,5 Điểm
- 2 năm kinh nghiệm 1,0 Điểm
- 3 năm kinh nghiệm 1,5 Điểm
- ≥ 4 năm kinh nghiệm 2,0 Điểm

##### Trình độ ngoại ngữ:

- Giao tiếp tốt 1 ngoại ngữ (trong phạm vi nghề) 1,0 Điểm
- Thông thạo 1 ngoại ngữ 1,5 Điểm
- Thông thạo 1 ngoại ngữ và giao tiếp tốt 1 ngoại ngữ khác 2,0 Điểm

#### 2) Trưởng các bộ phận:

*Phải có kiến thức về quản lý lưu trú du lịch, an ninh an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm hoặc có chứng chỉ VTCB (Hội đồng cấp chứng chỉ ngành du lịch Việt Nam); sử dụng tốt vi tính văn phòng*

##### Trình độ:

- Tốt nghiệp trình độ sơ cấp nghề 0,5 Điểm
- Tốt nghiệp trình độ Cao đẳng, Đại học 1,0 Điểm

##### Kinh nghiệm:

- 1 năm kinh nghiệm 0,5 Điểm
- 2 năm kinh nghiệm 1,0 Điểm
- 3 năm kinh nghiệm 1,5 Điểm
- ≥ 4 năm kinh nghiệm 2,0 Điểm

##### Trình độ ngoại ngữ:

- Giao tiếp tốt 1 ngoại ngữ 0,5 Điểm
- Thông thạo 1 ngoại ngữ 1,0 Điểm
- Thông thạo 1 ngoại ngữ, và giao tiếp tốt 1 ngoại ngữ khác 1,5 Điểm

#### 3) Nhân viên phục vụ:

*Phải có kiến thức về nghiệp vụ du lịch; sử dụng được vi tính văn phòng*

**Trình độ:**

- |  |          |
|--|----------|
| <input type="checkbox"/> 50% nhân viên có chứng chỉ nghề hoặc chứng chỉ của VTCB | 0,5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> 70% nhân viên có chứng chỉ nghề hoặc chứng chỉ của VTCB | 1,0 Điểm |
| <input type="checkbox"/> 90% nhân viên có chứng chỉ nghề hoặc chứng chỉ của VTCB | 1,5 Điểm |

**Trình độ ngoại ngữ (nhân viên trực tiếp phục vụ khách):**

- |   |          |
|---|----------|
| <input type="checkbox"/> Giao tiếp tốt 1 ngoại ngữ (trong phạm vi nghề)           | 0,5 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Thông thạo 1 ngoại ngữ                                   | 1,0 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Thông thạo 1 ngoại ngữ và giao tiếp tốt 1 ngoại ngữ khác | 1,5 Điểm |

**9.2. Trang phục**

- |  |        |
|--|--------|
| <input type="checkbox"/> Kiểu dáng phù hợp với chức danh và vị trí công tác, màu sắc hài hòa, thuận tiện                               | 1 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Bao gồm ý trên; chất liệu tốt, kiểu dáng đẹp, phù hợp với môi trường và tạo phong cách riêng của làng du lịch | 2 Điểm |
| <input type="checkbox"/> Bao gồm 2 ý trên; được phục vụ, giặt là trong làng du lịch  | 3 Điểm |

**Tổng Điểm phần C (Tổng điểm (6-9) x 0,5): ..... Điểm**

**Kết quả: Tổng Điểm (Phần A + B + C): ..... Điểm**

**Xếp hạng: ..... Sao**

**Ý kiến của người đánh giá:**

.....  
.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*



Phụ lục 02

**MẪU BẢN GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC HOẶC HỘ CÁ THỂ  
THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

(Kèm theo Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 03/5/2019  
của UBND tỉnh Bến Tre)

(Tên tổ chức, hộ cá thể)

.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày      tháng      năm 2019

**TÊN TỔ CHỨC HOẶC HỘ CÁ THỂ: ...**

1. Địa chỉ, điện thoại, fax, email, website (nếu có).
2. Cơ cấu tổ chức, loại hình doanh nghiệp (Cần thể hiện rõ sơ đồ tổ chức, mô tả chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận)
3. Sự tham gia của cộng đồng (Tổng số lao động, số lao động địa phương, mức độ tham gia của cộng đồng trong cơ cấu ban lãnh đạo, cơ cấu vốn góp của cộng đồng)
4. Hoạt động kế toán của cơ sở (Số lượng, trình độ, tính liên tục ...)
5. Tình hình tiếp thị sản phẩm
  - Khách hàng chính (thị trường địa phương, trong nước, quốc tế - hợp đồng/hóa đơn bán hàng);
  - Tổ chức phân phối: Bán tại nơi sản xuất (mô tả khu vực bán hàng, hình ảnh minh họa...), đại lý (tên, địa chỉ), hệ thống phân phối (sơ đồ, địa chỉ các bộ phận - khu vực);
  - Quảng bá sản phẩm: Kế hoạch (quảng bá theo tháng, năm), các hoạt động (hồ sơ, tài liệu minh chứng đã thực hiện)
6. Phương án bảo vệ môi trường (Cam kết bảo vệ môi trường/đáng giá tác động bảo vệ môi trường hoặc kế hoạch thu gom rác thải, hệ thống xử lý chất thải)

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ,  
PHƯỜNG, THỊ TRẤN**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ  
CHỨC, HỘ CÁ THỂ**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phụ lục 03

**GIẤY CÔNG NHẬN**

(Kèm theo Quyết định số: 871/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh Bến Tre)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**GIẤY CÔNG NHẬN**



*(Ghi số hình ngôi sao đạt được)*

Sản phẩm:.....  
Đơn vị:.....  
Địa chỉ:.....  
Đạt.....sao tại Cuộc thi đánh giá, xếp hạng sản phẩm năm .....

.....ngày.....tháng.....năm.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Ký và đóng dấu)*

*Theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày...../...../.....  
Có giá trị 03 năm, kể từ ngày cấp.*

*Ghi chú: Logo trên là tạm thời có thể thay đổi theo quy định của Trung ương, họa tiết trang trí hình viền chỉ là minh họa, có thể thay đổi.*





Phiếu 04

**PHIẾU ĐĂNG KÝ TƯỞNG SẢN PHẨM MỚI  
THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

*(Kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 của UBND tỉnh Bến Tre)*

TÊN Ý TƯỞNG SẢN PHẨM/SẢN PHẨM: .....

TÊN DN/HTX/TỔ HỢP TÁC/HỘ SẢN XUẤT: .....

ĐỊA CHỈ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email: ..... Website (nếu có): .....

**NGUYÊN TẮC CỦA CHƯƠNG TRÌNH OCOP**

**1. Hành động địa phương - hướng tới toàn cầu**

Nghĩa là nhận biết và khai thác các nguồn lực sẵn có ở địa phương và phát triển chúng thành các sản phẩm có khả năng tiếp cận thị trường toàn cầu bằng cách gia tăng giá trị cho chúng và theo tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu thị trường quốc tế.

**2. Tự lực - sáng tạo**

Nghĩa là để có thể cạnh tranh trên thị trường toàn cầu, người dân cần liên tục phát triển giá trị độc đáo của riêng mình, bằng tinh thần sáng tạo của chính mình.

**3. Phát triển nguồn nhân lực**

Thông qua chương trình OCOP, lãnh đạo cộng đồng, người đứng đầu các tổ chức kinh tế (giám đốc DN, HTX, trưởng nhóm), nguồn nhân lực có trình độ và các mạng lưới được tạo ra và phát triển để phát triển bền vững.

**PHẦN A**

**DANH CHO NHÂN VIÊN PHỤ TRÁCH OCOP CẤP HUYỆN**

Phiếu số: .....-20..../PDK-O... Ngày nhận:.....

Người tiếp nhận:..... Chữ ký: .....

**DANH CHO NHÂN VIÊN PHỤ TRÁCH OCOP CẤP TỈNH**

Phiếu số: .....-20..../PDK-O... Ngày nhận:.....

Người tiếp nhận:..... Chữ ký: .....



**PHẦN B**  
**THÔNG TIN VỀ Ý TƯỞNG SẢN PHẨM MỚI**

1. Tên ý tưởng sản phẩm: .....
2. Mô tả sản phẩm
  - 2.1. Giá trị của sản phẩm/phần cốt lõi (lý do khiến khách hàng muốn mua sản phẩm):
  - 2.2. Quy cách đóng gói cho một đơn vị sản phẩm/gói sản phẩm dịch vụ du lịch (mô tả cụ thể, kèm theo hình vẽ minh họa - nếu có):
  - 2.3. Tên nhãn hiệu (dự kiến) của sản phẩm: .....
  - 2.4. Mức chất lượng của sản phẩm (đánh dấu ✓ vào vị trí thích hợp):
    - Cho thị trường quốc tế
    - Cho thị trường Việt Nam: Mức chất lượng cao , Mức chất lượng khá , Mức chất lượng bình thường
  - 2.5. Thị trường mục tiêu (đánh dấu ✓ vào vị trí thích hợp):
    - Phạm vi: Trong tỉnh , Ngoài tỉnh
    - Địa điểm cụ thể (nếu có): .....
    - Dân cư: Thành thị , Nông thôn
    - Mức thu nhập: Cho người giàu và khá giả , cho bình dân
  - 2.6. Đối thủ cạnh tranh (điền vào chỗ trống dưới đây):
    - Tên sản phẩm tương tự đã có trên thị trường: .....
    - .....
    - Điểm khác biệt của sản phẩm so với các sản phẩm tương tự trên thị trường: .....
    - .....
  - 2.7. Quy mô thị trường dự kiến: Lượng khách hàng dự kiến là..... người/năm
  - 2.8. Giá bán dự kiến/đơn vị sản phẩm (khuyến khích xây dựng giá bán buôn, bán lẻ, ...): .....
  - 2.9. Câu chuyện về sản phẩm (tóm tắt lịch sử hoặc câu chuyện về sản phẩm theo 1 hoặc tất cả các gợi ý ở phần dưới đây, kể cả câu chuyện mới):
    - Nguồn gốc/lịch sử: .....
    - Yếu tố văn hóa: .....
    - Yếu tố địa danh: .....
    - Yếu tố khác (nếu có):
3. Loại sản phẩm mới (đánh dấu ✓ vào vị trí thích hợp):
  - Mới hoàn toàn , Cải tiến từ sản phẩm đã có , Dựa trên sản phẩm truyền thống đã có
4. Tình trạng (đánh dấu ✓ vào vị trí thích hợp):

Mới là ý tưởng , Đang được nghiên cứu và hoàn thiện , Đã có mẫu sản phẩm

- Tư liệu hiện có dự kiến phục vụ sản xuất:

+ Nhà xưởng: .....

+ Vật tư, trang thiết bị: .....

+ Khác: .....

- Vùng nguyên liệu (hiện có/dự kiến, quy mô,...): .....

### 5. Các nguyên liệu và nguồn gốc

TT	Tên nguyên liệu chính	Nguồn gốc (cụ thể ở đâu, tỷ lệ)
1		
2		
...		

### 6. Mô hình tổ chức (hoặc dự kiến) (đánh dấu vào vị trí thích hợp)

- Doanh nghiệp tư nhân , Công ty TNHH một thành viên , Công ty TNHH hai thành viên trở lên , Công ty cổ phần

- Hợp tác xã

- Loại hình khác (ghi rõ):

### 7. Quy trình sản xuất, quy mô sản xuất (điền vào chỗ trống)

- Quy mô sản xuất: ..... sản phẩm /năm

- Sơ đồ tóm tắt quy trình sản xuất (vẽ sơ đồ vào phần này hoặc có thể trình bày riêng dạng phụ lục đính kèm phiếu này):

### Một số yếu tố liên quan đến môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh:

- Hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất: .....

- Chất thải trong quá trình sản xuất (mô tả cụ thể):

+ Dạng rắn (bã thải, túi nylon,...): .....

+ Dạng lỏng: .....

+ Dạng khí: .....

- Giải pháp bảo vệ môi trường (xử lý chất thải như thế nào?): .....

### 8. Nhân lực tham gia: Tổng nhân lực (dự kiến): ..... người, trong đó:

- Lao động phổ thông: ..... người. Trong đó, người trong huyện: ..... người

- Lao động qua trung cấp: ..... người. Trong đó, người trong huyện: ..... người

- Lao động qua đại học: ..... người. Trong đó, người trong huyện: ..... người

### 9. Dự kiến thời gian và kinh phí cần để phát triển sản phẩm mới (ghi mục này nếu chưa có mẫu sản phẩm)

- Thời gian cần thiết để có mẫu sản phẩm mới hoàn thiện: .....tháng
- Kinh phí cần thiết để có mẫu sản phẩm mới hoàn thiện: .....đồng

**10. Dự kiến vốn tổ chức sản xuất và lợi nhuận**

- Dự kiến tổng vốn cần có để tổ chức sản xuất: .....đồng
- Dự lợi nhuận khi được sản xuất: .....đồng/năm

**11. Dự kiến nhu cầu hỗ trợ**

Trình bày ngắn gọn trong bảng dưới đây về lĩnh vực và yêu cầu các cơ quan thực hiện:

TT	Lĩnh vực hỗ trợ	Loại/hỗ trợ cụ thể	Cơ quan/tổ chức đáp ứng nhu cầu hỗ trợ (nếu biết)
1	Kỹ thuật	Đào tạo về quản trị kinh doanh, công nghệ chế biến, kiểm soát chất lượng,... (nếu cụ thể):	
2	Tiếp thị	Triển lãm, xây dựng thương hiệu, đóng gói, phát triển sản phẩm,... (nếu cụ thể):	
3	Lĩnh vực khác		

**PHẦN C**

Dành cho tổ chức/cá nhân đề xuất:

Tên tổ chức/cá nhân: .....

Xin gửi Phiếu đăng ký này đến OCOP huyện/thành phố: .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

**ĐẠI DIỆN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Dành cho quản lý:

Ý kiến của OCOP cấp huyện:

.....

.....

**ĐẠI DIỆN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Mẫu 05

## PHIẾU ĐĂNG KÝ SẢN PHẨM ĐÃ CÓ

(Kèm theo Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh Bến Tre)

TÊN SẢN PHẨM ĐỀ XUẤT: .....

TÊN DN/HTX/TỔ HỢP TÁC/HỘ SẢN XUẤT: .....

ĐỊA CHỈ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Email : ..... Website (nếu có) : .....

### NGUYÊN TẮC CỦA CHƯƠNG TRÌNH OCOP

#### 1. Hành động địa phương - hướng tới toàn cầu

Nghĩa là nhận biết và khai thác các nguồn lực sẵn có ở địa phương và phát triển chúng thành các sản phẩm có khả năng tiếp cận thị trường toàn cầu bằng cách gia tăng giá trị cho chúng và theo tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu thị trường quốc tế.

#### 2. Tự lực - sáng tạo

Nghĩa là để có thể cạnh tranh trên thị trường toàn cầu, người dân cần liên tục phát triển giá trị độc đáo của riêng mình, bằng tinh thần sáng tạo của chính mình.

#### 3. Phát triển nguồn nhân lực

Thông qua chương trình OCOP, lãnh đạo cộng đồng, người đứng đầu các tổ chức kinh tế (giám đốc DN, HTX, trưởng nhóm), nguồn nhân lực có trình độ và các mạng lưới được tạo ra và phát triển để phát triển bền vững.

### PHẦN A

#### DANH CHO NHÂN VIÊN PHỤ TRÁCH OCOP CẤP HUYỆN

Phiếu số: ...../PDK-O..... Ngày nhận:.....

Người tiếp nhận:..... Chữ ký: .....

#### DANH CHO NHÂN VIÊN PHỤ TRÁCH OCOP CẤP TỈNH

Phiếu số: ...../PDK-O... Ngày nhận:.....

Người tiếp nhận:..... Chữ ký: .....

## CÁC YẾU TỐ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA OCOP

- (1) Sử dụng nguyên liệu và tài nguyên sẵn có ở địa phương
- (2) Có gia tăng giá trị
- (3) Có tiềm năng thị trường
- (4) Có phương án kinh doanh
- (5) Tự lực và chủ động
- (6) Có mức độ sở hữu rộng của cộng đồng
- (7) Cộng đồng có quyền trong điều hành sản xuất, kinh doanh
- (8) Có ban lãnh đạo tốt
- (9) Có tiềm năng thành thương hiệu của huyện

### PHẦN B

#### THÔNG TIN VỀ DN/HTX/NHÓM/HỘ

1. Tên DN/HTX/nhóm/hộ: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Điện thoại: ..... Email:.....
4. Ngày thành lập/đăng ký:..... Số đăng ký (nếu có): .....
5. Loại hình tổ chức<sup>1</sup>:.....
6. Tên người điều hành chủ thể sản xuất: .....
- Địa chỉ thường trú: .....
- Điện thoại: ..... Email: .....
7. Tên sản phẩm/dịch vụ (mô tả về quy cách đóng gói): .....
- .....

#### *Tích vào mục tương ứng:*

- Đã có công bố chất lượng (tự công bố/xác nhận công bố):
- Đã có sở hữu trí tuệ:  Loại hình đăng ký sở hữu trí tuệ: .....
- Đã có giấy đủ điều kiện sản xuất (ATTP với thực phẩm,...) cho sản xuất sản phẩm tương ứng:

#### *Trình bày vắn tắt:*

8. Lịch sử của DN/HTX/nhóm/hộ: .....
9. Tại sao lại thành lập DN/HTX/nhóm/hộ này và thành lập như thế nào: .....
10. DN/HTX/nhóm/hộ đã thêm giá trị vào các tài nguyên sẵn có ở địa phương như thế nào: .....

<sup>1</sup> DNTN, Công ty TNHH MTV, Công ty TNHH 2TV trở lên, Công ty cổ phần, HTX, hộ kinh doanh...

## PHẦN C

### CƠ SỞ VẬT CHẤT SẢN XUẤT KINH DOANH

(Đánh dấu (✓) và viết vào các phần trống dưới đây)

11. Đất và văn phòng: Thuê , Sở hữu
12. Đất sản xuất: Thuê , Sở hữu
13. Nguồn điện: Đã mắc , Đang mắc , Đang lập kế hoạch , Không có
14. Nguồn nước: Nước máy , Giếng khoan , Không có ,  
Nguồn khác : .....
15. Phương tiện vận tải: Có xe ô tô/tải , Xe máy , Xe trâu/bò kéo , Không có ,  
Thuê , Phương tiện công cộng
16. Phương tiện truyền thông: Điện thoại để bàn , Điện thoại di động , Fax ,  
Bưu điện , E-mail , Không có

### HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

17. Bán hàng (năm liền trước)

Sản phẩm	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
<b>Tổng thu (1)</b>			

18. Chi phí (năm liền trước)

Hạng mục	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
<i>Nguyên vật liệu</i>			
<i>Nhiên, phụ liệu</i>			
Điện			
Nước			

Hạng mục	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
<b>Bao bì</b>			
<b>Nhân công</b>			
<b>Quản lý</b>			
<b>Vận chuyển</b>			
<b>Chi phí khác</b>			
<b>Tổng chi phí (2)</b>			

19. Lãi/lỗ (năm liền trước)

Tổng (1)	
Tổng (2)	
Chênh lệch (1) – (2) (VNĐ)	

20. Nhân lực (năm liền trước)

Giới tính	Số người
Nam	



Nữ	
Tổng	

21. Nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào

Loại nguyên liệu đầu vào	Nguồn (ghi cụ thể địa chỉ nhập)	Số lượng	Giá (VNĐ)

**PHẦN D**

**THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

22. Mô tả vắn tắt phương án sản xuất kinh doanh:

- Mục tiêu sản xuất kinh doanh

- Kế hoạch sản xuất

+ Quy mô sản xuất:.....sản phẩm/năm

+ Mức độ thường xuyên sản xuất sản phẩm (theo ngày, tuần, tháng...)

+ Nơi sản xuất sản phẩm

+ Sơ đồ tóm tắt quy trình sản xuất (vẽ sơ đồ vào phần này hoặc có thể trình bày riêng dạng phụ lục đính kèm phiếu này)

+ Hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất: .....

+ Chất thải trong quá trình sản xuất: (dạng rắn (bã thải, túi nylon,...), dạng lỏng, dạng khí...):.....

+ Giải pháp bảo vệ môi trường (xử lý chất thải như thế nào?): .....

+...

- Huy động nguồn lực

+ DN/HTX/nhóm/hộ đã huy động vốn cho sản xuất kinh doanh như thế nào?

+ Số vốn góp của người địa phương?

+ ...

- Kế hoạch tiếp thị sản phẩm

+ Thị trường tiêu thụ (cụ thể địa điểm/khu vực đang phân phối)

+ Phân khúc khách hàng (khá giả, bình dân, nông thôn, thành thị...)

+ Quy mô thị trường

+ *Đối thủ cạnh tranh (Tên sản phẩm tương tự, điểm khác biệt của sản phẩm so với các sản phẩm tương tự trên thị trường,...)*

+ *Câu chuyện về sản phẩm (tóm tắt lịch sử hoặc câu chuyện liên quan đến sản phẩm về nguồn gốc, các yếu tố văn hóa, các yếu tố địa danh,...)*

+ *Các hoạt động tiếp thị sản phẩm*

- *Phương án tài chính*

- *Hiệu quả (các tác động tích cực với xã hội như: công ăn việc làm, phúc lợi, môi trường,...)*

23. DN/HTX/nhóm/hộ có nhận được hỗ trợ về đào tạo nào không?: Có  Không   
Nếu có, trình bày ngắn gọn loại hình đào tạo và tổ chức thực hiện đào tạo:

24. DN/HTX/nhóm/hộ còn nhận được hỗ trợ nào khác không? Có  Không   
Nếu có, trình bày vắn tắt:

25. DN/HTX/nhóm/hộ có gặp mặt/họp thường xuyên không?

26. Cách chia số tiền thu được:

27. Liệt kê các thách thức chính của DN/HTX/nhóm/hộ

## PHẦN E

### NHU CẦU HỖ TRỢ

*Trình bày ngắn gọn trong bảng dưới đây về lĩnh vực và yêu cầu các cơ quan thực hiện:*

TT	Lĩnh vực hỗ trợ	Loại/hỗ trợ cụ thể	Cơ quan/tổ chức có thể đáp ứng nhu cầu hỗ trợ (nếu biết)
1	Kỹ thuật	Đào tạo về quản trị kinh doanh, công nghệ chế biến, kiểm soát chất lượng,... (nêu cụ thể)	
2	Tiếp thị	Triển lãm, xây dựng thương hiệu, đóng gói, phát triển sản phẩm,... (nêu cụ thể)	
3	Tài chính	Kết nối với các tổ chức tài chính để mua thiết bị và máy móc (nêu cụ thể)	
4	Khác		

**PHẦN G**

**Dành cho tổ chức/cá nhân đề xuất:**

Tên tổ chức/cá nhân: .....

Xin gửi Phiếu đăng ký này đến OCOP huyện/thị xã/thành phố: .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

**ĐẠI DIỆN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Dành cho quản lý:**

Ý kiến của OCOP cấp huyện: .....

.....

.....

**ĐẠI DIỆN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



## Phụ lục 06

# BIỂU MẪU KẾ HOẠCH KINH DOANH

(Kèm theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND tỉnh Bến Tre)

## I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ

1. Tên cơ sở
2. Địa chỉ trụ sở chính
3. Vốn điều lệ
4. Số lượng thành viên
5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính
6. Tổ chức: bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy

## II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

1. Đánh giá về tình hình thị trường và thương nhân  
*(Tổng quát về nhu cầu thị trường, đối thủ cạnh tranh, khả năng tham gia thị trường, thuận lợi, khó khăn khi tham gia thị trường)*
2. Lựa chọn mặt hàng, thời cơ, điều kiện và phương thức kinh doanh  
*(Cần thể hiện tên sản phẩm, giá trị cốt lõi, nguyên liệu chính, nguồn gốc nguyên liệu, ..., thời điểm thực hiện, tự sản xuất hay liên kết, phân phối)*
3. Mục tiêu sản xuất kinh doanh  
*(Kế hoạch sản xuất: Số lượng sản xuất, thời gian sản xuất; số lượng hàng bán, giá, doanh thu tổng cả năm, doanh thu tại các thị trường; ...)*
4. Quy trình sản xuất, quy mô sản xuất  
*(Quy mô, sơ đồ quy trình, thuyết minh sơ đồ quy trình)*
5. Các nguồn lực  
*(Nhân lực tham gia; công nghệ, thiết bị, cơ sở hạ tầng đáp ứng sản xuất, ...)*
6. Tiếp thị sản phẩm  
*(Cần thể hiện rõ thị trường dự kiến, kế hoạch xúc tiến, chính sách giá bán, ...)*
7. Phương án tài chính  
*(Cần thể hiện rõ nhu cầu vốn, phương án huy động vốn; các phương án tài chính khác - nếu có)*
8. Hiệu quả về kinh tế - xã hội  
*(Cần thể hiện rõ doanh thu, chi phí, lợi nhuận; các tác động tích cực với xã hội như: công ăn việc làm, phúc lợi, môi trường, ...)*
9. Phân tích rủi ro  
*(Dự báo các rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh, phương án khắc phục - nếu có)*
10. Kế hoạch triển khai  
*(Cần thể hiện rõ các nội dung triển khai, tiến độ triển khai, tổ chức thực hiện, kết quả, yêu cầu tài chính ...)*

## III. KẾT LUẬN

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ SỞ

(Ký, họ tên, đóng dấu)